

## MỤC LỤC

Nỗi khổ tâm của một ông chủ tịch huyện.....	3
Nông dân.....	6
Chuyện của một cựu chiến binh .....	10
Chuyện vặt trong nhà .....	12
Chuyện phiếm bên bàn trà .....	15
Chuyện của người thu mua giấy vụn.....	17
Lại chuyện phiếm bên bàn trà .....	21
Xứ yêu.....	24
Nhớ một thầy giáo cũ .....	26
Lại chuyện ê - kíp.....	28
Người phố ở quê .....	31
Con nuôi con đẻ.....	34
Người không quen ở nhà mình .....	38
Đại tướng Võ Nguyên Giáp.....	41
Má và các con.....	46
Blaga Dimitrôva.....	55
Người cầm cờ trên Dinh Độc Lập.....	63
Kể tiếp chuyện lão Chộp.....	67
Ông chủ xe bụi .....	74
Mẹ và con.....	81
Hoạ sĩ Lê Thanh Minh.....	87
Nhà văn Hữu Ước- người của hôm nay .....	92
Nhà báo Hữu Thọ.....	97

Trần Anh Thái, bạn tôi .....	104
Giáo sư Nguyễn Lân.....	108
Theo Vũ Cao về nguồn .....	112
Cùng nhà văn Tô Hoài ngắm phố phường Hà Nội.....	118

## NỖI KHỔ TÂM CỦA MỘT ÔNG CHỦ TỊCH HUYỆN

Xưa nay, dường như cứ thấy ai may mắn, người ta lại tặc lưỡi, buông một câu cửa miệng: Cái thằng có số sướng như vua! Làm cứ như vua chúa ngày xưa sướng lắm.

Chỉ ở trong chăn mới biết chăn có rận. Làm vua cho ra vua cũng khôn nạn vô cùng. Đây, cứ như ngài Ung Chính đấy, nào có sướng gì đâu. Để có được một cuộc cải cách mang lại sự hưng thịnh cho quốc gia, ngài cũng phải dần vật cũng bỏ sắp bỏ ngựa, chẳng khác gì thằng giới đầy. Dân đen cũng chẳng đến nỗi khôn khổ như vậy. Nói thế, xem ra toàn là chuyện xa lạ. Hãy cứ nhìn ông bạn tôi kia. Ông không phải vua, cũng chẳng phải chúa. Mới chỉ là chủ tịch huyện. Thế mà xem ra cũng lắm nỗi gian truân, cũng nhiều đêm phải dần vật mất ngủ. Có khi sự rắc rối lại bắt đầu ngay từ cái sở thích có từ thời cha sinh mẹ đẻ của mình.

Số là bạn tôi rất mê bóng đá. Điều ấy thì cũng chẳng có gì đặc biệt. Vì toàn dân mình đều mê bóng đá cả đấy thôi. Có anh cá cược đến mất cửa mất nhà. Có cậu phởn chí, rú xe máy đến toi cả tính mạng. Hoá ra dân mình còn cuồng si hơn cả dân Braxin. Ông chủ tịch huyện bạn tôi cũng vậy thôi. Nói chuyện gì rồi cuối cùng cũng lại quay về bóng đá. Ông bảo:

- Thời chiến tranh gian khổ là thế mà mình còn cho Pháp và Mỹ xơi những cú sút thủng lưới. Bây giờ hoà bình rồi, đổi mới chiến thuật rồi, chả lẽ mình lại để cái đói, cái nghèo cho xơi bàn trắng sao. Phải tích cực làm bàn. Phải biến những ý tưởng tốt đẹp của ta thành những bàn thắng vang dội.

Cứ thế, nhiều khi ông dùng toàn ngôn ngữ sân cỏ triển khai công tác hoặc phổ biến nghị quyết của huyện. Ai đi qua cũng tưởng có cuộc tường thuật bóng đá trên đài. Đến thăm Trường trung học đào tạo các cô nuôi dạy trẻ đóng trên địa bàn huyện, ông cứ đứng ngắm mãi cái bãi đá hoang ở sau trường. Rồi ông lẩm bẩm:

- Tuyệt! Chỗ này mà làm được cái sân bóng đá thì thật tuyệt vời!

Đám trợ lý gật gù tán thưởng. Nhiều người còn tỏ ra bái phục ông chủ tịch có con mắt không giống mọi người. Không hiểu sao, ông lại nhìn bãi đá ong nham nhở thành cái sân bóng đá. Thế rồi hơn ba tháng sau, ông chủ tịch huyện đột ngột nhận được giấy mời của Trường trung học nuôi dạy trẻ: Theo chỉ thị của anh, trường Trung học mẫu giáo đã xây dựng xong sân bóng. Xin trân trọng kính mời anh về cắt băng khánh thành công trình.

Quái, sao lại có chuyện kỳ cục thế nhỉ? Ông chủ tịch ngớ ra. Mình chỉ thị làm sân bóng bao giờ? Rồi ông mang máng nhớ hình như có lần, mình bông lơn một câu gì đó. Nói rồi quên. Thì ai mà lẩn mẩn nhớ hết được những câu nói băng quơ, những lời tán nhăng tán cuội dọc đường của mình. Vậy mà cấp dưới ông lại nhớ. Ngay sau khi ông đi, kế hoạch xây dựng sân bóng đá đã được triển khai. Nhiều người bắn khoăn ngờ vực: Tại sao lại xây sân bóng ở cái xó xinh hẻo lánh này nhỉ? Xây cho ai đá? Chả lẽ lại mấy cô nuôi dạy trẻ liễu yếu đào tơ? Mà rồi đá cho ai xem? Móc đâu ra khán giả ở cái xó xinh heo hút này? Thật vô lý, khó tin. Thì đã sao? Trên đời này còn có khối điều vô lý khó tin hơn mà vẫn cứ ngang nhiên diễn ra trước mắt đó thôi. Thế là mặc lời ong tiếng ve, cái sân bóng vẫn cứ được triển khai cấp tốc. Phải hoàn thành trước kế hoạch. Mưa bão cũng làm. Đem cũng đốt đuốc làm. Có anh cụt cả hai chân vì nổ mìn phá đá. Chủ tịch huyện buồn lắm. Nỗi buồn chẳng biết ngỏ cùng ai, ông đành trút sang đám bạn bè cùng học. Ông bạn cựu chiến binh thở dài:

- Lỗi tại cậu thôi!

- Tại sao lại tại tôi? Tôi chỉ thị bao giờ? Chỉ thị đâu? Văn bản đâu nào?

- Ở nước mình sợ nhất là những chỉ thị không có văn bản. Cậu quên mất rằng cậu là chủ tịch huyện, người đứng đầu của cả một vùng. Như thế thì cậu đâu còn là cậu nữa. Cậu khen thằng nào thì thằng ấy có thể được nâng lương được lên chức. Cậu chê ai thì người đó có thể bị mất việc, ra đứng đường. Ngay cả lời nói đùa của cậu, người ta cũng nghĩ là chỉ thị. Đó là chưa kể những cán bộ cấp dưới

có thằng cứ hong hóng đón ý cậu, chiều theo ý cậu để lấy lòng cấp trên. Thế là lại khổ dân...

- Không, không thể như thế được. - Chủ tịch huyện kêu lên. - Chẳng lẽ chỉ mới làm có đến chủ tịch huyện mà tôi đã không còn là tôi nữa ư? Không được bộc lộ niềm yêu thích thể thao không được nói cả những câu bông đùa ở dọc đường. Thế thì tôi là cái gì?

- Cậu là chủ tịch huyện. Bọn cấp dưới nó sẽ nhìn vào cậu, đón ý cậu...

- Không - Chủ tịch huyện kêu lên. - Không thể để cái lũ xu nịnh ấy tồn tại theo kiểu đó được. Tham nhũng cũng từ đấy mà ra. Nỗi khổ muôn dân cũng từ đấy mà ra. Tôi là tôi sút tất. Sút..út...út...!

## NÔNG DÂN

Thời nào nông dân cũng rất khổ. Hình như họ sinh ra để khổ. Có cho sướng cũng không sướng được. Có phủ lên vai họ tấm áo bào lông lầy của vua thì họ cũng không thể thành được ông vua. Họ khổ đến mức không còn biết là mình khổ nữa. Người nông dân ta dường như không có thói quen so sánh mình với người dân ở các nước tiên tiến, cũng không so với dân đô thị. Họ chỉ so mình với chính mình thôi. Và thế là thấy sướng quá. Ai ở làng quê cũng biết khúc đồng dao này. Nó như lời thần chú truyền hết từ đời này đến đời khác:

*Lạy giời mưa xuống*

*Lấy nước tôi uống*

*Lấy ruộng tôi cày*

*Lấy bát cơm đầy*

*Lấy khúc cá to...*

Đây, mơ ước muôn đời của người nông dân đơn giản có thể. Họ chỉ cần nước uống, ruộng cày, bát cơm và khúc cá. Vậy mà cái khao khát tối thiểu ấy, trước đây đâu cũng đã có được. Người nông dân làm ra hạt gạo mà quanh năm đói. Đói ngày giỗ cha, no ba hôm Tết. Chỉ ngày Tết mới có bát cơm trắng, còn thì quanh năm ăn độn. Một hạt cơm công đến mấy hạt ngô. Nhiều nhà còn lấy gốc rau muống già băm nhỏ, rồi phơi khô nấu trộn với cơm. Xối bát cơm rang cứ đen như bát... phân trâu. Nhai miếng cơm như nhai cháo rách. Bây giờ thì chẳng cần phải lạy ông giời cũng có bát cơm đầy và khúc cá to rồi. Thế là sướng. Vua cũng chẳng bằng mình. Ông Giời ông Phật gì thì cũng cứ thua mình tất.

- Đây, cháu thấy lạ không. Đồng đất vẫn đồng đất ấy. Con người vẫn con người ấy, chỉ thay đổi cách quản lý, lãnh đạo là đời sống biến đổi như có phép lạ. Năm nay lại lũ lụt liên miên ở miền Trung, rồi miền Nam, rồi cả vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long cũng coi như là mất trắng. Người dân mình phải nhường cơm sẻ áo cho

bà con mình ở trong kia vậy mà bữa cơm cũng có vơi đi đâu.

Giá cả ngoài chợ cũng không có gì thay đổi. Vậy cháu thử cắt nghĩa xem sự thể nó là thế nào?

Ông chú ruột tôi cứ nhìn tôi lom lom. Ông già có thú vui, hầu như cứ lần nào tôi về quê, ông cụ cũng kéo tôi sang nhà rồi lại rĩ rả bàn chuyện chính trị. Mà toàn chuyện quốc gia, chuyện thế giới. Tôi ngồi im lặng, vì chưa đoán được ý ông cụ muốn câu chuyện đi theo hướng nào.

- Phải công nhận con cháu Cụ Hồ rất tài, cháu ạ. Bí bách kiểu gì rồi các bố ấy cũng tìm cách thoát ra được Trong khi nhiều nước đổ liểng xiểng. Thế mà mình thì có sao đâu nào. Vẫn cứ vững như bàn thạch nhá. Vấn đề lại không phải cứ trẻ mà được đâu, cháu ạ. Trẻ như Góc bu chớp đấy, loạng quạng thế nào để vỡ bố nó cái Liên Xô và Đông Âu. Rõ thật đau hơn hoạn.

Nói rồi, ông già quát đứa con út, xem có cái gì ngon thì đãi thằng anh mày. Cứ như lời ông già thì thằng anh ở mãi trên Trung ương. Mà trên Trung ương thì khổ rồi, đến cả cái tăm tre xỉa răng cũng không có, cũng phải bỏ cả đồng tiền ra mua. Lát sau, một mâm dưa đầy ngất được đặt lên phản. Dưa đỏ mà trông cứ trắng nhợt. Ông già hể hả:

- Ở quê bây giờ sướng lắm, cháu ạ. Mùa nào thức ấy. Tao nói thật, mâm dưa thế này thì đến cả mấy lão Góc bu chớp với Bin tợn cũng chẳng có mà ăn đâu...

Ông già nói với vẻ mặt rất phấn chấn. Còn tôi thì không sao nuốt nổi mấy miếng dưa sậm sật như khoai sồng. Tôi lựa lời bảo ông già:

- Vâng, quả thực ông Gorbachev có nhiều tội lắm. Ông ấy trẻ người non dạ nên loạng quạng làm vỡ mất cái Liên Xô và Đông Âu của cụ. Nhưng dưa của ông ấy thì ngon lắm...

- Anh bảo sao cơ?

- Là cháu nói dưa của nước ngoài ấy. Ngon lắm. Họ chỉ thua ta cái họ không có, như chuối, mít, na. Chứ hoa quả gì ta có mà họ cũng có thì ta không thể so được với họ đâu...

Tôi mới nói một phút sự thật về hoa quả, nghĩa là chỉ thuần chuyện thực phẩm thôi, mà ông già đã gườm gườm nhìn tôi như nhìn một thằng Bạch vệ. Rồi ông tìm bà mẹ tôi. Hai người rì rầm bàn bạc với nhau. Tưởng chuyện gì, hoá ra vẫn chuyện của tôi, mà chuyện rất nghiêm trọng.

- Đây, thì tôi đã nói ngay với bá rồi. Thằng này cứ để nó ở nhà đi cày thì nó lại tốt, lại vững lập trường quan điểm. Cho nó đi học Tây là hỏng rồi. Bây giờ nó đích thị là một thằng Tờ đột kít..

Bà mẹ tôi run rẩy:

- Tờ đột kít là gì, hả chú?

- Tờ là i -tờ. I tờ còn không biết thì là đột chứ còn gì nữa. Mà đột đến độ kít. Nghĩa là rất dốt. Rất nguy hiểm. Tờ đột kít chính là một tên chống Đảng ở bên Liên Xô!

- Chết chết. - Bà mẹ tôi rên rầm. - Con tôi sao lại sang đến tận Liên Xô để chống Đảng. Làm sao lại đến nông nổi này hử giờ. Chú cứ để đó cho tôi dạy cháu!

Thế rồi suốt đêm ấy, mẹ tôi nói với tôi bao chuyện. Toàn những chuyện cơm nặng áo dày của Đảng và Chính phủ. Một người như tôi mà còn bị chính bà mẹ mình nghi ngờ thì buồn cười quá. Tôi cứ cười thầm một mình. Nhưng đến khi thấy bà cụ khóc thì tôi phát hoảng. Lại nhớ lần về quê, tôi sang thăm bà cô, thấy trên tường ngổn ngang những vệt vôi quệt Cái dấu cộng (+). Cái dấu trừ (-). Tôi ngạc nhiên: Hợp tác xã tan rồi, sao cô vẫn còn ghi công điểm gì thế này?. Công điểm gì đâu cháu. Đây là những món nợ đấy. Thấy tôi ớ ra, bà cụ mới giải thích hặn kẽ. Đây là bát riêu cá nhà Độ. Đây là khúc cá rán nhà Toán. Còn đây là bát canh rau ngót nhà Thiều. Thì ra có món gì ngon, bà con hàng xóm thương cụ, cho bà cụ miếng gì, bà cụ lại quệt một vệt vôi lên vách. Để nhớ đấy là một món nợ. Thế rồi nhà có món gì ngon, cụ cũng lại sai con cháu mang sang biếu lại, rồi quệt lên vách dấu cộng. Coi như ơn nghĩa đã được trả xong.

Nông dân mình là thế. Một miếng khi đói bằng một gói khi no. Đảng chia cho họ một cái nồi đồng. một cái chảo gang, một cái cối đá thủng trong cái cách ruộng đất, cũng đủ để họ nhớ suốt đời, biên ơn suốt đời. Rồi họ mang xương máu của chồng, của con của chính



họ ra để trả nghĩa. Hàng triệu người chết trong mấy cuộc chiến tranh. Hàng vạn người cho đến tận hôm nay vẫn không tìm thấy được hài cốt. Họ chiến đấu hy sinh để bảo vệ Tổ quốc, dĩ nhiên là như vậy rồi, nhưng không hẳn chỉ có như vậy. Sự đền ơn trả nghĩa ấy mới thiêng liêng và dữ dội biết bao. Bởi thế, chẳng có sự phản trắc nào có thể tồn tại được ở đất nước trong vắt một bầu khí quyển nông dân.

## CHUYỆN CỦA MỘT CỤU CHIẾN BINH

Trong một lần hầu chuyện bạn đọc, tôi có bàn về nỗi khổ tâm của một chủ tịch huyện. Trong câu chuyện nhỏ ấy, ta đã gặp một cụu chiến binh thẳng thắn và bộc trực. Ai ngờ sau khi bài báo ra, ông già cụu binh ấy lại đến tìm tôi. Câu chuyện cũng chẳng có gì ngoài những lời bàn luận quanh bàn trà.

- Phải công nhận đời sống bây giờ rất khá, nhưng đạo đức xã hội thì lại xuống cấp đến mức cần phải báo động, anh ạ. - Ông già bắt đầu câu chuyện. - Ngày xưa làm gì có chuyện học sinh đâm chết cô giáo ngay trên bục giảng. Rồi thì bố hiếp con. Khiếp! Đọc báo mà cứ ù cả đầu. Rồi trần lột, buôn bán ma túy. Bắn bao nhiêu tên rồi mà tội phạm vẫn cứ tăng lên. Vụ án sau lại to hơn vụ án trước. Còn trộm cắp thì như rươi. Thời hiện đại nên kẻ trộm bây giờ cũng rất hiện đại.

Nói rồi, ông già cười sùng sục. Cứ như lời ông kể thì bọn trộm cướp bây giờ còn được trang bị cả bằng thành tựu của khoa học tối tân. Chúng có thể xịt ê te vào nhà cho mình ngủ đi, rồi cứ điềm nhiên khuân đồ đạc, của nả. Nhiều khi nó còn vô cả lợn. Mà có vô thôi đâu. Nó chọc tiết lợn ngay tại cửa chuồng. Hôm vừa rồi còn có chuyện cười ra nước mắt. Ông lão hàng xóm có con lợn lai kinh tế. Con lợn to lù lù như một con bê. Tin ấy bay đến tai một tên trộm lợn. Thế là nửa đêm, con giới mò tới, xịt ê te vào chuồng lợn, xịt mạnh đến nỗi chính hấn cũng mê mẩn. Rồi hấn thấy mình chạy băng băng qua những vạt ruộng đang cày ải, vai vác con lợn. Con lợn to hàng tạ mà lại nhẹ bẫng. Nhẹ như một quả bí đao. Hấn vút oạch con lợn vào bếp, rồi ngả ra giường, vùi mình vào đồng chăn nệm ấm sục. Chao ôi sướng? Đời một tên trộm ai ngờ cũng có lúc lên tiên.

Sáng sớm hôm sau, chủ nhà bê cám ra chuồng lợn thì thấy có những... hai con lợn đang nằm ở trong chuồng. Hoá ra chả có chăn nệm nào cả. Chúng nằm vắt lên nhau trên đồng phân rác nhầy nhụa. Cả hai cùng ngáy như sấm. Tất nhiên con lợn giả - người đã

bị tóm gọn. Người ta dẫn giải lên ủy ban rồi, con lợn giả ấy vẫn còn chưa tỉnh. Ông già cười:

- Chẳng biết anh nghĩ thế nào chứ cứ như tôi, cái bọn súc sinh ấy, chẳng phải giam nhốt làm gì. Cơm gạo đâu mà nuôi bọn chúng. Ta cứ giải tán nhà tù đi. Giam chúng tại gia. Hình như bên Trung Quốc người ta làm thế đấy. Một cách làm hay như vậy tại sao mình không tham khảo họ nhỉ?

- Mỗi nước có một cách xử lý riêng với bọn tội phạm chứ cụ. Vả lại chuyện giam tại gia ấy, hôm nay tôi mới nghe cụ nói đấy.

- Còn tôi thì lại nghe dân đồn. Xem ra, dân mình có vẻ khoái cái trò giam tại gia. Nếu bên Trung Quốc không có chuyện ấy thì biết đâu đó lại là nguyện vọng của dân. Nguyện vọng đã thành lời đồn thổi. Kẻ nào mắc tội cứ nhốt vào cũi giam ngay tại nhà. Gia đình phải nuôi nấng phục dịch. Cũi cứ để chênh ềnh giữa nhà hay gia phòng khách. Thế thì đứa nào không khiếp. Tiền đóng cũi gia đình phải chịu. Công an chỉ đánh dấu niêm phong, rồi thì thoảng qua kiểm tra. Ai vi phạm qui định thì phạt thêm nữa. Nếu kẻ tội phạm có bố mẹ là những vị có chức có quyền thì ngay lập tức các vị quyền chức ấy phải bay khỏi chức vụ...

- Ầy chết - Tôi kêu lên. - Ai có tội thì người đó phải chịu chứ! Sao lại bắt người khác phải chịu thay...

- Thế chả nhẽ bố mẹ không phải chịu trách nhiệm gì về những hành vi bậy bạ của con cái sao? - Ông già bỗng sùng sộ. - Nhiều kẻ chỉ y vào bố mẹ hoặc có thể lực hoặc có nhiều tiền bạc để rồi càn quấy, chứ con cái nhà nghèo như con tôi con anh, làm sao chúng dám bậy bạ. Một người đã không dạy dỗ con mình thì cũng đừng nghĩ rằng họ có thể lãnh đạo được một cơ quan, một nhà máy hay một xã hội. Tôi chẳng bao giờ tin những anh như thế...

## CHUYỆN VẬT TRONG NHÀ

Vâng, đúng thế. Đây chỉ là chuyện vật trong nhà. Ấy vậy mà nhiều khi người ta làm khổ nhau cũng chỉ vì những chuyện vật. Không ít cặp vợ chồng bỏ nhau cũng bắt đầu từ những cái rất đời vật vãn.

Không ít người cho rằng, chỉ khi yêu nhau, người ta mới phải cẩn trọng giữ gìn ý tứ. Còn khi đã lấy nhau rồi thì không cần khách khí nữa. Bởi vợ chồng làm gì còn có khoảng cách. Hai chúng ta tuy hai mà một!

Đó là một ý nghĩ sai lầm. Có lẽ cứ tưởng hai là một, nên người ta chẳng cần cẩn trọng trước nhau. Tôi rất ngạc nhiên khi các bà vợ thường chỉ trang điểm khi ra đường hay đến cơ quan. Nghĩa là các mợ chỉ lo làm đẹp khi đến với những ông hàng xóm tốt bụng và vô trách nhiệm. Trong khi người mà các mợ cần trang điểm, cần làm cho mình thật lộng lẫy, thật hấp dẫn quyến rũ lại chính là đức ông chồng của mình, thì các mợ lại bỏ qua chẳng thèm để ý. Phụ nữ ta dường như không có thói quen trang điểm ở trong nhà. Mà các đức ông chồng thì cũng chẳng hơn gì. Ra đường, sao họ lịch sự thế, tinh tế thế. Trông rõ ra là những người có học. Vậy mà khi về với vợ thì cái vẻ hào hoa phong nhã ấy họ để hết ở ngoài đường rồi. Người vợ chỉ còn thấy trước mặt mình một người đàn ông luộm thuộm, ăn nói cộc cằn, cục súc. Ngày nào cũng phải nhìn cái khuôn mặt tẻ ngắt như thế. Ấy là chưa kể khi ngủ, cái miệng anh ta còn há hốc ra. Trông mà phát khiếp. Thế là bao nhiêu dây thần kinh rung động tức khắc bị tê liệt. Vậy thì làm sao còn có đủ dũng khí để đấm đuổi nhau. Chính vì vậy, rất nhiều cặp uyên ương chưa hết tuần trăng mật đã chán nhau rồi. Tình yêu của họ thực sự đã chết ngay sau hôn nhân.

Tôi có một anh bạn vong niên, một nghệ sĩ khá nổi tiếng. Nhắc đến anh, có lẽ chẳng mấy ai không biết. Chỉ có điều, hàng ngày, anh sống xuề xòa quá. Xuề xòa đến mức nhếch nhác. Lúc nào, người ta

cũng thấy anh đeo cà-vạt. Quanh năm lũng liếng cà-vạt. Có khi mặc may-ô, anh cũng thắt cà~vạt. Cà-vạt giữ cho cái cổ anh luôn ấm. Anh rất sợ viêm họng. Khi ăn uống xong, anh có thể tận dụng kéo cà-vạt... lau miệng. Đối với anh, cà-vạt đã thành một chiếc khăn vạn năng.

Vậy mà rồi chẳng biết loạn xạ thế nào, giới lại ban cho anh bạn lồi thối lếch thếch của tôi một cô vợ rất đẹp, kém anh đến mấy chục tuổi. Chị trắng trẻo, cao ráo và thon thả như người mẫu thời trang. Chị nói với chồng: Anh còn trẻ lắm, chỉ hơn bố em có bảy tuổi thôi. Trước khi đến với anh, nghe nói chị cũng đã có một mối tình không thành. Người đàn ông rất bảnh của chị đã bỏ chị vì phải bả một cô gái khác. Cũng do buồn, do quá thất vọng vì bọn trai trẻ không thể tin cậy được mà chị tấp vào đời anh. Đám cưới hai người tổ chức rất chóng vánh. Cũng chẳng bày vẽ gì. Chỉ mấy gói kẹo với đĩa hạt bí. Giản đơn như đám cưới của những người rở rã cấp lại. Đến gần một tháng sau, ông bạn vong niên của tôi vẫn còn bàng hoàng vì tự dưng mình chẳng phải cố gắng gì, cũng không phải tốn nhiều công sức mà lại có được một người vợ đẹp như trong mộng. Chị cũng hết lòng yêu thương chăm sóc chồng.

Khi hai người vừa có với nhau đứa con thứ hai, thì người yêu cũ của chị đến thăm. Có lẽ đó là một vị khách rất đặc biệt. Bởi thế, vợ chồng chị đã mời tôi sang chơi, cùng tiếp khách với anh chị. Lần đầu tiên, tôi thấy ông bạn vàng của mình ăn mặc rất lịch sự. Tóc chải mượt. Com-lê, cà-vạt tề chỉnh, người lại còn thoang thoảng mùi nước hoa đàn ông.

Trông anh sang trọng như một chính khách. Bà vợ vốn đã đẹp, giờ lại càng lộng lẫy. Rõ ra là vẻ đẹp quý phái của một mệnh phụ phu nhân. Chị bê ra bốn cốc nước cam được chuẩn bị khá công phu. Những viên nước đá trong cốc dường như cũng đã được thừa sẵn ở một cửa hàng rất lịch sự nào đó, chứ đá trong tủ lạnh nhà anh thì tôi biết, mỗi viên xù xì một kích cỡ khác nhau. Chị đặt trước mặt mỗi người một cốc nước, rồi âu yếm nhìn chồng. Thực ra, trong thâm tâm, người đàn bà rất đẹp này cũng chỉ muốn đức ông chồng giúp mình làm mỗi một việc đơn giản, là giải quyết khâu oai. Nghĩa là chị muốn tỏ cho người yêu cũ biết rằng: Đây, ông phản bội tôi,

ông ruồng bỏ tôi, nhưng tôi đâu có chết. Tôi còn kiếm được người chồng hơn chán vạn ông kia...

Dường như anh bạn vong niên của tôi cũng biết được tầm quan trọng của mình như thế. Bởi vậy mà anh rất mềm nỏ và hảo tâm với khách. Anh hào hứng nhường suất đá của mình cho khách. Rồi anh cứ xĩa hai ngón tay đen đũa của mình vào cốc nước, cặp vớt từng thỏi đá bỏ sang cốc của khách. Hàng ngày, sống với vợ, anh vẫn có tác phong xuề xòa như thế. Trước đây, chị đã thấy khó chịu. Còn bây giờ thì chị rùng mình.

Ông khách chỉ tủm tỉm cười, khiến chị đỏ bừng mặt. Thế là bao nhiêu cố gắng của ông bạn tôi đã đổ hết cả xuống sông xuống bể. Có thể trách anh được không? Anh là một người tốt. Có tốt mới nhường hết đá của mình cho người khách rất đặc biệt của vợ chứ. Sự việc chỉ có thế, mà rồi sau đó gia đình họ lục đục. Hai người đã ly thân, rồi sau lại ra toà. Mới hay vợ chồng hai chúng ta đâu có phải là một. Ông bạn tôi cứ xuề xòa tưởng hai người là một mà rồi một lại thành ra hai, rồi chẳng biết hai sẽ thành ra mấy nữa. Sự tan vỡ gia đình đôi khi lại bắt đầu từ những chuyện rất đỗi vặt vãnh như thế, ở ngay trong những căn nhà vốn rất ấm cúng, tưởng như chẳng bao giờ có giông bão, gió mưa.

## CHUYỆN PHIẾM BÊN BÀN TRÀ

- Này, tôi hỏi thật nhé, công việc bề bộn thế, chú còn thời gian đọc sách báo không?

- Cụ hỏi vậy có nghĩa là thế nào?

- Chả là gần đây, tôi thấy báo chí, truyền hình người ta hay bàn đến việc nâng cao dân trí. Nhưng vấn đề quan trọng, tôi nghĩ chính là chuyện quan trí, chứ không phải dân trí đâu, chú ạ.

- Cụ nói thế nghĩa là...

- Là cán bộ có vấn đề chứ sao. Tôi thấy trình độ dân trí của ta bây giờ rất khá. Họ không ấu trĩ u mê như cán bộ ta lầm tưởng đâu. Bây giờ, chỉ ngồi nhà, kéo cái cần ăng-ten lên là họ đã nắm được toàn thế giới. Trong khi đó nhiều cán bộ của ta lại ấu trĩ, non kém không đủ khả năng đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của dân. Mà cán bộ mới là quan trọng. Vì họ mới thực sự ở vị thế tác động tới đời sống xã hội. Một người dân dốt nát, có quyết định sai lầm thì chỉ một mình anh ta, hay cùng lắm là vợ con anh ta phải gánh chịu hậu quả. Nhưng một cán bộ mà có những quyết sách sai lầm thì nguy lắm. Cán bộ càng cao thì tầm ảnh hưởng càng lớn. Có khi một làng, một xã, một huyện, một tỉnh, hoặc thậm chí là cả một dân tộc phải trả giá cho sự sai lầm của một người hoặc một nhóm người. Tôi nói vậy sao chú lại cười? Có lẽ chú nghĩ tôi là gái goá lo việc triều đình ư?

- Ô không không... Con đang nghe mà. Nghe chuyện cụ vui lắm...

- Thế mà chú còn vui được à? Cái chú này lạ thật. Chính chú mới là cái thằng vô trách nhiệm nhất. May mà chú không làm to. Tôi nói, chú bỏ ngoài tai, đừng trách ông lão nhà quê lẫn thẩn nhé. Tôi thấy cán bộ các chú bây giờ nhiều anh buồn cười lắm. Có anh nói rất hùng hồn mà người nghe vẫn chẳng hiểu anh ta nói gì cả. Bởi tư duy người nói đâu có được mạch lạc. Có anh lên truyền hình

vẫn còn nói ngọng, cứ lẫn lộn giữa N với L. Nghe mà nản quá, chú ạ. Hôm vừa rồi, tôi dự buổi mít-tinh truy điệu đồng bào bị thiệt hại trong mấy trận lũ lụt. Có ông đọc điệu văn xong lại vỗ tay hoan hô. Ông ta vỗ trước, rồi mọi người ngơ ngác vỗ theo...

- Cái đó xin cụ thông cảm, có thể do thói quen mà hoá sơ suất...

- Làm cán bộ thì phải cẩn trọng ngay từ những cái nhỏ nhất chứ. Bởi anh ta đang đứng trước dân. Người dân sẽ trông vào anh ta mà tìm cách ứng xử cho mình. Với những anh cán bộ như thế thì đừng trách vì sao dân lại thiếu lòng tin vào những người lãnh đạo. Cũng đừng nghĩ là họ nhẹ dạ bị địch xúi giục mua chuộc. Chẳng có địch nào chui được vào đội ngũ nhân dân, những người suốt đời gắn bó sinh tử với cách mạng, với đất nước. Hàng triệu con, em của họ còn đang nằm ở dưới đất trong suốt mấy cuộc chiến tranh kia...

- Vâng, cụ nói vậy thì con cũng biết vậy. Nhưng dân mình cũng cần độ lượng, thông cảm. Làm cán bộ khó lắm...

- Thì có ai bảo làm lãnh đạo dễ đâu. Tôi có ông bạn chăn trâu cắt cỏ xưa, giờ làm phó chủ tịch tỉnh. Ông ấy bảo: Cậu nói gì? Cần phải học à? Rõ vẽ chuyện! Tổ chỉ học hết có lớp Bốn, sau này được người ta đưa đi học hết bổ túc lớp Bảy. Thế mà suốt mấy chục năm làm cán bộ, tổ có sử dụng đến kiến thức đã học đâu!. Tôi không biết những ông cán bộ như thế sẽ múa may ra sao trong thời Kinh tế tri thức và thông tin toàn cầu này. Chẳng biết chú thế nào, chứ tôi thì tôi lo lắm. Bởi thế cùng với việc nâng cao dân trí, chúng ta cần khẩn cấp nâng cao quan trí, chứ không thì nguy đấy!



## CHUYỆN CỦA NGƯỜI THU MUA GIẤY Vụn

*Tặng cô bé Lê Huyền Dương*

Dung là cô gái quê. Tôi gặp cô trong quán cơm bụi bên hè đường ngõ phố tôi ở. Cứ như lời cô thì ở quê khổ lắm. Làm được một đồng cũng rất vất vả. Người ta thuê thằng em trai cô lấy bùn đổ vào gốc chuối. Một lần lặn xuống đáy ao, xúc lên hai gầu bùn, chạy tiếp một quãng nữa mới tới được vườn chuối. Mỗi chuyến với hai gầu bùn đầy ngất mới được một trăm đồng, bằng nửa chén trà ở quán nước hè phố. Cũng không thể trách ông chủ vườn quá ke bo. Một buồng chuối to vật của ông ta có gánh ra chợ bán cũng khó kiếm được chục ngàn bạc. Thế thì ông ta cũng có tiền đâu mà hảo tâm xới lời với người được thuê chăm bằm khu vườn.

Dung bỏ quê lên thành phố kiếm sống. Thoạt đầu cô bán rau. Ba giờ sáng ra đón rau ở các vùng ngoại ô chuyển vào, rồi mang đi bán rong. Cô chỉ nhật đầu chợ, bán cuối chợ. Thế mà ngày cũng kiếm được hơn chục ngàn. Chỉ khổ những lúc gặp phải công an. Mỗi lần như thế là lại chạy toé khói, chạy mất cả dép. Mà chạy cũng chẳng thoát. Có hôm cô còn bị phạt mất hai chục ngàn bạc. Thế là toi đứt cả vốn lẫn lãi. Dung bỏ nghề bán rau, chuyển sang thu mua giấy vụn. Cũng theo lời cô, thu mua sách báo và giấy vụn đỡ vất vả hơn nhiều, lại được tiếng là người có văn hoá, góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch đẹp của thành phố. Dung lần lên tận tầng năm nhà tôi:

- Gớm cháu cứ phải hỏi thăm mãi. - Dung vừa nói vừa thở hổn hển. - Chú ở cao quá. Nhà chon von như tổ chim chào mào. Đi cứ hun hút như lên sao Hoả. Khiếp. Cháu mệt tưởng đứt hơi. Chú có nhiều giấy loại không? Cháu đoán là chú có nhiều giấy loại lắm. Nhà vẫn là những người chuyên sản xuất giấy lộn mà.

Nhà tôi không có nhiều giấy lộn. Nhưng sách báo cũ thì vô

thiên lủng. Tháng nào tôi cũng phải bỏ ra vài trăm ngàn mua sách báo. Làm cái nghề này cứ phải đọc. Đọc rất nhiều. Có khi chỉ viết mười dòng về một tác giả nào đó, tôi phải đọc đến hàng ngàn trang sách của anh ta. Có nhiều cuốn thú vị. Nhưng cũng không ít cuốn chẳng có cái thú gì để mà đọc cả. Báo chí cũng thế. Những bài nào hay, những chi tiết nào giá trị có thể sử dụng cho một bài viết nào đó thì quét vào vi tính, lưu lại. Còn những cuốn sách, những tờ báo không thể đọc lại được thì xếp gọn vào một chỗ riêng. Tôi cho Dung hàng đồng sách báo như thế, không lấy tiền.

Nhưng Dung đâu phải kẻ ăn xin. Bù vào số tiền chừng mấy chục ngàn mà tôi không lấy, Dung dọn dẹp nhà cửa cho tôi. Cô lau nhà, dọn bếp, lau khu vệ sinh và ban-công. Cũng coi như bằng số tiền tôi thuê người đến dọn nhà. Thế là cả hai đều thanh toán sòng phẳng, chẳng ai phải nợ ai. Dung muốn có sự thanh thản của người không bị mắc nợ. Cứ thế rồi thành lệ. Tuần nào vào sáng chủ nhật, Dung cũng đến nhà tôi dọn dẹp nhà cửa, rồi mang theo một gánh sách báo...

Thế rồi bằng đi một thời gian dài, không thấy Dung trở lại. Tôi tưởng cô ốm đau hay có chuyện gì đó phải về quê. Bởi thế tôi vẫn có ý chờ. Nhưng rồi cả tháng sau không thấy. Hàng nửa năm sau nữa cũng vẫn không thấy. Tôi đã mất dần thói quen vào các tối thứ bảy chọn sẵn sách báo cho cô. Rồi tôi cũng quên dần cô gái. Cho đến một hôm... Bữa đó, tôi đi dự đám cưới một người bạn về thì có tiếng gọi ríu rít. Tôi dừng xe.

- Chú không nhận ra cháu ư? Dung đây mà?

Quả là nếu cô không xưng danh thì tôi khó lòng mà nhận ra được. Dung phổng phao hơn. Trắng trẻo. Tóc nhuộm một Hàn Quốc. Xinh. Thoáng trông, cô như người mẫu thời trang. Không ai nghĩ mấy tháng trước cô còn là gái quê, lại làm nghề thu mua giấy vụn. Cô mời tôi vào nhà. Một căn hộ tầng hai xinh xắn ở một thu tập thể lùi sâu trong ngõ. Nội thất cũng đầy đủ. Xa-lông. Ti-vi. Tủ lạnh. Giàn Sony nội địa. Chỉ thiếu mỗi cái điện thoại nữa là thành một căn nhà hoàn chỉnh. Vậy mà cô lại bảo cô ở nhờ nhà một người bạn ở xóm Liều. Hoá ra cô vẫn giả vờ hoàn cảnh để lừa tôi từ bấy lâu nay. Con người ta bây giờ thật khó tin quá. Ngay cả một cô gái quê

cũng rất lấu cá...

- Này, chú hỏi thật nhé. Sự thực thì cháu làm ở đâu? - Tôi hỏi.

Dung cười rất hồn nhiên:

- Cháu làm gì có nghề nghiệp. Vẫn đi thu mua giấy vụn mà...

- Thu mua giấy vụn sao không qua chú?

- Nhà chú đằng ấy xa quá. 5 tầng, nhưng thực chất là mười tầng. Leo mỗi cả chân. Mà nhà chú nếu có giấy vụn thì cũng chỉ là giấy vụn thôi. Cháu chuyển sang vùng khác thu mua rồi. Vùng khác hay hơn nhiều. Chú không tin à? Cháu mới tậu được căn hộ này đây

Tôi ngạc nhiên:

- Thu gom giấy vụn mà tậu được nhà?

- Vâng. Cháu thu gom giấy vụn thật đấy!

Thấy tôi vẫn có vẻ không tin, Dung mới tiết lộ rằng, có một lần, cô đến một biệt thự thu mua giấy báo cũ. Cô chỉ gặp mỗi bà chủ nhà. Cứ như lời cô thì bà chủ tốt lắm.

- Vâng, bà ấy tốt cực kỳ. Tốt y như chú ấy. - Dung khoe. - Bà cho cháu một đồng báo cũ không lấy tiền. Cháu định dọn nhà giúp, nhưng bà ấy không khiến. Nhà đã có đến mấy ô-sin rồi. Khi cháu ra cổng, bà còn chạy theo, dúi cho mấy tờ lịch. Mà toàn lịch cũ chưa mở. Lịch một tờ ấy mà.

- Bà bảo: - Ai treo cái đồ thổ tả ấy làm gì. Mà mang về mà dán chuông gà!

Quả là với căn nhà sang trọng ấy, không thể treo loại lịch phong phanh một tờ như thế này được. Loại lịch đó, chỉ có thể treo ở xó nhà quê. Mà nhà quê người ta cũng chẳng treo, vì đã quá hạn rồi. Có chăng là cắt riêng ảnh ra dán lên tường thay tranh. Thế mà về mở ra, chú biết trong lịch có gì không? Ôi giời đất ơi. Tiền, toàn là tiền đô-la chú ạ. Nhiều lắm. Thế mà bà chủ chẳng biết gì cả. Bà cứ tưởng mấy cuốn lịch vớ vẩn. Cả đời cháu chưa bao giờ nhìn thấy loại tiền ấy, nên thoát đầu, cháu lại tưởng tiền âm phủ.

Nhưng tiền âm phủ thì việc gì phải bí mật nhét vào ruột cuốn

lịch. Mà nhét rất cẩn thận. Cháu chột dạ, mang một tờ ra phổ hỏi thì có bà đã trả ngay một triệu tư. Cháu sợ quá, thu hết tiền lại, định mang trả. Nhưng rồi tìm không ra nhà. Cháu chỉ nhớ mang máng nhà bốn tầng, bên ngoài có cổng sắt. Từ cổng vào lại có rất nhiều chậu hoa. Thế mà rồi chịu, không tìm ra được. Bữa đó, tình cờ cháu đi qua cổng, rồi bà ấy gọi vào, nên không để ý kỹ. Cháu định mang tiền nộp công an. Nhưng rồi lại sợ. Cháu sợ các chú ấy nghi cháu buôn kê-rô-in. Chỉ buôn kê-rô-in mới có lắm tiền như thế chứ. Mà nếu các chú ấy tin cháu, lại nghi ngờ bà ấy thì cũng khổ cho bà ấy quá. Bà ấy làm phúc mà rồi lại phải tội. Bây giờ người ta đang chống tham nhũng mà. Cháu nghĩ thế nên thôi.

Ngừng một lát cô bé hỏi:

- Thế chú vẫn ở trên cái tổ chào mào cao chót vót ấ à?
- Ủ, mà viết văn, viết báo như chú thì làm sao mà xuống tầng được.
- Cũng như bố cháu ấy. Bố cháu là bác sĩ bệnh viện huyện. Nghèo lắm. Bố cháu mổ dạ dày cấp cứu, tiền thù lao không bằng tiền vá một mụn sấm xe máy. Thế hay là chú chuyển nghề đi, cháu sẽ giúp chú?...
- Cháu định giúp chú làm gì.
- Cháu rủ chú đi thu mua giấy vụn với cháu.
- Sao chú lại cười? Chú đừng coi thường nghề thu gom giấy vụn nhé. Mèo mù thường chén cá rán, chú ạ? Chỉ vớ được vài quả như cháu là chú đổi đời đấy?

## LẠI CHUYỆN PHIẾM BÊN BÀN TRÀ

- Nghe nói ông Mai Ngữ ở cơ quan anh à?

- Vâng! Nhà văn Mai Ngữ ở cơ quan tôi. Bác ấy mới nghỉ hưu chừng hơn một năm nay. Cụ biết bác Mai Ngữ à?

- Tôi thưa có dịp tiếp kiến nhà văn, chỉ biết ông ấy qua sách vở, báo chí. Truyện Mai Ngữ có cái tôi thích. Có cái cũng tầm tầm như nhiều nhà văn khác thôi. Nhưng vừa rồi, ông ấy có một bài báo mà tôi thấy rất có ý nghĩa...

- Bài nào vậy, thưa cụ?

- Bài báo ngắn in ở mục ý kiến nhà văn trên trang nhất báo Văn nghệ.

- Nhà văn nói chuyện gì thế cụ?

- À, ông ấy cũng lại bàn về chuyện học hành. Bây giờ sinh viên học vất vả lắm. Mới có tí tuổi đầu mà dường như cậu nào cũng phải mang kính cận, kính loạn. Bọn học trò phổ thông còn khổ hơn nhiều. Chúng học đêm, học ngày. Bố mẹ còn mời thầy đến tận nhà phụ đạo. Rồi lại học thêm ở các lò luyện thi. Tốn kém bao nhiêu tiền của. Học đến rạc người mà vẫn không vào nổi đại học. Vậy mà có nhiều ông vừa làm vừa học suốt ngày chỉ thấy tiếp khách, rồi ký giấy, rồi chỉ đạo công ty này, công ty kia, rồi tíu tít cụng bia ở các quán nhậu, chẳng thấy các ông ấy dùi mài kinh sử gì mà một năm đỗ đến mấy lớp. Rồi làm được cả tiến sĩ. Không biết các ông ấy học kiểu gì, học lúc nào mà tài đến thế...

- Tôi tiếc là chưa đọc được bài viết ấy...

- Ông Mai Ngữ còn bàn đến cả việc thí tiến sĩ. Cứ như lời ông ấy thì đỗ tiến sĩ có thể bỏ những chức vụ quan trọng. Vậy thì khi thi, cũng nên có những cái đề ra sao cho thiết thực, đụng đến những vấn đề lớn nan giải mà lại có tính bức xúc của xã hội ta hiện nay. Ví như, nếu anh là một cán bộ có trọng trách, anh có những biện pháp

gì để không được tham nhũng không? Ngày xưa thi tiến sĩ vua cũng hay ra những cái đề ở tầm vĩ mô mà lại thiết thực như thế.

- Vâng! Cụ nói vậy thì con cũng biết vậy. Ngày xưa khác, bây giờ khác chứ, cụ. Sao cụ cứ so thời ta với thời phong kiến lạc hậu?

- Thời nào thì thi cử cuối cùng cũng là để tìm chọn người hiền tài. Công việc chính của ta bây giờ, tôi thấy chỉ đúc lại trong hai việc thôi. Cả hai việc này đều rất lớn. Làm tốt được hai việc này, giải quyết được dứt điểm hai việc này thì đâu khắc vào đấy hết.

- Cụ lại làm cho con đâm tò mò rồi đấy. Thế theo cụ thì hai việc đó là gì?

- Tôi biết anh lại lờm ông lão về hưu rồi...

- Không, con đang nghe cụ mà...

- Về đối ngoại là mở rộng cánh cửa, làm bạn với tất cả các nước, sao cho cả hai bên cùng có lợi, tôn trọng và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Những mâu thuẫn, bất đồng giữa các quốc gia, bây giờ hoàn toàn có thể giải quyết được bằng ngoại giao, bằng con đường thương lượng. Làm sao tránh được các cuộc xung đột dẫn đến chiến tranh, để bớt xương máu cho dân. Bây giờ, tất cả các quốc gia đều co lại vì lợi ích của chính mình. Tinh thần quốc tế vô sản chỉ còn có ở trong các pho sách xưa. Trường hợp Kosovo là một bài học rất thấm thía...

- Cụ nói vậy thì con cũng chỉ biết vậy. Thế còn việc thứ hai?

- Việc thứ hai là chuyện đối nội. Phải giữ làm sao cho dân được bình yên làm ăn. Muốn thế thì phải triệt để chống tội phạm, nghĩa là phải kiên quyết loại trừ tội phạm, bao gồm từ thằng ăn cắp vặt cho đến bọn tham nhũng. Tội tham nhũng hiện nay đã trở thành quốc nạn rồi. Hãy nhìn các vụ án đã đưa ra công khai trên báo chí và các hãng truyền thông thì rõ. Cả hai trận đại hồng thủy ở miền Trung khủng khiếp là thế, mà sự thiệt hại cộng lại mới có trên ba nghìn tỷ đồng. Trong khi đó chỉ riêng vụ EPCO - Minh Phụng đã thất thoát của nhà nước đến ngót sáu nghìn tỷ rồi. Đây là một con số khủng khiếp. Làm sao thằng Minh Phụng có thể phá hết số tiền đó trong khoảng thời gian ấy. Cứ cho nó ngồi xé tiền thì nó cũng không thể xé hết nổi. Tôi đảm bảo với chú là nó chỉ xé đến hơn một

ngàn tỷ là đã phát điên rồi. Sau vụ EPCO - Minh Phụng, dân mình phải chắt bóp mua công trái cứu nước. Mà cũng phải dồn tiền mua hai đợt mới có được bốn nghìn tỷ, vẫn chưa bằng số tiền Minh Phụng để thoát. Mà Minh Phụng chỉ là một vụ. Còn bao nhiêu những vụ án như thế nữa? Đằng sau bọn tội phạm ấy là những ai? Rồi việc đầu tư xóa đói, giảm nghèo cho bà con miền núi ở Mường Tè. Nhà nước chi hàng mấy trăm tỷ đồng mà đến khi tiền xuống được người dân nghèo thì chỉ còn có hơn chục triệu bạc. Tham nhũng đến thế thì khủng khiếp quá. Rồi còn bao nhiêu những vụ khác nữa. Đến thế thì làm sao dân tin chúng ta được. Tôi thấy nguy lắm. Không giải quyết được tệ nạn này là không xong được với dân đâu. Bởi thế dân mới khiếu kiện. Sờ đến chỗ nào cũng có chuyện cả. Làm sao giải quyết được triệt để tình trạng này. Tôi nghĩ làm xong được hai việc ấy là sẽ yên hết. Còn những công việc khác, những việc ở cơ sở, như chuyện sản xuất, chuyện làm ăn thì cứ để cơ sở họ tự làm, chẳng cần phải can thiệp một cách cụ thể. Lênin trước đây có nói một câu rất hay: Hãy để người nông dân suy nghĩ trên luống cày của mình. Chính luống cày sẽ dạy cho người dân cách làm ăn như thế nào. Chứ anh ngồi ở Hà Nội, làm sao anh hiểu được cây lúa bằng người dân trồng lúa ở đồng ruộng. Cũng tương tự thế làm sao anh hiểu cây cao-su bằng người trồng cao-su ở Tây Ninh. Không hiểu tường tận cơ sở mà cứ chỉ đạo, thì chỉ đạo đâu hỏng đấy. Tốt nhất hãy tạo ra một cơ chế thoáng để người dân tự tìm ra cách làm ăn. Cán bộ ta chỉ lo việc lớn thôi. Làm tốt được hai việc ấy là tất cả sẽ tốt đẹp



## XÚ YÊU

Những năm gần đây, ở ta liên miên xuất hiện các cuộc thi: Thi Hoa hậu, thi Học sinh thanh lịch, thi Bé khỏe bé ngoan, thi Chạy ma-ra-tông, thi Tiếng hát truyền hình, thi Đua xe đạp, thi Thơ, thi Truyện ngắn, thi Tiểu thuyết, và gần đây lại còn thi Viết thư cho người yêu...

Tôi rất cảm ơn Ban tổ chức đã cho tôi được đọc những bức thư tình của những người tình. Thú thực, tôi đã đọc với sự tò mò và không ít băn khoăn. Có nên thi viết thư tình không? Yêu đương là chuyện riêng tư của mỗi người, ngỏ lời yêu cũng là chuyện riêng tư, chuyện thầm kín của lứa đôi, sao lại mang thi thố giữa thiên hạ? Nói cho người ta nghe, rồi người ta chấm, như chấm một câu văn, một bài toán là nghĩa làm sao? Mà ai chấm? Phải là người yêu người ở trong cuộc, chứ sao lại Ban giám khảo, bao gồm những ông những bà lạ ngoắc, lạ ngơ?

Thực ra, những cuộc thi viết thư tình như thế này cũng đã được tổ chức rồi, tổ chức một cách bí mật trước khi có cuộc thi kia, mà còn có từ trước nữa, từ thời cổ, khi người ta yêu và thổ lộ tình yêu, đã có bao nhiêu bức thư tình. Vị giám khảo chấm những bức thư đó không ai khác ngoài người tình, người đang được yêu. Những bức thư tình thì nhiều, nhưng trái tim người được yêu thì chỉ có một. Thế thì phải chấm thôi, phải tuyển chọn thôi không còn cách nào khác. Vậy là bao nhiêu cuộc thi viết thư tình đã thầm lặng diễn ra trên khắp hành tinh. Người trúng giải đăng quang thì từng bừng bước lên xe hoa, người bị loại thì âm thầm quay đi trong bóng tối...

Bây giờ, đọc những lời ngỏ yêu, do ban sơ khảo - những ông mai, bà mối - chuyển cho, thoát đầu, thú thực, tôi cũng tò mò muốn làm ông Nguyễn Bính đi dạo díu với Kinh thành - Nghe duyên thiên hạ xem tình nghi đưng. Ấy mà rồi, cũng như người đang yêu, ngấm bùa mê, thuốc lú, tôi mụ mẫm lang thang bước trong cõi mộng mị có tên gọi rất hiện đại, rất muôn thuở là tình yêu. Ở đây có



bao nhiêu nụ cười bao nhiêu nước mắt.

Tôi thực sự xúc động trước những số phận, những mảnh đời éo le, ngang trái. Con người thật đáng thương. Những kẻ đang yêu còn đáng thương hơn nữa. Bởi tình yêu mỏng manh lắm. Chỉ một thoáng hờn giận, một chút ghen tuông một thoáng rứt rè, e ngại, không dám tin cái điều mình tin. Thế là rồi mất nhau, mất vĩnh viễn, có khi biết là đang mất đấy mà rồi vẫn không sao cứu vãn được tình thế. Mà vì sao kia? Vì cái số? Thôi, cứ đổ cho cái số. Cái số nó như thế. Rồi lại như ông bà ta xưa, như bao cặp tình nhân muôn thuở xưa, lại ngửa mặt lên trời, trách ông Tơ, bà Nguyệt ở cái cõi u u minh minh cao tít mù khơi kia những thấu lòng người! Trong xứ sở yêu đương này, có bao nhiêu cảnh ngộ như thế, hoặc tương tự như thế.

Sau mỗi trang thư là những câu chuyện, những số phận có sức ám ảnh, lại được kể bằng một giọng chải chuốt, có khi khá mùi mẫn và mơ mộng. Tình yêu đã biến người ta thành kẻ mơ mộng. Trong số những bức thư tình đã được chọn lọc này, tôi thực sự bị ám ảnh khi đọc bức thư có tên Em cố tránh mà cứ vương vào sợi tơ trời. Thư kể về một mối tình thâm lặng của một thầy giáo, nguyên là một cựu chiến binh với một cô giáo thành phố về dạy học ở thôn quê. Cả hai đều đã có gia đình êm ấm của mình. Họ yêu nhau, tôn trọng nhau và đều biết dừng lại ở đâu. Đây là một hiện trạng thương gặp trong đời sống xã hội hiện đại của ta. Thư viết bằng một giọng mộc mạc, giản dị, chẳng cần phải bóng bẩy, văn hoa mà đọc lại thấy rất thật, chính vì thế mà nó xúc động và có sức ám ảnh. Tất cả những nhân vật trong thư: cô gái con ông giáo, vị tướng về hưu là chồng cô giáo và thầy giáo cựu chiến binh... tất cả đều là những người tốt, những người cao thượng và nhân ái, vậy mà rồi vẫn bị kịch, một bi kịch cao thượng. Đó là bi kịch của những người tốt trong xã hội tốt đẹp của chúng ta.

Thời gian rồi sẽ qua đi. Mọi nỗi vui buồn trắc trở rồi cũng sẽ qua đi. Nhưng những gì tốt đẹp thì sẽ còn lại mãi. Đó là tình yêu, là lòng yêu thương của con người đối với con người. Tình cảm ấy sẽ còn lại mãi, dù đời người vô cùng ngắn ngủi...

## NHỚ MỘT THẦY GIÁO CŨ

Người thầy cũ của tôi là một giáo sư nước ngoài. Ông là người Nga. Trong đời tôi, may mắn sao, tôi có một khoảng thời gian khá dài theo học một khoá đào tạo cơ bản ở Học viện Văn học M. Gorki. Đối với tôi, mỗi giáo sư ở Học viện này đều là những học giả lớn. Có người như một nhà tiên tri. Đó là trường hợp giáo sư tiến sĩ I. Kunhitxun. Ông là giáo sư triết học, nhà giáo công huân Liên Xô. Buổi giảng nào của ông giảng đường cũng đông nghịt. Rất nhiều học viên các năm trước cũng xuống nghe lại. Vì bài giảng của ông lại có thêm nhiều điều mới. Tri thức trong ông luôn được bổ sung. Giáo án của ông luôn mở. Nó không phải là cái khuôn đã đóng cứng. Cứ nghe người ta kháo nhau, thì có thời ông bị dị nghị, thậm chí còn bị ngồi tù vì đã nói thật nói thẳng điều cảnh báo về những bất cập của chủ nghĩa xã hội Xô-viết. Những bất cập ấy, nếu không khắc phục được thì tất yếu sẽ dẫn đến sự sụp đổ. Khi M. Gorbachev lên, nhờ công cuộc đổi mới, ông được ra tù và trở lại giảng đường. Lúc bấy giờ M. Gorbachev có uy tín lắm. Không ít người coi ông như Lenin tái thế. Nhà văn I. Bônđarev kêu lên: Cái bi kịch của Nhà nước Xô-viết hiện nay là phải dạy những người quá thông minh, phải nuôi những cái bụng quá no và may mắn cho những người có quá nhiều quần áo đẹp. Ca tụng Nhà nước Xô-viết như vậy, quả cũng là tài lắm. Giáo sư I. Kunhitxun không có được cái lạc quan như thế. Ngay từ những ngày ấy, ông cũng đã lại cảnh báo rằng, những luận thuyết của M. Gorbachev có thể sẽ diễn ra ở rất nhiều nước trên thế giới, nhưng chính M. Gorbachev thì sẽ thất bại thảm hại. Nếu ông ta không bị bắn thì cũng ngã ngựa giữa đường. Sáu năm sau, sự thể diễn ra đúng như thế. Và còn rất nhiều điều khác nữa, tôi nhận thấy chúng đều diễn ra đúng như ông nói ở trên đất Nga, cũng như trên toàn cầu. Đối với sinh viên, I. Kunhitxun luôn coi chúng tôi như những người bạn. Sau buổi giảng, thường có những cuộc trao đổi giữa thầy và trò, nhiều khi là cuộc tranh luận rất thẳng thắn và thú vị. I. Kunhitxun luôn khuyến khích những ý

nghĩ khác mình. Ông không bao giờ trù dập những sinh viên cãi lại mình, và thường trong trường hợp ấy, ông cho điểm rất cao. Tôi nghĩ phải là ông thầy rất giỏi mới có được tư chất ấy. Tôi nhớ một kỳ thi, khi bàn về phạm trù bi kịch, sau tất cả mọi điều, ông hỏi tôi:

- Cái bi kịch của người Việt hiện nay là gì?

- Người Việt không có bi kịch.. - Tôi bắt đầu đùa với ông. - Thầy có công nhận với em rằng cái bi kịch lớn nhất của người châu Âu, hay của cả loài người nói chung là cái chết? Vậy mà đối với người phương Đông, đặc biệt là người Việt thì lại không có cái chết. Trong Di chúc bất hủ của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng bảo, chết là đi gặp cụ Các Mác, gặp cụ Lênin, và như thế, cái chết đã thành cuộc hội ngộ với tổ tiên, với các bậc tiền bối vĩ đại. Nếu ở nước Nga, người ta thường chọn những bộ quần áo đẹp nhất để đi dạ hội hoặc vào vũ trường thì ở làng quê Việt Nam xưa, các cụ già lại thường dành những bộ quần áo mới nhất ấy để mặc khi... vào cõi Tổ tiên. Người Việt không sợ chết. Bởi thế, kẻ thù nào đến Việt Nam cũng sẽ phải thất bại thảm hại. Bởi không ai có thể thắng nổi những con người không biết chết và không sợ chết...

- Ủa thật! Cái ý nghĩ trong đầu anh lạ lùng thật đấy!

Giáo sư cười rất vui. Ông cho tôi điểm khá cao, đến nỗi tôi đâm hoảng:

- Chết, em đùa đấy, thầy ạ! Xin thầy thứ lỗi. Em đã nói đùa...

- Thế anh tưởng tôi tin lời anh nói sao? Tôi biết anh đùa. Hay nói cách khác anh đang sáng tác truyện khoa học viễn tưởng. Tôi đã sang Việt Nam rồi. Tôi biết người Việt thế nào chứ! Sức mạnh lớn nhất của người Việt chính là sự bí hiểm. Bao nhiêu kẻ thù được coi là hùng mạnh nhất thế giới mà đến Việt Nam cũng đều trở thành kẻ bại trận, chính vì họ hoàn toàn không hiểu người Việt. Và tất nhiên, cũng sẽ chẳng có ai hiểu được người Việt, bởi ngay cả chính người Việt, họ cũng có hiểu được họ đâu...

## LẠI CHUYỆN Ê-KÍP

- Ôi giỏi! Vào đây!' Vào đây nào? Chà, xin chào ông bạn! Có chuyện gì mà rờng lại đến nhà tôm đột ngột thế này?.

- Chết, sao cậu lại nói thế! Cậu không phải là tôm, mà mình thì cũng chưa bao giờ được là rờng!

- Dẫu chẳng phải rờng thì ông cũng là vua một vùng. Ngày xưa, người như ông là có tàn, có lộng đấy Bạ bệ thân thiết mà lâu quá rồi chúng ta không gặp nhau. Ông xuống tôi còn được vì người ta sẽ nghĩ ông là người có tác phong quần chúng luôn đi sâu, đi sát nhân dân. Còn tôi lên ông thì lại không ổn, vì có người sẽ nhìn tôi bằng con mắt khác. Biết đâu có anh lại chẳng nghĩ tôi là thằng thấy người sang bắt quàng làm họ. Không khéo cái lão già này lại định nhờ vả hay xin xỏ gì đây.

- Chết chưa, bạn bè với nhau mà sao cậu nghĩ lẫn thần thế. Cậu già mất rồi...

- Chẳng già thì còn trẻ được với ai? Tôi về đuổi gà cho vợ mấy năm nay rồi. Làm anh phó thường dân cũng có cái sướng, ông ạ. Tha hồ ăn no ngủ kỹ. Vì không phải lo giữ ghế. Chỉ riêng cái chuyện giữ ghế đã đủ khốn nạn rồi. Khổ, làm lãnh đạo thì cũng chỉ là một công việc như trăm ngàn công việc khác. Ở các nước, khi không làm tổng thống nữa thì người ta có thể đi dạy học, đi gác cổng hay làm bồi bàn. Khổ nổi, dân mình lại không quen như thế. Đang làm mà nghỉ, lập tức người ta dễ nghĩ, chắc cái lão này tham nhũng hay hủ hoá gì nên bị kỷ luật. Thế thì ai mà không sợ. Người ta tiếc cái chức thì ít, nhưng sợ dư luận lại nhiều. Công việc của ông thế nào?

- Bận tít mù. Đang chuẩn bị Đại hội cơ sở. Cũng may mà nhân sự ổn rồi. Mình đã tìm được cộng sự...

- Ai vậy?

- Một thằng lính cũ.

- Nó có đủ khả năng không?

- Khả năng thì ai biết thế nào. Cứ phải qua thử thách đã. Nhưng mình hiểu nó là người tốt. Có tài mà không có đức rất nguy hiểm. Người tốt mới chính là nguyên khí quốc gia. Hồi chiến tranh, nó là thằng liên lạc của mình. Nó biết cắt tóc, giặt quần áo và không ngại cả việc đổ bộ cho mình. Nói tóm lại, nó là thằng rất tận tụy.

- Ông lại chọn thằng đổ bộ à?

- Mình chọn người tốt cậu ạ! Trước đây, khi còn là một thằng ngoài cuộc, mình cứ nghĩ, các bố lãnh đạo kỳ thật. Bố nào lên cũng lại kéo theo một bộ sậu vây cánh của mình. Ai có năng lực nhưng không có dây thì cũng coi như đi đứt. Bây giờ vào cuộc rồi mới biết vì sao họ phải làm thế. Không hiểu nhau nguy hiểm lắm. Trong cơ quan chỉ một anh lộn xộn là đã đủ rối loạn. Thế rồi thư nặc danh, rồi đơn từ kiện cáo. Cứ chỉ lo rào giậu, che chắn, lo giữ ý với nhau, rồi thanh minh, giải trình trước cấp trên, cũng đủ khôn nạn rồi, còn hơi sức đâu mà làm được việc gì cho tử tế nữa. Vì thế, ai lên cũng phải có ê-kíp. Không có ê-kíp, không làm được việc đâu cậu ạ.

- Đã đành là phải có người cộng sự. Nhưng điều quan trọng là cái thằng cộng sự ấy nó có năng lực thật không? Ngày xưa để ra làm quan người ta phải học. Phải đỗ đạt cao, rồi mới được cất nhắc. Bây giờ cất nhắc, rồi mới đi học. Học mấy tháng đã tốt nghiệp mấy lớp. Rồi vừa làm vừa học thêm một hai năm nữa mới tốt nghiệp đại học, rồi có ông còn là tiến sĩ nữa chứ. Bây giờ nhìn đâu cũng thấy tiến sĩ. Đến nỗi những ông tiến sĩ thật sợ quá, chẳng dám phô học hàm, học vị ra nữa, đành phải ở lẫn trong đám bình dân để thành của hiếm. Ở ta nhiều khi rất buồn cười. Có những nhà chuyên môn giỏi, sau vài thành công, thế là lại được cất nhắc lên làm quản lý, lãnh đạo, coi đó như một ân huệ, như sự quan tâm đến sự phát triển nhân tài. Thế rồi bung bét cả. Rốt cuộc là ta đã đổi một nhà khoa học rất giỏi để lấy một anh quản lý quá tồi.

- Điều cậu nói chẳng mới mẻ gì đâu. Chuyện ấy người ta cũng đã biết cả.

- Biết sao vẫn còn làm? Đây, cứ như ông đây. Ông chọn một

thằng đổ bê về làm phó chủ tịch huyện. Tôi không chê gì nghề đổ bê cả. Đổ bê là một việc cao quý, vì nó đòi hỏi một đức tính cần cù, nhẫn nại và chịu thương chịu khó. Người cộng sự của ông có thể rất giỏi đổ bê nhưng đã chắc gì nó biết làm quản lý, lãnh đạo. Rồi nó sẽ lại chọn những thằng đổ bê kém hơn nó về làm ê-kíp cộng sự. Như thế, đội ngũ các ông cứ giật lùi, cứ không ngừng xuống cấp, và ngoảnh đi, ngoảnh lại, kiểm kê nữa đi... sẽ thấy lãnh đạo huyện, ngành nọ, ban kia, toàn quân đổ bê các thể hệ tiếp theo sau, làm sao mà cán bộ cơ sở các ông chả mất uy tín. Chính các ông đã làm lung lay chính quyền, chứ đế quốc sài lang nào làm nổi. Dân họ chỉ tin khả năng đổ bê của các ông thôi, chứ ai tin các ông chỉ đạo những lĩnh vực cao siêu khác ở thời đại công nghệ này. Dân mình rất tốt, họ luôn mong sự ổn định, rất muốn tin ở cấp trên nhưng chớ lạm dụng lòng tốt của họ, chớ nghĩ là họ cuồng tín và u tối. Nhân dân thời nào cũng như nước. Nâng thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân. Điều ấy đối với ông chắc cũng chẳng mới mẻ gì, vẫn là cái chuyện muôn thuở: Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!

## NGƯỜI PHỐ Ở QUÊ

Đó chính là những người dân ở làng Diên Trì quê tôi.

Câu chuyện này lại bắt đầu từ lão Hai Còn, một ông già chuyên nghề đóng cối xay lúa. Nghề đóng cối xay là nghề gia truyền của lão. Đóng cối thì khó gì. Chỉ cần vài thứ lặt vặt, rẻ tiền làm nguyên liệu. Một ít gỗ nhãn làm dăm, rồi làm ngỗng. Chừng hai cây tre được có giống dài đan thân cối, áo cối. Rồi một chút đất sét giã với trấu. Thế là thành một cái cối xay hảo hạng. Ai chả đóng được Nhưng đóng cối như lão Hai Còn thì làng Diên Trì này cũng chẳng có ai. Cối lão đóng nhẹ mà lại chắc. Gạo chín đều. Cầm có một hạt lỏi. Thế nên quanh năm, lão Còn không bao giờ hết việc. Công việc của lão là...vác mồm đi ăn cơm thiên hạ. Tuy làm khách thiên hạ, nhưng cả đời lão chỉ quanh quẩn ở các làng quê. Hết làng mình lại đi làng khác. Ấy vậy mà người làng tôi không có ai coi lão là một ông già nhà quê. Thậm chí, họ còn nhìn lão như một anh phố thị. Có bà còn gọi lão là người phố ở quê. Bởi chính lão là người có đầu óc cái cách. Chí ít, lão cũng góp phần biến cái làng ao tù nước đọng này thành một con phố chính hiệu. Nghĩa là phố ra phố. Và nói như lão Còn, thì đến Hà Nội cũng phải gọi bằng cụ.

Số là, năm 1986, bắt đầu công cuộc đổi mới, làng tôi có điện. Thế là tất cả nháo nhác. Đời sống bị đảo lộn. Làng quê không còn giữ được vẻ êm ả xưa cũ như nó vốn có. Đài loa suốt ngày ca hát. Đi chỗ nào cũng thấy eo éo, eo éo. Nhiều người thất nghiệp tự dựng lại có việc làm. Khỏi anh có nghề hẳn hoi mà bỗng chốc thành kẻ thất nghiệp. Lão Còn cũng xoay theo cái vòng xoáy lốc ấy mà hoá ra anh ngẩn ngơ. Một cái làng bé như mắt muỗi mà có đến hai cái máy xát gạo. Chẳng ai dờ hơi nghĩ đến việc mang thóc ra xay, giã nữa. Thế là lão mất nghề.

Chẳng còn việc gì làm, lão lân la ra thành phố. Thoạt đầu cũng chỉ vì tò mò, muốn xem dân phố sống ra sao? Ai ngờ, lão trở thành kẻ... cứu làng. Điều làm lão ngạc nhiên là dân phố sống... khổ quá.



Hoá ra nhiều tiền vẫn có thể rất khổ. Bởi họ chui rúc như chuột. Cả nhà sáu, bảy mạng người nhét trong một cái tổ tò vò bé tí như cái lỗ mũi. Chẳng nhà nào có cổng ngõ tử tế. Người chen người. Nhà chen nhà. Khiếp? Hàng trăm nhà mới có chung một cái sân. Mà sân cũng chẳng ra sân. Cứ dài nhằng nhẵng như cái mương nước. Mương nọ nối mương kia. Xe cộ bò lổm ngổm như cua. Mà người thì lúc nào cũng đông đặc. Chẳng thấy họ đóng cối hay cấy gặt gì. Chỉ suốt ngày đi không ngừng. Thế mà sao họ vẫn có lắm tiền thế. Tiền họ kiếm ở đâu ra mà lắm thế nhỉ?

Sau một ngày đi chu du tìm hiểu, lão Còn mới phát hiện ra rằng, sở dĩ dân phố xá lắm tiền là vì họ đi buôn thôi. Các cụ nói rồi. Phi thương bất phú. Đúng thế thật. Hà Nội quả là cái chợ giời khổng lồ. Nhà nào cũng đục cửa ra làm hàng quán. Hàng tiếp hàng. Liên miên. Bởi thế mà họ giàu. Giàu nên mới hay ăn. Nhìn đâu cũng thấy quán ăn. Ăn suốt ngày ăn cả đêm. Mà toàn ăn những thứ vớ vẩn. Cóc, nhái, ba ba, rắn rết cũng thành của quý. Dân nhà quê chẳng coi những thứ ấy ra cái quái gì. Nhái là món tanh ngòm, chỉ có thể băm cho gà vịt. Thế mà dân thành phố lại lấy làm đặc sản, làm chả nhái. Khiếp. Rồi lại còn ba ba nữa. Ba ba cũng thành đặc sản. Mà đắt khét lẹt. Hơn trăm ngàn đồng một cân ba ba. Bằng hơn một tạ gạo. Tương đương với mười cái cối xay lúa lão đóng. Rõ thật là cái giá cắt cổ. Vậy mà cái đám người rò dại kia vẫn ăn rào rào. Ăn bởi họ lắm tiền. Thế là giời thương lão rồi. Giời cứu lão rồi. Chính do giời mách bảo mà lão nhận ra rằng, muốn giàu được thì phải bám thành phố. Nghĩa là phải túm những thằng có tiền. Phải nghĩ ra cách rút tiền của bọn trọc phú phè phỡn. Chứ chỉ quanh quẩn trong cái xó làng thì cùng lắm cũng chỉ như cái lũ gà què ăn quần cối xay.

Lão Còn tức tốc trở về làng. Lão chuyển sang nghề săn bắt ba ba. Lấy ba ba làm mồi câu tiền của bọn thành phố trác táng. Thế là chỉ toòng teng một cái que tre vắt vèo như cái thông lọng của một anh thiên lợn nhà quê, sớm nào lão Còn cũng đi rảo một vòng quanh các ao đầm. Ba ba là giống quen chui rúc ven bờ. Chỉ nhìn lướt qua, lão biết ngay ao nào có ba ba. Cứ thấy một đám tằm nhỏ đùn lên, xâm xâm trên mặt nước là lão cầm thẳng cái que tre xuống đó. Thế là ngay lập tức, quanh que tre sủi lên những cái bong bóng



to bằng cục áo. Đích thị là cậu chàng rồi. Cậu chàng rúc xuống bùn. Thế thì chẳng khác gì tự chui đầu vào cái rọ của lão Lão Còn chỉ khê lừa chân đề chặt, rồi luồn tay xuống bùn lật ngửa cậu lên. Thế là lão đã có hơn trăm ngàn đút túi. Cứ nhẹ nhàng, đơn giản như vậy, ngày nào, lão cũng vớ hơn triệu bạc. Chẳng bao lâu, lão đã có hàng trăm triệu đồng. Rồi lão vật lên một cái nhà ngát ngưỡng bốn tầng. Lão xây theo kiểu nhà thành phố. Cũng cửa kính, cũng ban-công. Cũng nội thất sáng choang, âm nhạc xập xình. Trên nóc nhà là bể nước. Giếng khoan bơm lên, rồi chảy xuống các vòi roe roé. Đúng máy nước thành phố nhé.

Thế là bắt đầu từ một lão phó cối thất nghiệp, cả làng lao vào làm giàu. Đám thanh niên, trai trẻ cũng lại nhao về thành phố tìm con đường làm ăn. Người mở đại lý đồ nhựa, người làm bồn tắm, làm vật liệu các công trình vệ sinh. Người không biết làm gì thì đánh chó, làm trạm trung chuyển, thu gom chó xuất cho Hà Nội. Làng tôi đã triệt chó. Mấy chục năm nay, tôi chẳng trông thấy một con chó nào, vậy mà có một gã trai làng mỗi ngày cung cấp cho Hà Nội hơn một tấn chó. Thế mới lạ. Đối với gã, thành phố là một cái máy nghiền thực phẩm khổng lồ. Bao nhiêu chó lừa vào đó cũng chỉ như muối bỏ bể. Gã đánh chó mới được hơn một năm mà đã thành tinh. Cứ trông thấy gã là chó cúp đuôi lủi thẳng, tuyệt không con nào dám sủa. Hãi thế.

Làng lại mọc lên một biệt thự nữa của gã lái chó. Bây giờ thì cái làng Điền Trì của tôi đã thành một khu phố sầm uất rồi. Không phải chỉ một mình lão Hai Con, mà ngay cả một anh nông dân cổ cày vai bừa cũng tự thấy mình là người đô thị. Hay nói đúng hơn, họ là những người phố ở quê. Dân Hà Nội làm sao có được cái oai ấy cơ chứ. Còn khuya nhé!

## CON NUÔI CON ĐỂ

Ông lão Phúc đúng là người dở tính mất rồi. Dứa con đẻ đứt ruột thì không thương, lại cứ đi chi chút cho cái thằng cha vợ chú vào ở đâu đâu ấy? Nói thằng cha vợ chú vào là nói theo ngôn ngữ thằng con đẻ của lão. Chứ thực tình, thằng cha vợ chú vào ấy đâu phải dân mèo mả gà đồng, mà chính là ông chủ tịch xã, một người có vai vế trong làng. Ngay cứ nhìn bề ngoài cũng đủ thấy ông thuộc hạng sang trọng. To béo. Bệ vệ. Da dẻ đỏ au. Trông chẳng khác gì quan huyện thời đế quốc phong kiến. Người đàn ông đường bệ ấy ai ngờ lại có số vất vả. Cứ như lời ông nói thì ông phải nương cửa người mới thoát mệnh yếu. Thế là ông xin làm con nuôi lão Phúc. Tất nhiên, cũng theo lời ông ta thì đó chỉ là cái phép để lừa ông giới thôi. Mặc dù thế, lão Phúc cũng sượng lắm. Tự dưng, chẳng mất công sinh nở, nuôi dưỡng, lão có thêm một thằng con, mà đâu phải hạng tầm thường, buôn lông gà lông vịt nhếch nhác như thằng con đẻ của lão. Thằng con này, lại đường đường một ông chủ tịch xã. Thế là thoát cái, lão thành bố chủ tịch. Điều trước đây, có nằm mơ lão cũng chẳng dám nghĩ tới.

Chỉ có thằng con đẻ lão là khó chịu.

- Bố chớ vội mừng? Con thấy hấn chẳng tử tế gì đâu. Cái thằng chuyên đục khoét dân mà lại gọi là đầy tớ của dân...

- Nhưng tao thì có gì mà nó đục khoét?

- Bố không có gì, sao hấn lại xin làm con nuôi bố? Tại sao hấn không làm con nuôi bao ông bà già vất vưởng không có ai nương tựa, đang phải sống nhờ chính sách xã hội ở trong làng kia?

- Mà nói đến chó cũng không thể nghe được. Người ta có cái số phải nương cửa người thì cũng phải chọn người hợp số mà nương chứ?

Chẳng biết lão Phúc có hợp số ông chủ tịch không nhưng xem

ra lão quý con nuôi lắm. Hầu như ngày nào, hai bố con cũng ngồi gật gù với nhau bên ấm nước vối đặc.

- Trông bố dạo này vượng lắm. - ông con nuôi chăm chú ngắm lão Phúc. - Bố phải sống đến trên trăm tuổi chứ chẳng ít đâu.

Lão Phúc nghe nở gan ruột:

- Thế mà thằng em anh nó lại bao da tôi dạo này xấu lắm. Trông cứ bực phếch như da thằng chết trôi?

- Chết, sao chú ấy nói gở thế?

- Thì nó rửa cho tôi chết mà? - Giọng lão Phúc hỏn hển. - Tôi là Phúc mà hoá vô phúc. Có mỗi thằng con trai thì lại chẳng ra gì. Mà nó nói khó nghe lắm. Toàn dùi đục chấm mắm cáy. Chưa mở mồm ra đã cạn lời rồi. May mà còn có anh...

Đúng là không có thằng con nuôi thì lão Phúc buồn lắm. Mà xem ra, bố con hợp chuyện nhau. Người tung, kẻ hứng, nghe nhịp nhàng, uyển chuyển lắm. Chẳng bù cho thằng con đẻ mất dạy của lão. Càng ngày, lão càng thấy khó chịu với thằng con đẻ. Cứ gặp nhau là bố con lại cãi nhau. Đấy, con đã bảo bố phải chịu khó ăn mà bố không chịu ăn uống gì cả. Chẳng thuốc thang nào bằng ăn. Cứ ăn nhiều khỏe khoắn. Bố tích cóp làm gì. Làm sao bố cứ sợ khi chết không được chu tất. Bố khỏi lo. Nếu chẳng may, bố có phải nằm xuống thì con khắc lo liệu đầy đủ, không để vong linh bố phải hổ thẹn với dân làng.

Đấy, cứ mở mồm là nó lại rửa mình chết. Trước đây, lão Phúc đã thấy khó chịu. Còn bây giờ thì lão bực. Mà bực lắm, hầu như lần nào gặp bố cái thằng sáng cá ấy cũng chỉ nói độc một giọng càn quấy như thế.

- Dạo này bố không được khỏe lắm đâu. Miệng bố hôi lắm. Miệng hôi là dấu hiệu của bệnh tật đấy. Bố phải đi viện khám ngay đi. Mà con dặn này, khi nói chuyện với người ngoài, bố đừng ghé sát vào mặt người ta. Kinh lắm. Do lịch sự mà người ta không nói. Nhưng bố phải biết rằng, người ta rất sợ hôi miệng. Nhiều cặp vợ chồng bỏ nhau cũng chỉ vì chuyện ấy. Con mua cho bố nước súc miệng đây này? Ngày nào bố cũng nhớ là phải súc miệng.

- Mày nói thế, hoá ra tao là cái thằng thối mồm à? Đồ mất dạy?

Lão Phúc phui đít, đứng dậy. Mặt tái ngắt.

- Bố đừng trách chú ấy. Dẫu sao, chú ấy cũng còn trẻ người non dạ. - ông con nuôi lão lại thế thọt. - Chỉ có trẻ con mới ăn nói bậy bạ, mất lập trường quan điểm như thế. Chứ bố đâu có hôi mồm. Nếu miệng bố hôi thì con phải biết chứ...

Thế là lão Phúc lại thấy bình tâm, trong bụng lại sướng âm ỉ. Đây, con cái cứ phải tử tế như vậy chứ? Thế là bao nỗi căm ghét, bực bội, lão lại trút xuống đầu thằng con đẻ.

Cho đến một hôm, thằng ôn vật ấy cho người chở về nhà một đồng gỗ lim. Thoạt đầu, lão tưởng nó đóng bàn, đóng tủ. Hoá không phải.

- Gỗ tốt đây, bố ạ. - Anh con trai tỏ vẻ thông thạo. - Nó thuộc hàng tứ thiết. Hiếm lắm. Con sắm cho bố cỗ hậu sự...

- Mày định chôn sống bố mày à? Cút - Lão Phúc gầm lên. - Mày cút ngay khỏi nhà tao. Thằng ôn dịch! Cút!

Anh con trai bấy giờ mới ngó người ra. Anh cứ nghĩ may vớ được gỗ tốt thì tậu trước cho bố cỗ hậu sự ở nhà quê, người ta thường sắm trước cỗ hậu sự cho bố mẹ già, ngay từ lúc các cụ vẫn còn đang khoẻ. Khi chưa dùng đến thì cỗ hậu sự làm hòm đựng ngô khoai, thóc lúa. Trong làng, có bao nhà như thế. Chính lão Phúc có lần đã từng khen thằng con trai lão Hợi tậu cho bố cỗ hậu sự tốt quá. Trông cứ sướng cả mắt. Bây giờ, cũng vì lão ghét con nên sự việc mới thành to chuyện. Cứ tưởng lão Phúc chỉ giận con nhì nhằng như mọi lần thôi, nào ngờ ba ngày sau, lão đệ đơn ra Ủy ban. Đơn xin ly con. Tất nhiên, ủy ban không thể giải quyết được. Lão đành chuyển đơn lên luật định, chỉ có vợ chồng bỏ nhau, chứ không có chuyện bố bỏ con. Tòa không quyết thì lão tự quyết. Lão cầm cửa thằng con, không cho đến nhà. Cả khi lão chết, nó cũng không được đến. Hơn tháng sau, lão Phúc đổ bệnh. Lão nằm liệt giường. Anh con trai tất tả lo thuốc thang, rồi lại phải nhờ qua cửa bác cả:

- Tôi biết ông cụ rất giận tôi. Tôi tới, sợ ảnh hưởng đến sức khoẻ cụ, nên trăm sự phải cậy nhờ bác. Bác chuyển thuốc thang và đồ ăn cho cụ giúp tôi. Cứ coi như bác chăm nuôi cụ. Tôi biết ông cụ rất

quý bác. Thôi thì tôi góp của, còn bác góp công...

Để cứu bố, người con đẻ đã bán dần mọi thứ trong gia đình. Khi tài sản không còn gì nữa, thì anh bán nốt căn nhà mái bằng. Chị vợ run rẩy:

- Bán mất nhà rồi thì ở đâu?

- Trước mắt, ta nương nhờ ông bà ngoại. Chờ bố nguôi ngoai rồi thì về. Khi ông cụ quy tiên thì ta ở đó luôn, rồi còn hương khói cụ nữa chứ. Cả một cơ ngơi rộng ngan ngát thế, ai trông nom cho.

Lão Phúc tắt thở vào nửa đêm. Chính căn bệnh viêm phổi và chảy máu dạ dày đã giết chết lão. Nếu lão nghe lời con trai sớm phòng bệnh và trị bệnh thì đâu đến nỗi đổ nhanh đến thế.

Đám tang lão Phúc tổ chức khá linh đình. Chưa bao giờ, làng Quyết Thắng có đám ma to như thế. Cờ phướn rợp đường. Khách khứa nườm nượp đến viếng bố ông chủ tịch. Dân làng xì xào bàn tán. Người khen lão Phúc về già tốt số, tự dưng giới lại cho thằng con nuôi sang đến thế. Mà xem ra, thằng con nuôi lại tử tế hơn thằng con đẻ. Người thì bảo lão chủ tịch thật cáo già. Lão không mất gì mà lại được tiếng thơm. Cũng chẳng phải tổng ông bố thật mà vẫn tổ chức được một đám tang linh đình, hót đến mấy chục triệu tiền phúng. Khi rạp vừa dỡ xong, ông chủ tịch đã cho thằng con cả dọn đến ở để trông nom hương khói ông. Thằng bé vừa cưới vợ, vẫn còn đang ở tạm nhà bố mẹ. Lúc bấy giờ anh con đẻ mới ngã bật ngựa khi thấy bác cả xĩa ra cái giấy chuyển giao quyền thừa kế nhà cửa cho con nuôi của ông cụ thân sinh anh, có cả dấu xác nhận của ủy ban xã. Ai ngờ ông cụ ghét anh ghê gớm đến thế. Bây giờ, ngay cả khi đã chết rồi, ông cụ vẫn còn đuổi anh ra đứng đường. Tất cả cũng chỉ vì anh quá lo cho bố, đã nói toàn những điều thật lòng mà quên mất rằng, con người ta vốn không chịu được những lời nói thẳng, nói thật, cho dù là một ông lão ở cái xó. Thôi, ý cụ đã quyết thế rồi thì tôi cũng đành phải tuân theo thôi. Chỉ cầu xin bác cho một ơn huệ...

- Chú muốn gì?

- Bác xắn lại cho tôi xin một mét đất...

- Để chú làm gì?

- Tôi xây một cái miếu thờ bố tôi..

## NGƯỜI KHÔNG QUEN Ở NHÀ MÌNH

Đó chính là ông bạn vong niên của tôi. Ông làm giám đốc sở văn hoá, một cán bộ cự trào của tỉnh lỵ này. Các cán bộ, nhân viên ở đây, kể cả những người bây giờ là cấp trên của ông cũng đều là lớp đàn em ông, do ông dìu dắt, đào tạo. Cũng vì thế nên mãi đến tuổi 65, ông mới nhận giấy báo nghỉ. Rồi nhùng nhằng thêm đến mấy năm nữa, ông mới chính thức cầm sổ hưu.

Hôm chia tay, cơ quan cũng đã làm một bữa tiệc đưa tiễn với bao lời ca tụng tốt đẹp. Nhưng rồi sáng hôm sau, người ta vẫn thấy cự giám đốc cấp cặp đến cơ quan như thường lệ. Gặp ai ông cũng bắt tay:

- Trời, mình nhớ các cậu quá. Nhớ quá!

Có người không nén nổi nỗi buồn ngủi. Không ngờ thủ trưởng tình cảm quá. Vậy mà trước đây sao mình không nhận ra. Có lúc mình còn nghĩ oan cho thủ trưởng. Thực tình, thủ trưởng đâu có quan liêu, đâu có vô trách nhiệm với cấp dưới. Thế rồi, ngày nào, thủ trưởng cũng nhớ anh em. Sáng sáng, cứ tám giờ kém mười là ông đã có mặt ở công sở. Trước đây, khi còn đương chức, ông thường xuyên đến muộn. Bây giờ, ông lại đến rất đúng giờ. Anh giám đốc mới chẳng nở cắt điện thoại, vẫn để nguyên cái ghế cũ, căn phòng cũ cho ông. Đến cơ quan, ông khua điện đi các nơi, nói đủ mọi thứ chuyện trên trời, dưới biển. Mà chẳng chuyện nào ăn nhập với chuyện nào. Thỉnh thoảng, ông lại mời khách ở các tỉnh khác đến. Ấy là những người mà trước đây, ông từng giữ mối quan hệ thân thiết. Cứ vài ba ngày, anh giám đốc mới lại cùng ông đưa khách ra nhà hàng sang trọng. Còn khách sơ sơ thì cũng thuốc lá, bánh kẹo, cà phê. Có khi cả ngày, cơ quan chỉ trần mình ra tiếp khách cho cự giám đốc. Khi không còn khách khứa nữa thì ông ngồi bù khú với anh em, hỏi thăm hoàn cảnh gia đình của từng người. Ông phát hiện ra trong cơ quan có bao điều bất hợp lý.

Mà bất hợp lý từ rất lâu rồi. Cô văn thư, bảo mật gia đình khó

khăn quá. Anh bảo vệ gắn bó với cơ quan bao nhiêu năm vẫn chưa được phân nhà. Cậu cán bộ bảo tâng lương thấp quá. Mà sao mãi chưa tăng lương. Như thế thì làm sao nó có thể sống nổi, có thể yên tâm giữ gìn di sản văn hoá nước nhà.

Thế là rồi mù lên. Anh giám đốc mới không thể một lúc giải quyết được tất cả mọi điều ông đề nghị. Bởi đó toàn là những việc lớn, những việc cấp bách. Còn cán bộ cấp dưới thì xôn xao bàn tán. Có người cảm động đến ứa nước mắt. Có người nghi ngờ: ôi dào, sao hồi còn quyền chức, ông ấy chẳng làm? Bây giờ về vườn rồi, ông ấy mới sốt sắng quan tâm đến anh em?

- Thì hồi đó, thủ trưởng bận trăm công ngàn việc...

- Tôi cũng nghĩ là thủ trưởng bận. Chứ người như vậy là tốt lắm đấy. Nếu thủ trưởng không bận thì mình đã chẳng đến nỗi khốn khổ thế này...

Bao điều bất ổn nữa nhắc mãi giám đốc mới vẫn chưa giải quyết, cự giám đốc lại trút nỗi bức dọc sang tôi:

- Cán bộ bây giờ gay quá, cậu ạ? Tri thức thì có. Nhưng quan điểm lập trường là chưa thể tin cậy được. Nhất là tình quần chúng, sẽ đi sâu đi sát quần chúng của cán bộ là có vấn đề. Mình thấy gay lắm

Tôi cười:

- Vâng, cán bộ thì thời nào mà chả có vấn đề. Cứ làm việc đến hết mình thì rồi sẽ lại có khiếm khuyết. Nhưng dù có khiếm khuyết gì thì cũng là chuyện của họ. Họ sẽ phải chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Còn bác nghĩ rồi. Bác không nên can thiệp quá sâu. Việc gì bác cũng can thiệp, làm cho tất cả cứ rối lên. Anh em đương nhiệm lại khó làm việc...

- Tại sao lại khó làm việc? - Cự giám đốc quắc mắt lên. - Tôi giúp họ phát hiện những điều bất ổn. Cả đời tôi gắn với cơ quan. Bây giờ còn chút sức lực nào, tôi cống hiến nốt cho trọn ven. Tôi vào Đảng là thề chiến đấu đến giọt máu cuối cùng cơ mà. Còn lâu mới đến giọt máu cuối cùng của tôi nhá? Tại sao chú lại cứ nhìn tôi như một anh gậy rồi.



- Bác không phải người gây rối. Nhưng nhiều điều rắc rối lại bắt đầu từ bác. Bởi bác nghỉ rồi mà...

- Tất nhiên là tôi nghỉ rồi, nhưng tôi vẫn phải có trách nhiệm. - Cựu giám đốc bùi ngùi: - Mà nói thật với chú, tôi vẫn không quen ở nhà mình. Cả một đời gắn với cơ quan. Cơ quan đã thành nhà tôi. Còn căn nhà thực của tôi chỉ là cái quán trọ. Tôi không sao quen được, chú ạ? Tôi lại phải đến cơ quan. Mà ở cơ quan thì lại thấy toàn những điều ngang tai trái mắt. Thế là mình lại phải nhắc. Mà nhắc mãi vẫn không chuyển. Nhiều lúc mình phát nản, lại nghĩ rất tiêu cực: Thôi thì thây kệ đời!...

Nói vậy, nhưng rồi ngày hôm sau, vào lúc tám giờ kém mười, người ta vẫn thấy ông cựu giám đốc xách chiếc cặp đen đến cơ quan. Ông đặt chiếc cặp lên bàn, rồi lại ngồi vào chiếc ghế giám đốc cũ...



## ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP

Nhà thơ Daghextan nổi tiếng thế giới Ra xun Gamzatov thật có lý và cũng thật sâu sắc khi ông cho rằng, khi anh đi ra thế giới rộng lớn, người ta muốn biết anh là người thế nào, thì anh có thể chia chứng minh thư, chia tấm hộ chiếu ra, trong đó đã ghi mọi điều cần thiết. Còn nếu khi có ai hỏi một dân tộc xem dân tộc đó thế nào, thì dân tộc đó cũng cần phải đưa ra giấy tờ của mình, là các nhà bác học, các nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ, họa sĩ, nhà hoạt động chính trị kiệt xuất hay các vị tướng lĩnh tài giỏi. Họ chính là giấy thông hành để dân tộc đó đi ra với thế giới rộng lớn.

Có lẽ cũng vì thế chẳng, mà có lần tham gia trong đoàn Việt Nam dự Festival thanh niên thế giới, tôi rất ngạc nhiên khi phái đoàn của ta vừa xuất hiện thì cả cầu trường vang dội những tiếng hô nồng nhiệt của cả một biển người trên hành tinh: Hồ Chí Minh - Giáp Giáp! Hồ Chí Minh Giáp Giáp? Hồ Chí Minh thì đã rõ rồi. Bác là vị lãnh tụ lỗi lạc, là danh nhân văn hoá thế giới. Thế còn Giáp Giáp là gì? Tiếng Tây chẳng? Tôi lần hỏi mới hay, họ đã hô vang tên của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Đối với thế giới, cái tên quen thuộc ấy đồng nghĩa với Việt Nam, nên không cần phải phiên dịch, diễn giải. Cùng với Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh, vị tướng huyền thoại ấy, cũng đã trở thành cái giấy thông hành để dân tộc ta có thể hiện ngang đi vào cõi mệnh mông bát ngát của xứ người.

Bây giờ thì vị tướng huyền thoại ấy đang ngồi trước mặt tôi. Một ông già hiền lành, đôn hậu. Nước da đỏ au, mái tóc bạc trắng như mây. Trông ông có dáng dấp của một ông Tiên trong những câu chuyện cổ tích dành cho con trẻ.

- Nhân dịp năm mới, tôi xin chúc Đại tướng khoẻ mạnh, hạnh phúc. Cầu mong Đại tướng luôn gặp những chuyện tốt lành.

- Mình cảm ơn thiện tâm của các cậu!

Còn nhớ cách đây sáu năm, tôi cùng nhà văn Lê Lựu và nhóm phóng viên Tạp chí Văn nghệ quân đội đến gặp Đại tướng, và viết bài Hồi chuyện anh Văn nhân kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Bài viết in trên Tạp chí Văn nghệ quân đội đầu tháng 5 năm 1994. Trung tuần tháng đó, tôi có dịp sang thăm Mỹ theo lời mời của của các nhà văn cựu chiến binh Mỹ. Nhà thơ nổi tiếng Mỹ Bruce Weigl cười tủm tỉm: Tôi có xem bài viết của ông với ông Lựu trong thư viện của Trường đại học Harvard, cũng xem cả bức ảnh ông và ông Lựu chụp chung với tướng Giáp. Trong ảnh, tôi thấy tướng Giáp là người trẻ trung nhất, sau đó mới đến ông Lựu, còn người già nua nhất thì lại là... ông

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cười hiền hậu: Họ đùa đấy! Dân nước ngoài họ rất hay đùa. Sự thật thì mình đâu còn trẻ mà cậu thì cũng đâu đã già!

- Vâng, tôi cũng biết là họ đùa, nhưng trong câu nói đùa ấy cũng hàm chứa ít nhiều sự thật, là cụ rất được yêu mến. Dân mình, lính mình yêu cụ đã đành, nhưng ngay cả những kẻ thù từng bị cụ đánh bại cũng rất kính phục cụ. Được kẻ thù của mình kính phục và trọng nể, kẻ cũng không phải dễ.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp dường như không để ý đến câu nói ấy. Ông chỉ tủm tỉm cười. Nụ cười thật hiền hậu. So với lần gặp trước cách đây sáu năm, tôi thấy Đại tướng chẳng có gì thay đổi, mặc dù ông cũng đã qua cái tuổi cổ lai hy. Dường như Đại tướng Võ Nguyên Giáp sinh ra để chống lại tạo hoá. Sự già nua không đánh được vào ông. Một ánh mắt tinh nhạy, trẻ trung, một trí tuệ rất minh mẫn. Nhân ngày đầu xuân, tôi hỏi ông có bí quyết gì mà có được sức lực dẻo dai như thế. Ông cười hiền lành:

- Mình chẳng có bí quyết gì đâu. Chỉ chịu khó tập thể dục, sống thanh thản và không vẩn vơ nghĩ về cá nhân.

Theo cô con gái rệu của ông, giáo sư - tiến sĩ vật lý Võ Hồng Anh, thì hàng ngày, Đại tướng sống rất điều độ. Buổi sáng ông dậy sớm tập thể dục, rồi đi bách bộ quanh khu vườn. Bày rươi ăn điểm tâm. Mỗi bữa thường chỉ có một bát súp nhỏ, một lát bánh mì. Buổi trưa ông ăn rất ít. Tối cũng vậy, chỉ thêm bát súp ngô với một ít rau

tươi. Còn cơm, ông ăn không đầy một bát. Nhưng ngày nào ông cũng làm việc. Công việc vẫn bẽ bộn. Bắt đầu từ tám giờ sáng. Ông tiếp khách trong nước, quốc tế, hoặc dự hội thảo, thăm nơi này, nơi kia, theo kế hoạch mà đồng chí thư ký đã chuẩn bị từ trước. Rồi thì ông đọc sách. Ông đọc khá nhiều. Đủ các loại sách. Sách quân sự. Sách khoa học. Sách danh nhân. Rồi tiểu thuyết. Rồi thơ. Rồi lý luận phê bình. Đại tướng tặng tôi mấy cuốn sách, và cả những bài báo rất hay viết về khoa học, kinh tế mà ông thấy tâm đắc ông photô tặng tôi. Tôi thực sự ngạc nhiên vì thấy ông đọc rất nhiều. Tôi hiểu vì sao ông có được sự minh mẫn đến thế. Trí tuệ loài người nằm hết trong sách. Không phải ngẫu nhiên, khi cô con gái rượu của Các Mác hỏi bố: Công việc gì mà ba yêu thích nhất, Mác đã trả lời: Lọc lợi ở trong sách.

- Vừa rồi tôi có đọc cuốn hồi ký của anh Trà. Anh ấy có viết về tôi. Trong đó có một câu làm tôi rất xúc động: Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người tiếc đến từng giọt máu của lính. Anh ấy là người rất hiểu tôi...

Nói rồi, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngồi lặng. Gương mặt thâm trầm một nỗi gì hiu hắt. Trông ông như một đỉnh núi vừa tắt nắng. Hình như ông đang nhớ lại một thời oanh liệt đã qua. Trong trận Điện Biên Phủ, ông là Đại tướng Tổng tư lệnh, nhưng nắm chắc đến từng đại đội một. Nghĩa là ngay một anh đại đội trưởng dưới cơ sở cũng có thể báo cáo thẳng cho Tổng tư lệnh về đơn vị của mình kể cả những con số hy sinh và thương vong. Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người rất thận trọng. Vào trận, bao giờ ông cũng nắm rất chắc địa hình, tính toán thật chi li, cụ thể. Bộ đội hành quân, tập kết trận địa, nếu trong đội hình tiểu đoàn, hoặc đội hình trung đoàn, có trang bị từng loại vũ khí cụ thể thì đi hết bao lâu. Trận đánh diễn ra bao nhiêu phút, rồi sau đó anh em rút ra như thế nào cho thật an toàn trước khi máy bay địch ập đến. Chỉ khi nào Đại tướng tính toán kỹ lưỡng, tìm được cách rút lui sau trận đánh, để bảo toàn tính mạng cho từng người lính rồi, ông mới ra lệnh tấn công. Có trận thắng vang dội, nhưng mất nhiều lính quá, người ta vỗ tay rầm trời, còn Đại tướng thì lặng lẽ khóc ở sở chỉ huy. Nhiều khi úp mặt xuống phen tre mà khóc. Nước mắt đầm đìa cả cái gối mây. Nhưng điều ấy thì không phải ai cũng biết được. Tôi chợt nhớ

đến hồi Mậu Thân, nhớ đến câu thơ Hữu Thỉnh:

Có trận đánh trở về  
Nhìn đồng súng thừa như nhìn thừa đĩa bát  
Thừa đến nỗi những người sống sót  
Cũng không nở nhận mình là may  
Hồi Mậu Thân toan tính biết bao điều...

Có lẽ cũng vì thế mà Thiếu tướng Nguyễn Chuông, Tư lệnh Quân đoàn 29, một trong những người lính quả cảm của tướng Giáp, khi về hưu được quân đội chia cho ít đất để làm nhà, ông đã dành một khoảng đất để xây một cái miếu ngay ở trước cửa nhà để ông thờ lính. Các em đã lặn lội theo anh vào sinh ra tử bao nhiêu năm nay, không may phải nằm lại dọc đường, bố mẹ già khuất núi rồi, vợ con lại chưa kịp có thì biết lấy ai hương khói trong những ngày tết nhất hay ngày rằm, mồng một. Anh may mà thoát chết, vừa được quân đội cho tý đất đây, anh lập cái am này để các em về đây quây quần với anh. Rồi ông dặn dò con cháu nếu không may ông có phải ra đi thì những ngày Tết hay ngày rằm, mồng một, hoặc ngày 27-7, chúng nhớ thay ông thắp hương cho những người lính của ông đã, rồi sau đó mới thắp cho ông.

Có lẽ cũng vì thế chẳng mà khi tôi có nhã ý muốn được đọc một cuốn hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết về chính mình thì ông đã từ chối. Thực tình thì ông cũng đã viết hoặc kể cho người khác viết. Nhưng đó là những trang hồi ký viết về Bác, về Đảng, về cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân. Đó là một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc, là chuyện của lãnh tụ, của đồng bào chiến sĩ, là toàn bộ cuộc chiến tranh cách mạng được nhìn qua con mắt của một vị tướng. Còn thực sự vị danh tướng ấy thế nào, số phận ra sao thì cho đến nay, vẫn chẳng có mấy ai biết.

- Đời mình có gì đâu mà viết. So với Bác, với đồng bào, chiến sĩ, mình chỉ là một giọt nước rất nhỏ giữa đại dương mênh mông.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói vậy. Ông vốn là một người rất khiêm nhường. Ông mong gì ư? Nếu có sức lực và có điều kiện, ông muốn được trở lại những vùng chiến trường xưa, thăm lại

những người dân nghèo đã từng san sẻ với ông nửa củ sắn lùi, đắp chung với ông một cái chăn rách. Tôi chợt nhớ đến một ông già bản mà tôi gặp trên đường vào Mường Phăng. Ông già hồ hởi:

Chuyện Đại tướng chứ gì? Đại tướng thì tôi biết. Tôi cũng đã mấy lần gặp Đại tướng rồi. Vùng này là quê của Đại tướng đấy. Năm nọ Đại tướng có về quê Đại tướng nói chuyện với đồng bào bằng tiếng dân tộc. Đại tướng là già làng của chúng tôi đấy. Nhà Đại tướng ở chỗ kia kìa...

Nói rồi, ông già chỉ lên núi Mường Phăng. Một dải rừng xanh um giữa mênh mông đồi trọc. Ở Điện Biên và cả mấy vùng lân cận, rừng cơ bản đã bị phá xong. Nửa đêm, tôi còn thấy những dải lửa cháy rừng rực vắt giữa lưng chừng trời. Đồng bào đốt nương đấy. Chẳng còn cách nào ngăn được. Rừng núi nhiều nơi đã trơ trụi, nhưng Mường Phăng thì vẫn um tùm rậm rạp như rừng nguyên sinh. Tôi đã đi dưới những tầng cây ấy, nghe chim rừng hót riu rạn. Một làn suối âm thanh trong trẻo và mát rượi rót xuống từ lưng chừng trời. Không một danh cây nào bị chặt phá hay bị bẻ gãy. Ở đây, người dân còn đói cơm, thiếu mặc, nhưng họ vẫn nâng niu gìn giữ khu rừng. Họ tự đặt tên cho khu rừng là Rừng Đại tướng. Đây là ngôi đền thiêng, ngôi đền xanh thiên nhiên mà người dân đã tự lập đền thờ ông. Đối với vị tướng trận, đó là hạnh phúc lớn. Một hạnh phúc mà không phải ai cũng có được

## MÁ VÀ CÁC CON

*Trò chuyện với má Phạm Thị Lừa*

*Bà mẹ Việt Nam Anh hùng*

Căn nhà mái dằng hai gian xinh xắn, nằm bên con đường rải sỏi đỏ mịn chạy ngang qua thị trấn chợ Lớn. Đó là ngôi nhà tình nghĩa mà tỉnh Bình Thuận đã dành cho má Phạm Thị Lừa, một Bà mẹ Việt Nam anh hùng có ba con hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Phòng ngoài rất sơ sài, chỉ có một chiếc phản gỗ đã cũ. Trên tường không thấy bằng Tổ quốc ghi công, cũng không thấy bàn thờ, bát hương, chứng nhận Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Nghĩa là lọt căn nhà bình thường, như hàng triệu căn nhà bình thường khác của Việt Nam. Cảm giác như ở đây, không hề có người chết trận. Bên phải là cánh cửa sổ khép hờ, nhưng người ta vẫn thấy qua khe cửa, một khu vườn xao xác gió. Ngoài xa là con sông Luỹ. Xa nữa là những miệt rừng xanh om, những dãy núi mờ mịt sương khói. Đó là căn cứ địa cách mạng trong những năm chống Mỹ gian khổ và bi tráng.

Má Lừa ngồi trên tấm phản gỗ. Quay quanh má là các nhà văn ở Tạp chí Văn nghệ quân đội. Ngồi chéch bên cửa sổ là ông Hoàng Huỳnh, chồng má Lừa.

Má Phạm Thị Lừa: Má nói đến đâu rồi hà? à, phải rồi, má biểu ông Huỳnh biên thư cho các con, cảm ơn các con. Giục ông già hoài hoài mà ông cứ lẩn khân mãi.

Ba Hoàng Huỳnh: Tôi có viết chớ? Viết lâu rồi chớ. Thế nhưng rồi chẳng biết gửi đi đâu? Có địa chỉ đâu mà gửi? Chẳng biết chúng nó ở chỗ nào. Bà già biểu cứ gửi lên xanh? Trời đất ơi? Giải phóng mấy chục năm rồi. Trên xanh chỉ còn hùm beo, chớ có thằng bộ đội nào còn ở đó nữa.

Nhà văn Lê Thành Nghị: Cái đó là lỗi tại chúng con, chúng con

bận quá, lại ở xa nữa, mãi ngoài Hà Nội nên bữa nay mới về thăm ba má được. Địa chỉ của chúng con là Nhà số 4 Lý Nam Đế.

Má Phạm Thị Lừa: Thế các con không có sổ hòm thư à?

Nhà văn Đỗ Viết Nghiệm: Dạ, đó là hòm thư của tụi con đó. Nhà số 4 Lý Nam Đế.

Má Phạm Thị Lừa: Chà, bây giờ không còn chiến tranh nữa, nên không phải giữ bí mật. Cái địa chỉ dễ ợt mà bây giờ má mới biết..

Nhà văn Lê Thành Nghị: Cái đó cũng tại lỗi chúng con. Chúng con chưa thư được cho má. Vả lại: chút tiền chúng con gửi má, lại nằm chung trong sổ tiền cơ quan Tổng cục Chính trị gửi vào trong này. Cơ quan Tổng cục Chính trị nhận phụng dưỡng bốn mươi Bà mẹ Anh hùng. Riêng ở huyện Bắc Bình này có hai mươi Mẹ. Má nhận được đều không?

Má Phạm Thị Lừa: Đều. Quý nào vào ngày đầu tháng, mấy anh ở huyện đội cũng mang tiền tới, không có tháng nào chậm.

Nhà văn Khuất Quang Thụy: Má sống được không?

Má Phạm Thị Lừa: Sống được? Tiền của các con, cùng với tiền của mấy đứa đã chết, cộng lại được bảy trăm tám mươi lăm ngàn là sống khoẻ rồi. Ở đây mọi thứ đều rẻ. Rau quả mua như được cho không. Mỳ một ký bốn trăm đồng. Thịt cá cũng không quá mắc. Ông Huỳnh thỉnh thoảng vẫn đi nương trả lúa. ông làm cho khoẻ người thôi, chứ ăn nhằm gì mấy sào lúa nương. Còn má thì không làm gì được. Má già rồi. Đi trong nhà cũng đã thấy mỏi. Má còn năm sáu đứa con nữa, nhưng chẳng nhờ gì được chúng. Chúng ở xa, lại đẻ nhiều. Đứa nào cũng chín, mười đứa con. Chúng nuôi con chúng còn chẳng nổi. Thỉnh thoảng, năm thì mười hoạ, chúng mới về nhà. Về ào một cái, rồi lại kéo nhau đi. (Rơm róm nước mắt). Thành thử các con thấy đó, nuôi má bây giờ, ai dè lại là mấy đứa đã hy sinh và mấy thằng bộ đội ngoài Bắc chúng mày...

Nhà thơ Trần Đăng Khoa: Con muốn thấp cho anh chị mấy nén nhang...

Má Phạm Thị Lừa: Cám ơn các con. Má không để bàn thờ. Mấy



tám bằng ghi công, má cho hết vào trong rương.

Nhà văn Đỗ Viết Nghiệm: Sao thế, má?

Má Phạm Thị Lừa: Vì má không thể chịu được khi nhìn những tám giấy ghi tên mấy đứa đặt trên bàn thờ. Thôi cứ cất đi cho thoáng. Cứ coi như mấy đứa đi đâu vắng, chúng ra nương, ra rẫy, còn con Xuân đi lấy chồng xa. Ba má có đến mười đứa con, có đứa nào ở với ông bà già lợm khộm này đâu. Má không muốn nghĩ là ba đứa đã chết. Làm sao tụi nó có thể chết được khi ba má chúng ngày một già yếu mà lúc nào cũng luôn thương nhớ chúng. Làm sao chúng có thể chết được khi tháng nào má cũng nhận được tiền chúng nó gửi về. Chà! Ngọt ngọt quá? Mở cho má cánh cửa sổ, con (Nhà văn Khuất Quang Thụy xoay người lại, mở toang cánh cửa sổ). Hình như trời sắp giông hay sao mà ngọt ngọt quá hà!

Nhà văn Khuất Quang Thụy: Không! Trời trong lắm má à! Còn hơn tháng nữa mới tới mùa mưa. Coi chừng, má bị cảm đó!

Má Phạm Thị Lừa: Cảm chi! Lâu lắm rồi má đâu có ốm. Các con đã nuôi má, lại về thăm má thế này là quý lắm rồi, còn quà cáp cho má làm chi nữa

Nhà văn Lê Thành Nghị: Có gì đâu má? Chỉ có một chút lụa bọn con mang từ Hà Nội vào để má may một bộ quần áo...

Nhà văn Nguyễn Quốc Trung: (Giở xấp lụa ướm lên vai má Lừa). Đó, các anh thấy không? Rất hợp với má (với má Lừa). Bọn con chọn loại lụa này thích hợp với tuổi má. Má có thể mặc đi chơi hay đi lễ chùa cũng được. Ngày nóng sẽ thấy mát. Má phải may ngay nhé. Kéo rồi, má lại đem cho...

Má Phạm Thị Lừa: Không? Không! Má may, má sẽ may...

Nhà văn Nguyễn Quốc Trung: ở đây có cửa hiệu nào không, để con dẫn má đi...

Má Phạm Thị Lừa: Thôi, các con khỏi lo. Việc đó để má tự làm? Má sẽ may bộ đồ thật đẹp để khi nào các con vô, má sẽ mặc đón các con...

Nhà thơ Trần Đăng Khoa: Má đừng may rộng quá, cứ đo khít với khổ người. Eo má rất chuẩn nhá. Ngày xưa, có lẽ má đẹp lắm...



Ba Hoàng Huỳnh: Đúng đây! Ngày xưa, bà ấy rất đẹp. Có đẹp thì tôi mới mê chứ!

Má Phạm Thị Lừa: Cái nhà ông này! Già rồi mà còn ăn nói xí xốn, chúng nó lại cười cho.

Ba Hoàng Huỳnh: Chớ không à? Ngày xưa bà làm khổ bao nhiêu người, bà có biết không?

Má Phạm Thị Lừa: Ai khổ đâu chả biết. Tôi chỉ thấy mỗi tôi khổ thôi. Hết vô tù lại ra tội.

Ba Hoàng Huỳnh: Đó, thì cũng vì bà đẹp, bà mới bị bắt chứ!

Má Phạm Thị Lừa: Tôi bị bắt đâu phải vì đẹp. Tôi hoạt động cách mạng, chẳng may bị lộ nên phải vô tù. Mà vô tù cũng vì những chuyện chẳng đâu vào đâu.

Nhà văn Nguyễn Quốc Trung: Sao lại thế, má?

Má Phạm Thị Lừa: à, chuyện chi có thể này thôi. Hồi đó, má đi đưa thư. Thư của ông Lê Thạch, ở đây còn gọi là ông Tám. Ông ấy là ấp trưởng. Ông làm việc cho địch ban ngày, nhưng ban đêm lại là người của ta. Ông có hai thằng con đều đi theo bộ đội, lên xanh cả. Má chuyển thư của con ông cho ông. Thư giấu trong vạt áo. Thư bí mật nên không thể đưa công khai, phải kêu ông ra chỗ vắng, phải thăm thăm thì thì. Bà Mười Đen, vợ ông Tám, lại tưởng má với ông ấy có tư tình gì. Thế là bà làm toáng lên. Rồi bà lên đồn tau báo. Thế là má bị bắt. Ông Tám cũng bị bắt. Chúng nhốt mỗi người vào một nhà lao, rồi chúng tra tấn, đánh đập. Cũng may mà không chết. Đánh chán rồi chúng thả cho về. Chúng tưởng đó chỉ là chuyện ghen tuông trai gái...

Nhà văn Đỗ Viết Nghiệm: Bây giờ ông Lê Thạch ở đâu má?

Má Phạm Thị Lừa: Ông chết lâu rồi. Còn bà Mười Đen thì vẫn còn sống. Nghe đâu bây giờ bà chuyển ra ngoài Thừa Thiên, ở với con gái...

Nhà văn Nguyễn Quốc Trung: Thế bây giờ bà ấy còn ghen không má?

Má Phạm Thị Lừa: Ghen chi mà ghen! Già khom cả một lũ rồi. Má thì răng rụng. Còn bà ấy thì lưng còng, đi lại khó khăn lắm!

Vừa rồi, bà ấy về quê, có qua đây, má cho mấy đấu gạo. Bà ấy nghèo lắm, đói lắm. Người già mà đói thì khổ lắm. Nghĩ lại thời ấy, sao mà thấy cực...

Nhà văn Khuất Quang Thụy. Hồi kháng chiến, vùng này thế nào, má?

Má Phạm Thị Lừa: Khổ lắm. Đây là ấp chiến lược mà, con. Kẻ thù dồn dân về trại tập trung. Chúng biến con người thành một bầy súc vật. Ngày chúng thả cho ra, tối chúng lừa tất cả vô chuồng, cứ như là lừa trâu, lừa bò. Chúng muốn tách dân ra, không để dân nuôi giấu bộ đội nuôi giấu cách mạng. Nhưng mà chúng lại ngu, chúng không biết chúng chỉ cách ly được dân, chứ làm sao cách ly được lòng dân với cách mạng, với bộ đội Cụ Hồ. Ngày nào đi làm nương, chúng cũng cho người lục soát từng cái túi, cái quần của người ta. Chúng sợ bà con tiếp tế cho bộ đội. Nhưng chúng chỉ kiểm soát được cái quần, cái áo, chứ làm sao kiểm soát được cái bụng của dân. Khi thu hoạch lúa, bà con để lại lúa ngoài rẫy, vùi rạ lên, đêm bộ đội về lấy. Sáng nào ra rẫy, thấy bó lúa còn nguyên, là lại khóc thầm, biết bộ đội không tới được. Một lần, có anh bộ đội người Bắc về lấy lúa, lấy mì bị quân thằng Bạ bắt được. Thằng Bạ là ác ôn. Nó ác còn hơn cả thú dữ. Lần đầu tiên, má được thấy một anh bộ đội người Bắc. Thằng nhỏ hiền lành lắm, da xanh bủng vì sốt rét. Khi đó, nó cũng đang bị sốt, vậy mà thằng Bạ cũng đâu có chịu buông tha. Chúng cho quân đánh đập dã man lắm. Người thằng nhỏ bê bết máu. Khi nó chết rồi, thằng Bạ còn buộc xác nó vô xe cam-nhông, cho kéo lê dọc suốt con đường này, vòng qua các xóm ấp này. Máu thằng nhỏ thấm xuống suốt một rẻo đường kia. Chiều ấy, cả nhà má bỏ cơm. Không ai nuốt được một miếng. Rồi sớm hôm sau, thằng Tư, thằng Đương trốn má, đi lên xanh theo bộ đội. Khổ? Má đâu có ngăn cấm chúng nó mà chúng nó phải trốn má. ít ngày sau, con Xuân cũng lại nằng nặc xin má cho nó đi...

Nhà văn Lê Thành Nghị: Năm ấy, chị Xuân bao tuổi, má?

Má Phạm Thị Lừa: Mười tám?

Nhà văn Đỗ Viết Nghiệm: Chị ấy sao má?

Má Phạm Thị Lừa: Con bé ngoan lắm, lại đẹp gái nữa. Năm

mười sáu tuổi, nom nó đã rục rở lắm rồi. Da nó trắng như ngà ấy. Mấy bà ở chợ Lầu biếu: Làm sao bà đẻ được con bé đẹp thế. Bao nhiêu thằng con trai gằm ghè nhau, đánh nhau vì nó. Năm nó mười tám tuổi, nhiều đứa tới cầu hôn. Nhưng chẳng đứa nào ra hôn người. Toàn là một lũ giặc. Con Xuân năn nỉ xin má cho nó theo bộ đội. Má biếu: ừ, con lớn rồi! Má chẳng giữ con nữa. Ở nhà cho thằng Mỹ, thằng ngụy nó hiếp à? Thôi con đi đi. Má gửi con cho Cụ Hồ. Thế rồi nó đi...

Nhà văn Nguyễn Quốc Trung. Sau đó, má còn gặp lại chị ấy không?

Má Phạm Thị Lừa: Có? Gặp mỗi một đận thôi. Nó lần ra nương tìm má!

Nhà văn Lê Thành Nghị: Chị ấy có nói gì không?

Má Phạm Thị Lừa: Không! Nó biếu, nó đi công tác, tiện thể ghé thăm má. Chỉ thế thôi. Nó vẫn mặc tấm áo bà ba như hôm nó ra đi. Rồi nó kêu đói. Rủi là bữa đó, nhà chẳng còn củ mì nào

Nhà văn Đỗ Việt Nghiêm: Chị ấy đi bộ đội mà không mặc đồ bộ đội à, má?

Má Phạm Thị Lừa: Làm sao có đồ bộ đội. Chỉ mấy đứa ngoài Bắc, chớ tụi trong này có gì mặc nấy. Nhiều đứa đi bộ đội mà vẫn ăn cơm nhà. Thằng Tư là bộ đội địa phương, nó vẫn bận tấm áo của ông Huỳnh. Khi chết, nó vẫn chết trong tấm áo của ba nó. Còn thằng Dương vào bộ đội đặc công, hy sinh trong một trận tập kích ở núi Tràng Rông. Hai đứa đầu còn kiếm được xác, đưa vào nghĩa trang liệt sĩ, mà xây đài hoàng Chi có con Xuân là không tìm được...

Nhà văn Nguyễn Quốc Trung. Chị ấy hy sinh thế nào, má có biết không?

Má Phạm Thị Lừa: Má chỉ nghe người ta nói, con Xuân làm y tá trong một bệnh viện dã chiến của mặt trận ở trong rừng. Một lần, trực thăng ập đến, con Xuân công thương binh ra khe đá ven suối. Đến chuyển thứ ba thì nó bị trúng đạn. Cả bệnh viện chỉ sống sót một y sĩ bị thương nặng, còn thì thầy thuốc, thương binh, chết hết cả. Mợ con Xuân chôn ở bên suối. Anh em khác cũng chôn dọc

theo suối. Thế rồi sau một trận lũ rừng, tất cả những ngôi mộ ấy đều bị cuốn trôi hết. Bây giờ, má cũng chẳng biết xác nó trôi dạt về đâu. Muốn thấp cho nó nén nhang, cũng chẳng biết cắm chỗ nào?

Nhà văn Lê Thành Nghị: Má à, hiện nay có đến hàng vạn bà mẹ cùng chung cảnh ngộ như má. Trên báo chí, trên ti-vi, buổi truyền hình quân đội nào cũng có mục Nhấn tìm đồng đội. Ở cơ quan con có anh Nguyễn Trí Huân. Anh ấy có người anh trai hy sinh ở tận miền Nam, may còn tìm được mộ mà đưa hài cốt về quê. Hôm hài cốt về, cả xã ùa ra, đứng chật cả hai bên triền đê để đón. Rồi cả một dải người cùng khóc. Họ khóc vì chồng con họ, những người lính không tìm được hài cốt. Ngay trong nhà anh Huân, bà mẹ anh ấy thì thẳng thốt, cứ như con mình đã sống lại, đã trở về. Thực ra thì chỉ còn mấy rảnh xương với một ít đất gói trong vuông vải đỏ. Còn bà cô ruột anh Huân lại đóng chặt cửa, nằm vật ra giường, rồi úp mặt vào vách đất mà khóc. Bà cụ có đứa con không biết hài cốt ở đâu...

Má Phạm Thị Lừa: (Nâng vạt áo lau nước mắt). Mở cho mẹ cánh cửa, con...

Nhà văn Khuất Quang Thụy: Cửa vẫn mở đó má?

(Một thoáng im lặng. Sự im lặng trùm ngợp khắp căn nhà tình nghĩa của má Lừa. Hình như ai cũng thấy ngạt thở. Mấy nhà văn áo lính nhìn ra ngoài cửa sổ mở rộng. Ở đó dào dạt một vùng nắng gió miền Nam Trung Bộ. Những miệt vườn, những dải núi mờ xanh. Xanh một cách lặng lẽ, đứng đưng như không hề có máu chảy)

Má Phạm Thị Lừa: Má chỉ ân hận hôm con Xuân về, nhà lại sạch bách chẳng có gì ăn. Con nhỏ thì đói. Mà tại sao hôm ấy, má lại lú lẫn, không biết chạy sang hàng xóm, vay cho nó một củ mì. Bây giờ, thỉnh thoảng, má vẫn thấy con Xuân về luôn. Có hôm, má vừa chợ mắt thì nó về. Nó ôm chầm lấy má. Rồi nó dụi đầu vào vai má. Người nó ướt sũng và lạnh toát như một cây nước đá. Má biểu: Mày ở đâu về mà ướt vậy con? Nước suối đó, má! Con rét quá. Má ôm riết lấy nó, muốn sưởi cho nó như những đêm mưa lạnh ngày nào, hồi nó còn bé. Nhưng người nó cứ run lên bần bật, rồi tan rữa ra thành nước. Trời đất ơi? Con tôi làm sao vậy nè. Má kêu âm lên,

rồi bưng tỉnh. Mồ hôi vã đầm đìa. Vai áo má ướt rượt. Không biết đó là nước mắt má hay nước mắt con Xuân?

Nhà văn Đỗ Viết Nghiệm: Thôi! Má đi nghỉ đi. Má nghỉ một chút cho đỡ mệt. Tụi con ngồi chơi với ba...

Má Phạm Thị Lừa: Má có làm chi đâu mà mệt

Nhà văn Khuất Quang Thụy: Thế đã bao giờ má ra Hà Nội chưa?

Má Phạm Thị Lừa: Chưa đâu! Má chỉ nghe nói Hà Nội thôi, Hà Nội có lăng Cự Hồ.

Nhà văn Khuất Quang Thụy: Bao giờ má ra Hà Nội, viếng Bác, chúng con sẽ đón má về cơ quan con chơi. Cơ quan con ở gần lăng Bác...

Má Phạm Thị Lừa: Má già rồi! Yếu lắm rồi, ra ngõ bây giờ cũng còn ngại, làm sao ra được ngoài, đi bao nhiêu là đường đất.

Nhà văn Khuất Quang Thụy: Bọn con sẽ lo vé máy bay cho má đi...

Má Phạm Thị Lừa: Má già rồi...

Nhà văn Khuất Quang Thụy: Con tưởng khi tuyên dương Bà mẹ Việt Nam anh hùng, má có ra Hà Nội chứ?

Má Phạm Thị Lừa: Không! Đi đại biểu thôi. Mà khi chọn đại biểu thì má lại không phải là đại biểu rồi. Ở đây có nhiều má hơn má lắm...

Nhà văn Lê Thành Nghị: Vâng! Chúng con biết tỉnh Bình Thuận ta là một vùng đất kiên cường và oanh liệt. Ngay trong mấy đợt đầu, toàn tỉnh đã có hàng trăm bà mẹ được phong danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Có má mấy lần anh hùng như má Phạm Thị Ngư. Má Ngư có bảy người con liệt sĩ bản thân má còn là Anh hùng Lực lượng vũ trang là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Ở đây còn có ba chị em ruột đều là Bà mẹ Việt Nam anh hùng như má Bùi Thị Nhỏ, má Bùi Thị Tư, má Bùi Thị Hải. Ba chị em ruột này đã cống hiến cho đất nước 12 người con liệt sĩ. Ở ngay trên đất Chợ Lầu này, còn có một đội du kích nữ, gồm mười một người, do chị Trần Thị Liên làm đội trưởng, đã chiến đấu rất dũng cảm. Chính chị

Liên đã cùng đồng đội tiêu diệt tên ác ôn khét tiếng Nguyễn Duy Bạ ở ngay trước cổng nhà hắn...

Má Phạm Thị Lừa: (ngạc nhiên) ủa? Sao mấy con ở xa mà rành chuyện trong này vậy?

Nhà văn Lê Thành Nghị: Tụi con là nhà báo mà, má!

Má Phạm Thị Lừa: Vậy ở đơn vị các con, có còn ai như các con không?

Nhà văn Khuất Quang Thụy: Nhiều chứ, má! Chúng con có ba mươi người cơ. Ở cơ quan con, có anh đã từng sống ở đây, chiến đấu ở đây đến hàng chục năm trời...

Má Phạm Thị Lừa: Ai vậy con?

Nhà văn Khuất Quang Thụy: Nhà văn Nam Hà. Trong thời chiến tranh, anh ấy ở trên rừng. Anh ấy bảo hồi đó không thể nào vào Chợ Lầu được. Chợ Lầu bị kiểm soát, kìm kẹp gay gắt lắm. Nhiều đêm, anh ấy về ấp Xuân Quang lấy gạo...

Má Phạm Thị Lừa: ừ, cái ấp ở bên kia sông Lũy, cách đây một đoạn đường ngắn thôi. Đó là ấp tranh chấp. Ngày của địch, đêm của ta. Bà con bên ấy vẫn sang đây mua gạo, thực phẩm mang về cho bộ đội. Vậy thằng Hà chuyện này không vô đây à?

Nhà văn Lê Thành Nghị: Anh Nam Hà về Bình Thuận luôn đấy. Đối với anh ấy, Bình Thuận là quê hương thứ hai. Anh Nam Hà đã viết đến hàng ngàn trang sách mà phần lớn là viết về vùng chiến trường khu Sáu ác liệt này. Bữa nay, anh ấy đi công tác vắng nên không vào được. Cơ quan cử tụi con về thăm má. Rồi chúng con sẽ thay nhau về...

Má Phạm Thị Lừa: (Nâng vạt áo lau nước mắt). Má cảm ơn mấy con. Má mất ba đứa con, nhưng lại có ba mươi đứa con thương yêu, chăm chút má như là con đẻ. Tất cả tụi bay đều là con má (bỗng bật khóc). Đương ời, Tư ời, Xuân ời, các anh của các con về cả đây rồi nè. Ông Huỳnh đâu rồi? Kìa, ông Huỳnh... Ông kê cho tôi cái bàn thờ, để chúng nó thắp hương cho các em.

## BLAGA ĐIMITRÔVA

## I

Vào những năm đánh Mỹ, Việt Nam được coi là Lương tâm của thời đại. Có học giả nước ngoài chỉ ước: Sau một đêm ngủ dậy trở thành người Việt Nam.

Có lẽ cũng vì thế mà thi hào dân tộc Bungari - bà Blaga Đimitrôva đã lặn lội đến Việt Nam không phải một lần, mà sáu lần. Bà đã có mặt ở những nơi bom đạn ác liệt nhất: Hà Nội, Hải phòng, Phủ Lý, Vinh, Ngã ba Đồng Lộc, rồi Quảng bình, Vĩnh Linh, Thanh Hoá. Bà đã chứng kiến nhiều trận chiến đấu, nhiều cuộc hy sinh, cả những ca mổ cấp cứu trong hang đá Ninh Bình, đã nhìn tận mắt một người con gái gầy gò, xanh tái vì sốt rét, tự treo mình lên cùng chiếc xe đạp, rồi guồng chiếc xe trong không khí để lấy ánh sáng đèn xe cho ca mổ mà theo bà đó là cuộc phẫu thuật có một không hai trong lịch sử y học nhân loại. Blaga Đimitrôva đã có ba tập sách đặc sắc viết về Việt Nam: *Bầu trời và mặt đất*, *Vây giữa tình yêu*, *Ngày phán xử cuối cùng*. Cả ba cuốn này đều được dịch ra hầu hết các thứ tiếng trên thế giới. Nhiều học giả nước ngoài nói với tôi rằng, họ biết Việt Nam, hiểu Việt Nam đến mức sâu sắc là nhờ Blaga Đimitrôva. Trong ba tập sách tuyệt vời ấy có hai cuốn đã được dịch sang tiếng Việt: *Vây giữa tình yêu* và *Ngày phán xử cuối cùng*. Nhà thơ Xuân Diệu cho rằng, với những tập sách này Blaga đã đạt tới độ chín nhất của tài năng sáng tạo. Ông bảo tôi: Đọc Blaga mình sợ quá! Chị ấy bay bằng tên lửa, còn mình thì đi bằng hai chân què của con vịt bầu. Rồi ông còn bảo: Khi phụ nữ có trí tuệ ngang đàn ông thì họ hơn đứt cánh đàn ông chúng ta cái tình cảm, xúc cảm. Chị Blaga là như thế đấy.

Quả đúng như Xuân Diệu nói. Với những cuốn sách viết về Việt Nam, Blaga đã đạt đến độ chín nhất của tài năng mình. Đọc bà, ta



có cái thú của một người du ngoạn. Ta được ngắm lại ta bằng con mắt của một người ngoại quốc. Với cái nhìn tươi xanh, đầy nhân ái và từng trải, lại cộng với một trí tuệ tuyệt vời Blaga đã phát hiện ra nhiều vẻ đẹp của ta, mà ta không thấy được. Nhìn những đứa trẻ đội nón lùn chũn đi dưới rừng tre xơ xác vì bom đạn, bà lại thấy đó là những con ốc đang vác theo cái nhà của mình. Đến Khâm Thiên, một khu phố vừa bị bom B52, Blaga gặp một người phụ nữ có chứa đang khoan thai đi giữa một vùng ngổn ngang đổ nát. Cứ như cái nhìn của bà, thì người phụ nữ ấy đã ôm trọn cả quả địa cầu trước ngực. Chị gom nhặt từng mảnh vỡ của thế giới hoang tàn, đổ nát rồi cho vào cái bụng phình tròn của mình, để nhào nặn, hoài thai, rồi đẻ ra một thế giới nguyên vẹn, hoàn thiện và văn minh.

Blaga rất yêu Việt Nam. Có lần bà ghé thăm một trại trẻ ở Hải Phòng, khi vừa dứt trận bom. Nhiều cháu bé lấm lét nhìn bà. Có cháu khóc ré lên vì sợ hãi. Đối với chúng, bà như người khổng lồ mắt xanh, mũi lõ. Chỉ duy nhất một cháu gái không sợ. Cháu lấm chầm đến bên bà, quặt cho bà, rồi múa bà xem.

- Cháu tên là gì?

Blaga âu yếm cúi xuống hỏi. Cháu bé ngửa mặt nhìn bà:

- Dạ, cháu tên Hà. Hoàng Thu Hà!

- Cháu mấy tuổi rồi?

- Cháu 5 tuổi?

- Thế chân cháu làm sao thế kia? Muỗi đốt à?

- Không, đĩa cắn đấy!

- Đĩa ở đâu?

- Đĩa dưới hầm trú ẩn. Hầm trú ẩn nhiều đĩa lắm!

- Thế cái gì ở cổ tay cháu kia?

- Dạ, cái vòng ạ!

- Thế chữ gì ở trên vòng thế

- Dạ, chữ Hoàng Thu Hà. - Cô bé giải thích. - Cô giáo Nhung khắc tên Hà vào đây, để nếu bom Mỹ có giết chết Hà thì cô giáo Nhung còn biết mà báo cho mẹ Hà...



Nhà thơ Chế Lan Viên dịch cuộc đối thoại này. Ông bắt chước hết giọng điệu trẻ con đến nỗi cháu bé ngoeo cổ cười ngật nghẻo. Chế Lan Viên cũng cười. Nhưng Blaga thì khóc. Và rồi từ ấy thành một nỗi ám ảnh, bà không còn sống thanh thản được nữa. Cứ nhắm mắt lại là thấy những trái bom sẵn tìm cháu bé. Rồi bà lại sang Việt Nam. Lần này bà muốn cứu cháu bé thoát khỏi những trái bom. Phải vất vả lắm, bà mới qua hết các thủ tục, đưa được cháu bé về Bungari. Hơn mười năm sau, Hoàng Thu Hà đã là nghệ sĩ piano. Cô nói giỏi tiếng Bun, nhưng tiếng Việt thì không còn nhớ nữa. Blaga không muốn cô trở thành một kẻ xa lạ với Tổ quốc mình. Bà thư cho Xuân Diệu nhờ tôi thỉnh thoảng viết thư cho Hoàng Thu Hà để qua những bức thư đó, cô bé làm quen lại với tiếng Việt. Cũng vì thế mà tôi thành người thân của gia đình bà.

Năm 1979, tôi có dịp cùng nhà phê bình Hà Minh Đức sang thăm Bungari theo lời mời của Hội Nhà văn bạn. Hà đã bi bô nói chuyện với tôi bằng tiếng Việt:

- Ăn Khoa ơi, ăn Khoa? Sao ăn đi nhãn thế!

- Ôi, ăn biết không, huống qua, em ăn cá, hóc, chữa mãi không khỏi. Cô Blaga lo lắm. Cô ấy gọi bác sĩ. Em phải nuốt bao nhiêu đồ đặc mới xong đây...

- Đồ đặc à?

Tôi kinh ngạc hỏi. Hoàng Thu Hà xoè cả hai bàn tay ra giải thích:

- Vâng! Chuôi, táo, cả khoai tây nữa, ăn Khoa ạ.

- Thế thì không phải đồ đặc rồi.

Nhà phê bình Hà Minh Đức giải thích. - Đồ đặc là bàn, ghế, tủ đèn, phích nước, tủ lạnh.

- Ôi! - Hà kêu lên đầy vẻ sợ hãi. - Thế thì em không nuốt đồ đặc đâu!

Năm 1995, kỷ niệm 50 năm ngày thành lập nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Blaga Dimitrova sang Việt Nam lần thứ sáu. Lần này, bà là khách mời của Chính phủ ta. Trước khi về nước, bà có cuộc tiếp xúc với anh em văn nghệ sĩ và trí thức Việt Nam tại

phòng khách Đại sứ quán Bungari. Hầu hết là những người đã từng công tác ở Bungari, học ở Bungari, hoặc là những người có quen biết thân thiết với bà. Bà gọi đó là cuộc gặp gỡ của những người ruột thịt. Bà nói chuyện với Hà Minh Đức bằng tiếng Pháp, nói chuyện với Vũ Hương, phó giám đốc Nhạc viện Hà Nội bằng tiếng Bun, còn với tôi và tiến sĩ viện trưởng Phan Hồng Giang thì bà nói bằng tiếng Nga. Tôi hỏi bà về văn học Bungari, đất nước Bungari. Rồi tôi hỏi cảm giác của bà khi đặt chân lên đất nước Việt Nam lần thứ 6.

- Tôi không ngờ Việt Nam đổi mới nhanh đến thế. Quả là không thể tưởng tượng được. Một Việt Nam hoàn toàn khác. Các bạn đã tìm ra được một lối đi rất thích hợp với mình. Trong khi đất nước chúng tôi còn rất nhiều khó khăn, vất vả...

- Nhưng đội bóng Bungari thì tuyệt vời. - Tiến sĩ Phan Hồng Giang chen vào.

- Vâng, đúng! Bóng đá thì tuyệt. Ở Bungari, người ta đổi mới cái chân nhanh hơn cái đầu... Blaga khẽ nhún vai. Rồi giọng bà bỗng trầm hẳn xuống:

- Chỉ tiếc lần này, tôi không còn được gặp Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Tuân, những người mà tôi rất đỗi quý trọng, nhưng họ vẫn đang hiện diện ở đây. - Rồi bà quay sang Hà Minh Đức:

- Trần Đăng Khoa dạo này ở đâu?

Hà Minh Đức vội chỉ sang tôi. Tôi cười:

- Cháu vừa nói chuyện với cô đó thôi. Vậy mà cô không còn nhận ra cháu nữa. Như thế nghĩa là cô vẫn trẻ như ngày xưa, còn cháu thì già mất rồi....

- Không! Nhà thơ bao giờ cũng mang khuôn mặt trẻ thơ. Cháu cũng có khuôn mặt như thế đấy

Rồi tôi hỏi bà về Hoàng Thu Hà.

- Nó đi suốt ngày. Có khi đến hàng tháng, cô chẳng nhìn thấy nó. Nó chỉ đến với cô khi cô đau ốm thôi. Mà cô thì rất buồn vì càng ngày lại càng khoẻ ra. Lần này về Việt Nam, cô có vé máy bay của Chính phủ Việt Nam, cô mua thêm vé cho Hà, nhưng Hà không về, nó bảo ở Việt Nam mùa này nóng lắm. Nó hiện đang biểu diễn ở Na

Uy.

- Hà lấy chồng chưa, cô?

- Chưa. Cô giục nó mấy lần mà nó vẫn chẳng chịu lấy. Bọn trẻ chúng mày bây giờ lạ thật, chẳng còn hiểu ra làm sao nữa.

## II

Và bây giờ thì Hoàng Thu Hà, cô con gái nuôi của bà Blaga Dimitrôva đang ngồi trước mặt tôi. Một cô gái nhỏ nhắn, thanh mảnh. Trông cô như nữ sinh Sài Gòn. Giọng nói cũng là giọng nói của người Sài Gòn pha tạp. Chỉ nước da trắng nõn khiến ta còn nhận ra cô là người ở châu Âu. Cô về Việt Nam đã mấy tuần nay. Tôi nhận được điện của anh Tân, người của Bộ Ngoại giao, hiện là phiên dịch ở Đại sứ quán Bungari. Anh Tân nhắn tôi là Hoàng Thu Hà muốn gặp. Tôi đã hẹn anh ngày cụ thể. Nhưng rồi đến đúng ngày hẹn thì anh Tân lại chẳng thấy Hà đâu. Có lẽ cô ấy về thăm gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh hoặc đi tỉnh khác rồi!

Thực ra, Hà chẳng đi đâu cả. Cô nghỉ nhờ tại nhà một người bạn đã từng học ở Xôphía, cũng tên là Hà, ở quán cà-phê Trung, ngay sát nhà Xuân Diệu xưa. Hà cười, vẻ như là phân bua: Em muốn gặp bạn bè người Việt, nên nghỉ luôn ở đây cho tiện. Mặc dù Đại sứ quán Bungari cũng có bố trí cho em một phòng rất đàng hoàng. Nhưng ở đó, bạn bè em ra vào không tiện, mà phiền cho họ quá, nên em ở luôn đây thôi...

- Hà vẫn chưa lấy chồng ư?

- Anh hỏi gì mà kỳ vậy? - Hà nhún vai - Em sống thế này quen rồi. Sống một mình bao giờ cũng thoải mái. Sống với người khác rất khó chịu. Anh lấy vợ đi rồi anh sẽ thấy, khó chịu lắm...

- Về Việt Nam lần này, Hà thấy sao? - Tôi hỏi.

Hà cười:

- Tuyệt. Em đã đi đến nửa vòng trái đất rồi, đã sống ở rất nhiều

nước, nhưng em không thấy đâu hay hơn Việt Nam cả. Ở Việt Nam, các món ăn rất ngon. Ngon mà lại rẻ. Người Việt Nam tuyệt vời. Tất nhiên cô Blaga cũng rất tuyệt vời. Cô ấy tốt lắm. Tốt vô cùng.

Tôi chợt nhớ lần qua Bungari cách đây đã trên hai mươi năm, vào những ngày cuối cùng, trước khi rời Bungari, tôi mới gặp được bà Blaga Dimitrôva. Lúc ấy, như tất cả các nhà văn Bungari, bà không có lương, chỉ sống bằng nhuận bút. Gặp tôi và Hà Minh Đức, bà ấn vào tay mỗi người 200 lê va, bằng cả số tiền Hội Nhà văn Bungari cho để ăn trong vòng một tháng. Tôi và Hà Minh Đức kiên quyết từ chối, nhưng không chối nổi. Bà bảo: Vải Bungari rất tốt, nên mua về cho gia đình, mua cả xà-phòng nữa. Ở Việt Nam bây giờ xà-phòng hiếm lắm. Ngoài chợ đen, người ta còn pha cả tạp chất vào nữa, không giặt được đâu, chịu khó mang nhiều xà-phòng về. Lúc bấy giờ, Blaga Dimitrôva vừa in tập thơ mới. Tập Những bức tường. Đây là tập thơ bà rất tâm đắc. Tôi muốn mang về giới thiệu ở Việt Nam. Bà bảo: Cháu cho cô địa chỉ, cô sẽ gửi qua bưu điện cho. Mang theo người không nên, cháu sẽ mất một bánh xà-phòng đấy. Va-ly chỉ được 20 kg thôi. Rồi bà kiên quyết không trao tôi tập thơ, mà chỉ gửi qua đường bưu điện. Blaga Dimitrôva đúng là một phụ nữ. Hiểu người Việt và thương người Việt như bà, có lẽ chẳng ai như thế đâu. Trước khi rời nước Bun, tôi lại có nhuận bút thơ. Dùng một cái có đến hàng đồng tiền mà chẳng biết mua gì. Tôi quyết định thay mặt đoàn nhà văn Việt Nam mời gia đình bà một bữa cơm thịnh soạn. Bà Blaga đưa tôi vào một quán ăn trên đỉnh núi Vitôsa. Đó là một cái quán nhỏ dựng bằng gỗ sồi nằm chìm trong cây lá. Ngồi trong quán, qua những tấm cửa kính, có thể nhìn thấy những chú nai rừng đi lững những bên triền núi. Dưới kia sau màn sương mờ huyền ảo như khói là toàn cảnh thành phố Xôphia. Ngọn tháp truyền hình và những khu nhà cao tầng trông nhỏ xíu như đồ chơi con trẻ.

Tôi với tờ thực đơn, chọn món ăn. Vì không biết tiếng Bun, nên tôi chỉ nhìn vào những con số. Cứ món nào đắt, số to là tôi lấy bút bi chọc vào. Bàn ăn bày la liệt toàn những món hảo hạng. Rồi rượu Whisky, rượu Napôlêông. Rồi hoa quả. Rồi đồ tráng miệng. Tôi áng chừng khoảng 400 lê va. Bà Blaga tủm tỉm: Đúng là cách ăn của người nghèo. Bữa tiệc tàn, tôi ra quầy thanh toán, và rất kinh ngạc

khi ông chủ hiệu chỉ lấy có 5 lê va, bằng giá tiền của một cốc Whisky. Đây là quán ăn dành cho người nghèo, chỉ những người nghèo mới đến ăn ở đây! Đồ ăn ở đây rẻ hơn nhiều lần so với những nơi khác. - Bà Blaga giải thích. Tôi hỏi Hà, Hà bảo: Cô Blaga nói đúng đấy. Ở quán ăn này, món nào người ta cũng giảm giá.

Tôi đem chuyện đó kể ở Đại sứ quán ta tại Bungari. Ông tham tán văn hoá phì cười: 'Trời ơi, thế là anh bị bà Blaga lừa rồi. Đó là quán ăn cổ có trên ba trăm năm. Quán đó đắt lắm đấy. Bà ấy đã trả tiền trước rồi, anh chỉ trả tượng trưng tiền một ly rượu thôi!

Tôi vô cùng ân hận. Hoá ra mình lại trút lên vai bà Blaga một gánh nặng nữa. Bà chỉ sống bằng nhuận bút, có lương đâu. Ở nước Bungari, cũng như rất nhiều nước khác, nhà văn không có lương. Bởi thế, chỉ những người thực sự có tài văn mới trụ được ở nghề văn. Còn những anh làng nhàng, sẽ không thể sống nổi, phải chuyển sang nghề khác.

- Anh ân hận quá, Hà ạ. - Sau hơn hai mươi năm, tôi mới nói được với Hà. - Hồi ấy, anh làm khổ cô Blaga quá. Anh không hề biết gì cả, vì quá tin em, cứ tưởng em đứng về phía anh cơ...

- Tất nhiên em bao giờ cũng đứng về phía anh, phía người nghèo, nhưng em cũng đứng về phía cô Blaga nữa. Cô ấy muốn như thế mà...

- Bây giờ cô Blaga thế nào?

- Cô ấy yếu lắm. Hơn tám mươi tuổi rồi. Đau ốm luôn. Hồi làm Phó tổng thống, cô ấy cứ đòi từ chức. Cô ấy bảo: Nhân dân yêu mình, tin mình, bầu mình lên, chứ mình có phải là Phó tổng thống đâu. Người ta yêu cô Blaga lắm. Bao nhiêu người chuyển tiền cho cô để cô làm từ thiện, cứu những người nghèo khổ. Em phải giúp cô ấy nhận, vào sổ sách, làm giấy tờ. Cô Blaga còn sẻ vào đó một nửa lương mỗi tháng để giúp đỡ, cứu trợ người nghèo. Đó là cái hồi cô ấy làm Phó tổng thống...

- Thế còn bây giờ? Bây giờ cô ấy có lương không, hay vẫn chỉ sống bằng nhuận bút?

- Cô ấy có lương. Lương Phó tổng thống về hưu...

- Khoảng bao nhiêu?
- Đổi ra ngoại tệ thì trị giá hơn 40 đô-la
- Thế thì sống làm sao được?

- Sống được đấy. - Hoàng Thu Hà nhìn tôi rất nghiêm trang. - Với cô Blaga thì chỉ cần chút bánh mì với nước lã là đã hạnh phúc rồi. Cô ấy đã sống như thế và dạy em sống như thế. Cô ấy là thi sĩ, là người ở trên giới. Mà người giới thì chỉ cần như thế là sống được thôi...

## NGƯỜI CẮM CỜ TRÊN DINH ĐỘC LẬP

Có lẽ trong chúng ta, ai cũng biết anh đại đội trưởng xe tăng Bùi Quang Thận, người đã cắm lá cờ trận mạc trên nóc Dinh Độc Lập buổi trưa ngày 30-4- 1975. Nhưng xung quanh việc cắm cờ này, còn có khối điều thú vị mà không phải ai cũng có thể biết hết. Chính Bùi Quang Thận cũng không thể ngờ được mình đã làm nên kỳ tích lịch sử chỉ bằng có... hai bàn tay không.

Câu chuyện bắt đầu từ lúc 8 giờ sáng ngày 30 tháng 4. Khi đó, trận đánh đã diễn ra căng thẳng và khốc liệt. Lữ đoàn trưởng Nguyễn Tất Tài lệnh cho đại đội 4 ở phía sau vượt lên, chiếm đầu cầu, rồi chớp thời cơ, chọc thẳng vào mạng sườn địch. Bị cú đánh bất ngờ, địch thoáng chững lại. Đội hình chúng có phần nhốn nháo. Xe tăng ta tiến đến đầu cầu Thị Nghè thì bất ngờ mấy chiếc tăng địch chẳng biết ở đâu lù lù hiện ra. Hình như chúng muốn chặn ta ở ngay trên cầu. Đại đội trưởng Lê Tiến Hùng, chỉ huy chiếc xe tăng thứ hai bị thương, bắt buộc phải dừng lại. Tình thế khá nguy cấp Bùi Quang Thận tức tốc cho xe 843 vượt lên, bắn cháy liền một lúc cả hai xe M.41 và M.113 của địch. Trong xe anh chỉ còn duy nhất 2 viên đạn. Sau này, anh mới biết hai viên đạn thôi. Thực tình, lúc đó, chiếc xe đã hết đạn mà chặng đường còn rất xa, phải vượt qua bao tuyến phòng thủ kiên cố dày đặc của địch mới đến được Dinh Độc Lập. Vừa qua khỏi cầu Thị Nghè, anh lại đụng phải 3 chiếc xe tăng địch xông ra đánh chặn. May sao, Vũ Đăng Toàn, chính trị viên đại đội 4, ngồi trên chiếc tăng 390 đã chỉ huy bắn cháy luôn cả 3 chiếc tăng ấy. Đạn trong xe địch nổ toang toác. Không gian sặc sụa và tanh khét mùi thép cháy. Bọn địch ngồi lố nhố trên mấy chiếc xe bọc thép gần đây, thấy thế hoảng hốt nhảy khỏi xe, bỏ chạy tán loạn. Tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch hoàn toàn tan vỡ. Được sự giúp đỡ chỉ dẫn của nhân dân và biệt động thành, lữ đoàn tăng 203 đã chia làm 2 mũi, hướng theo đường Hồng Thập Tự tốc thẳng vào Dinh Độc Lập. Lúc 10 giờ 15 phút, chiếc xe tăng 843 của Bùi Quang Thận dẫn đầu đã vượt qua các ổ đề kháng, vượt qua khu



Nhà Xanh, vượt qua cả những họng súng đang ngơ ngác của địch, lừng lững tiến thẳng vào cửa Dinh Độc Lập. Khi thấy toà nhà trắng loá hiện ra trước cửa xe, Bùi Quang Thận cho lắp một viên đạn nã thẳng vào Dinh để thị uy. Đạn thôi, không nổ. Anh cho nạp viên cuối cùng. Cũng lại không nổ. Hú vía cho cái Dinh Thống Nhất bây giờ đã thoát được hai viên đạn của anh. Một chiếc tăng của ta đã húc thẳng vào cánh cổng Dinh Độc Lập. Bùi Quang Thận cho xe lùi ra, húc tiếp vào cánh cổng bên trái của Dinh. Đó là đòn tấn công cuối cùng của chiếc tăng không còn vũ khí. Cũng thật may cho Bùi Quang Thận và đồng đội anh, một người vô danh nào đó trong Dinh đã kịp cắt cầu dao hàng rào điện tử, nếu không, chỉ chạm vào cổng sắt là chiếc tăng của anh và đồng đội anh sẽ bị nổ tung. Phải đến cú húc thứ ba cánh cổng mới chịu đổ sập. Bùi Quang Thận cho xe tốc thẳng vào sân dinh. Trước mặt anh, lơ nhơ những xe tăng, xe bọc thép tuyến phòng ngự cuối cùng của địch bảo vệ Dinh với bao nhiêu súng ống đạn dược tối tân, còn anh, chỉ có hai tay trắng và chiếc xe tăng lỏng lẻo vỏ đạn. Bùi Quang Thận giật phất lá cờ trận mạc cắm trên xe tăng, quay lại bảo lái xe Lữ Văn Hoá, pháo thủ Thái Bá Minh:

- Các cậu ở lại, mình vào Dinh nhé. Nếu không thấy mình quay ra, cũng không thấy lá cờ này nhô lên, thì tức là mình đã chết ở trong Dinh rồi! Thế rồi, với hai bàn tay trắng, chỉ có lá cờ trận mạc ố xuộm khói đạn làm vũ khí, Bùi Quang Thận xông thẳng vào sào huyệt cuối cùng của kẻ thù. Qua bậc tam cấp, anh bị đánh bật trở lại. Hàng rào đặc biệt chống đỡ chăng? Bùi Quang Thận ngỡ ngàng một chút, rồi chợt nhận ra đó chỉ là bức tường kính trong suốt mà thoát đầu anh không nhìn thấy, cũng chẳng biết nó là cái gì.

- Cửa ở đây mà, ông!

Một người đàn ông áo cộc tay trắng chỉ cửa cho Bùi Quang Thận. Trong nhà mát rượi như giữa hang đá. Toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn cũ đã có mặt đông đủ. Họ ngồi, đứng nhấp nhò quanh bàn. Trông ai cũng rất lịch sự. áo cộc tay trắng. Tóc chải mượt. Mùi nước hoa thoang thoảng khắp phòng. Họ ngỡ ngàng nhìn người đại diện đầu tiên của Quân giải phóng, một người lính gầy gò, gương mặt đen đúa, hốc hác vì đói ăn và thiếu ngủ.



- Ông nào là Dương Văn Minh?- Bùi Quang Thận quát hỏi. - Cho tôi gặp ngay Dương Văn Minh!

- Dạ thưa, ngài gặp Tổng thống có việc gì ạ?

- Để ông ấy dẫn tôi đi cắm cờ.

- Dạ... dạ, cái việc ấy thì ông này làm được. Chỉ có ông ấy mới biết chỗ...

- Một gã béo trắng, da dẻ mỡ màng, áo cộc tay trắng, chỉ vào một người đàn ông cũng mặc áo cộc tay trắng, nhưng gầy mảnh hơn, đứng ngay bên cạnh tôi. - Bùi Quang Thận tiếp tục câu chuyện: - Mãi sau này, khi đọc những trang sử quân đội nói về buổi trưa hôm ấy, tôi mới biết đó là đại tá Vũ Quang Chiêm, chánh văn phòng Phủ Tổng thống. Ông ta lập cập đưa tôi qua một hành lang, rồi vào hút sâu mãi phía trong, qua một gian nhà nữa cũng mát như hang đá. Rồi ông ta chọc một ngón tay vào tường. Bức tường tự nhiên nứt ra thành một cái phòng bé toén hoén như cái toa-lét, ba phía đều là tường. Ông ta bước vào, còn tôi thì ngần ngừ, bước vào, rồi lại quay ra ngay lập tức. Tôi nghi quá. Mình đi cắm cờ, chứ có đi toa-let đâu! Hẳn định giở cái trò khỉ gì thế này? Rõ là đồ quỷ thuật. Dạ thưa, ông vào. Đây là cái thang máy. Tôi đưa ông đi cắm cờ mà. Gã nói lấp bắp, có vẻ như là thành thật. Nhưng tôi vẫn phải cảnh giác. Bởi tôi không có vũ khí trong tay. Tôi bắt gã úp mặt vào tường, rồi mới bước vào. Gã lại đưa tay lên, chọc vào một cái nút ở trên tường kiểu như là điểm hoa. Tôi chộp ngay tay hắn. Chỉ chút nữa thì tôi cho gã một quả phật thủ. Không! Không, tôi ấn nút thang máy mà!. Gã kêu lên thảm thiết. Cánh cửa lập tức sập lại ngay sau lưng tôi. Bây giờ thì bốn phía đều là tường. Thật chẳng còn hiểu ra làm sao cả. Lên tầng thượng, hắn dẫn tôi đến cột cờ.

Hoá ra cờ mình bé quá. Nó là cờ hiệu cắm trên nóc xe tăng. Trong không gian, ở trên đỉnh cái Dinh lồng lộng nắng gió này, nó chỉ như cái mắt muỗi. Còn cờ địch to lắm, rộng đến mấy chục mét chứ chẳng ít, lại chẳng buộc rất kỳ công bằng các nút dây thép, chừng hai mươi phân một nút. Tôi gỡ mãi mới được hai nút. Nhìn xuống dưới sân Dinh, xe tăng và quân ta bắt đầu tiến vào. Thế là tôi xé luôn lá cờ ấy, thay lá cờ của ta rồi kéo lên. Lúc bấy giờ là 11giờ 30 phút.

## II

Đấy, anh Thận của chúng ta như thế đấy. Đường như anh ấy không chú ý, cũng không có ý thức về vai trò lịch sử của mình. - Trung tá Nguyễn Huy Thông, trung đoàn trưởng trung đoàn 203 mà tiên thân là Lữ đoàn 203 bình luận: - Thực mình, chúng ta đã chuẩn bị rất kỹ cho việc cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập này. Đơn vị được chọn làm công việc cuối cùng của cuộc kháng chiến cứu nước ấy là một Đơn vị Anh hùng. Người được chọn cắm cờ cũng là người có đầy những kỳ tích, cũng như người bay vào vũ trụ sau này phải là anh hùng Phạm Tuân, người đã bắn cháy B52, và cái máy bay Mỹ thứ 4.000 cũng phải rơi ngay trên đất tổ 4.000 năm lịch sử của Vua Hùng. Nhưng rồi chiếc xe tăng chở lá cờ lớn được chuẩn bị rất kỹ ấy lại đi lạc, rồi lại phải đánh nhau rất dữ dội ở mãi ngoài Dinh. Và rồi Giới đã thay người cắm cờ ấy bằng anh lính nông dân Thái Bình Bùi Quang Thận. Mọi việc anh Thận làm đều rất giản dị. Khi dứt lá cờ nguy, thoát đầu anh định ném xuống sân. Nhưng nhìn lại, thấy vứt đi phí quá. Cái cờ chẳng ra quái gì, nhưng vải rất tốt, dày đến mức có thể làm chắn đập được. Thế là anh cuộn lại, định bụng mang về quê, dùng để lót ổ thay cho rơm rạ hay lá tre khô. Sau này lịch sử cần biết đích xác người cắm cờ. Lúc ấy mới hay là có quá nhiều người cắm cờ. Sự thật thì họ đều cắm cờ cả. Nhưng cắm ở tiền sảnh, ở góc nhà, ở rất nhiều nơi xung quanh Dinh Độc Lập và ở ngay cả chính Dinh Độc Lập. Nhưng ai là người cắm lá cờ trận mạc, lá cờ Quyết chiến quyết thắng trên nóc Dinh kia. Thì tôi cắm đấy mà. - Bùi Quang Thận trả lời thật giản dị. Vậy thì bằng chứng đâu? Phải có gì làm bằng chứng chứ. Lịch sử vốn cần chính xác và cụ thể. Ai bắt Dương Văn Minh? Ai thảo thư đầu hàng cho Tổng thống nguy? Sau này cũng phải xác định mãi. Có đến cả mấy cuộc hội thảo khoa học rồi mà vẫn chưa kết luận được đích xác sự việc ấy. Bùi Quang Thận chợt nhớ đến cái lá cờ của địch mà anh cuộn lại, định mang về quê Thái Bình trải ổ. Người ta khớp vết xé với những nút sắt buộc trên cột cờ mới nhận ra anh. Còn anh thì cười hiền lành: ối dào, có gì đâu. Tôi chẳng nghĩ gì khi làm điều đó. Đấy là một việc rất đổi bình thường của một người lính trận. Anh nào trong hoàn cảnh ấy cũng sẽ làm như tôi. Đơn giản thế thôi. Có gì mà các bố cứ lằng nhằng rắc rối cho nó hoá to chuyện?.

## KỂ TIẾP CHUYỆN LÃO CHỘP

Chuyện lão Chộp, một ông thợ cày làng An Đoài đã bắt sống viên phi công Mỹ Pete Peterson thì cả thế giới đều đã biết rồi. Tất nhiên, thiên hạ cũng chỉ mới biết tường tận chuyện đó trong vài năm trở lại đây thôi. Còn khi sự kiện ấy đang thực sự diễn ra thì lại không có mấy ai biết. Bởi khi đó đang chiến tranh. Bom đạn mù mịt. Nói như câu nói của miệng của dân mình lúc ấy thì giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh. Cả nước thành mặt trận. Cụ già bắn rơi máy bay. Trẻ con cũng thành dũng sĩ. Chỉ bước chân ra ngõ đã gặp anh hùng. Nhìn đâu cũng thấy anh hùng cả. Bởi vậy, việc lão Chộp bắt giặc lái Mỹ trở thành chuyện bình thường. Bình thường nên chẳng có ai để ý đến nữa. Chính lão Chộp cũng đã quên khuấy chuyện đó. Mà quên từ lâu rồi. Chỉ đến khi viên phi công ấy, ngài thượng nghị sĩ Mỹ Pete Peterson trở lại Việt Nam làm đại sứ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ thì câu chuyện cũ lại bùng lên thành một sự kiện nóng hổi. Bao nhiêu phóng viên thông tấn báo chí trong nước và thế giới lần về làng An Đoài tìm gặp lão Chộp. Rồi chính Đại sứ Pete Peterson khi vừa đặt chân tới Hà Nội cũng đã đến thăm lão Chộp, thăm lại làng An Đoài. Và nói như lời ngài thì đó là mảnh đất mà ngài có nhiều kỷ niệm sâu sắc. Pete Peterson rất mừng khi lão Chộp vẫn còn sống. Cứ như lời ngài đại sứ thì cuộc chiến tranh đã qua quả là một quá khứ u buồn. Con người ta chẳng ai có thể thay đổi được quá khứ, nhưng hoàn toàn có thể thay đổi được tương lai. Ngài muốn cùng lão Chộp hướng về tương lai. Rồi ngài bảo lão Chộp: Lần trước, để tới được An Đoài, tôi phải nhảy dù. Còn bây giờ thì tôi có thể đến thẳng An Đoài bằng xe ô-tô. Lão Chộp cũng mời ngài, nếu có thời gian rảnh rỗi thì ngài cứ đến lão chơi. Tất nhiên nếu ngài có về An Đoài thì xin ngài cứ đi bằng xe ô-tô cho đàng hoàng, chứ đừng có nhảy dù như mấy chục năm trước. Còn nếu ngài vẫn cứ nhảy dù thì lão Chộp lại đành phải chộp ngài thôi. Tất nhiên, đó là điều bất đắc dĩ mà lão Chộp hoàn toàn không muốn như thế. Và rồi cũng từ đó, lần nào tôi về quê, lão Chộp cũng tới hỏi

thăm sức khoẻ đại sứ Mỹ mà lão vẫn quen miệng gọi là ông Bu Sơn. Lão làm cứ như tôi có thể gặp đại sứ Mỹ dễ dàng lắm. Có lần lão còn nhờ tôi chuyển đến ngài đại sứ chút quà quê. Đó là nải chuối tiêu với chục trứng gà. Đối với người thôn quê, thì đó là quà quý. Người ta vẫn thường dùng món quà ấy thăm người ốm hay đàn bà đẻ. Chỉ tiếc tôi không sao chuyển được giúp lão món quà đó. Điều ấy lại làm lão rất ngạc nhiên:

- Thế ra gặp ông Bu Sơn mà khó đến thế kia à? Tôi tưởng bác cùng ở Hà Nội với ông ấy. Người cùng làng với nhau thì gặp nhau lúc nào chẳng được.

Tôi đã viết một thiên phóng sự kể khá kỹ về cuộc gặp gỡ giữa lão Chộp và ngài đại sứ Mỹ, rồi đưa chuyện lão vào cuốn Chân dung và đối thoại. Có người tưởng tôi làm thế chỉ để cho cuốn sách thêm dày. Có người trách tôi sao lại để lão Chộp ngồi chồm chồm trong cái chiếu dành riêng cho các nhà văn. Thực ra, tôi nghĩ mình không nhầm. Tôi trịnh trọng mời lão ngồi chung chiếu với các nhà văn vì lão là một nhà thơ dân gian. Nhưng trong cuốn sách, tôi chẳng nói chút gì về thơ lão mà chỉ bàn đến chuyện đánh giặc của lão thôi. Tài đánh giặc của lão Chộp đã nổi tiếng khắp nước. Còn thơ ca của lão Chộp thì chỉ nổi tiếng trong làng An Đoài Cánh thợ cày thuộc thơ lão vanh vách. Họ bảo: Chúng tôi chỉ thấy mỗi thơ ông Chộp là hay. Cứ làm theo thơ ông Chộp là chúng tôi có tiền. Còn thơ các bác, nói khi vô phép, không thể nào... sức được.

Lão Chộp có đến hàng trăm bài thơ, mà toàn thơ nói về cách làm ăn ở ruộng đồng, vườn tược:

*Bà con toàn thể xã ta*

*Đồng tâm phấn khởi giống cà dái dê*

*Dái dê to mập dài ghê*

*Sang năm ta cứ dái dê ta giống...*

Lão Chộp có vẻ khoái những bài thơ như thế này lắm. Đường như đối với lão, chỉ có thơ ca mới có ý nghĩa, chứ còn chuyện đánh giặc chỉ là chuyện nhất thời. Lão gói tập thơ cẩn thận, vuông vức như một cái bánh chưng. Thế rồi vào một ngày cuối năm, lão đột ngột mang cái bánh chưng thơ ấy đến nhà tôi, gọi là để nhờ bác nếm

giúp, nếu thấy nhạt thì bác cứ thêm giấm ớt vào cho nó đậm đà.

Đây là lần đầu tiên lão Chộp lên Hà Nội. Lão gọi là chuyến đi đổi gà. Cô cháu gái của lão lấy chồng bên Gia Lâm, giờ làm nghề bán vải, đã bỏ ra cả một buổi chợ để đưa lão đi chơi, thăm danh lam thắng cảnh. Nhưng chỉ đi được một lúc lão đã thấy chán, vì Hà Nội chỗ nào trông cũng giống chỗ nào. Không ngờ thủ đô lại chật chội và ồn ào quá. Người chen người. Nhà chen nhà. Nhìn khắp mọi xó xỉnh, chẳng thấy hở ra một chút đất nào. Thế thì trồng cà dái dê vào đâu? Lão Chộp thấy chán quá. Chưa hết buổi sáng đã chả còn chỗ nào nữa mà đi. Mãi đến lúc ấy, lão Chộp mới chợt nhớ đến một người quen nữa là ngài đại sứ Mỹ, mà lão luôn coi ngài như một thằng em. Vì thực tình thì ngài kém lão đến ngót một con giáp. Hôm chia tay lão ở làng An Đoài, chính ngài cũng có nhã ý mời lão nếu có dịp nào về Hà Nội thì đến ngài chơi. Ủ, thế thì lão đến chơi. Đến xem thằng em sống thế nào.

Lão Chộp nhờ cô cháu gái đèo đến cửa Đại sứ quán Mỹ. Rồi lão quay lại bảo cháu:

- Thôi, mày về mà đi chợ đi. Tao vào uống rượu với Bu Sơn. Lúc nào cần thì tao bảo nó đưa về. Cháu không phải đón đâu.

Thế rồi lão đến thẳng toà nhà mà cô cháu gái bảo đó là Đại sứ quán Mỹ. Lão rất ngạc nhiên khi đến toà nhà của Mỹ, lão lại gặp người Việt. Một anh gác cổng người Việt ngăn lão lại:

- Cụ già đi đâu mà vào đây?

- Tôi đến thăm ông Bu Sơn. Đây có phải là Đại sứ quán Mỹ không?

- Vâng. Đây là Đại sứ quán Mỹ!

- Thế thì đúng rồi! - Lão Chộp cười. - May quá, tôi lại cứ tưởng là mình nhầm nhà. Chú cho tôi gặp ông Bu Sơn!

- Ở đây không có ông Bu Sơn cụ ạ!

- Quái! Thế ra nó nói dối à? Mà làm sao lại có chuyện thế được...

Thấy lão Chộp có vẻ ngờ vực, anh gác cổng hỏi:

- Ông Bu Sơn là người Việt hay người Mỹ?

- Người Mỹ!

- Thế thì không có rồi. Ở đây chỉ có mỗi ông Peterson là đại sứ Mỹ, chứ không có ông Bu Sơn nào cả

- Đúng rồi, ông ấy là đại sứ Mỹ, nhưng ở làng, chúng tôi vẫn gọi là Bu Sơn...

- Thế cụ có giấy tờ gì không?

- Tôi chẳng có giấy tờ gì cả. Mà làm sao lại cứ phải có giấy tờ. Tôi tưởng chỉ có xe máy, xích-lô mới phải có giấy đăng ký. Thế ra người cũng phải đăng ký à?

- Không phải giấy đăng ký mà là giấy thông hành. Cụ có chứng minh thư hay bất cứ một loại giấy tờ gì để đi đường không?

- Tôi chỉ là nông dân. Nông dân thì cần giấy tờ làm gì? Tôi chỉ có mỗi một cái giấy để ở đồng làng thì không thể mang theo được.

- Sao lại có giấy tờ nào để ở đồng làng?- Anh gác cổng bắt đầu ngờ vực. - Đầu óc cụ có làm sao không đấy?

- Tôi chẳng có làm sao cả. Ông Bu Sơn mời tôi đến chơi thì tôi đến chơi thôi. Ông ấy có bảo tôi mang theo giấy tờ đâu. Mà tôi cũng chỉ có mỗi cái giấy dài một mét sáu, sâu đến tận mét ba ở cánh đồng làng thôi. Loại giấy ấy thì đến bố tôi cũng chẳng thể nào vác theo được.

Nói rồi lão Chộp cười hô hố. Cái lưỡi đỏ nhờ nhờ của lão cứ đập đập vào lỗ răng thủng. Anh gác cổng cũng không còn giữ được vẻ nghiêm nghị:

- Thế cụ với ông Peterson là như thế nào?

- Nó là em tôi đấy!

- Là em cụ?- Anh gác cổng tròn trợn mắt - Xin cụ nhớ cho rằng ông Peterson là người Mỹ...

- Thì nó là người Mỹ chứ sao! Tôi nói thực, chú lại cứ không tin. Tôi là anh Bu Sơn thật mà. Chú tưởng tôi là gián điệp hử? Tôi là anh Bu Sơn. Chú cứ vào bảo Bu Sơn, có thằng anh, là lão Chộp ở làng An Đoài đến chơi. Nếu Bu Sơn đi vắng thì tôi về...



Nghe đến tên lão Chộp, anh gác cổng dường như đã nhận ra người nông dân năm xưa đã bắt viên phi công Mỹ. Không ngờ ông lão vẫn còn rất tráng kiện, vẫn đùa nghịch tinh quái như một gã trai làng. Anh mời ông lão ngồi đợi, rồi đi vào gặp thư ký đại sứ Mỹ.

Chỉ một loáng sau, anh đã quay ra:

- Ngài Peterson rất mừng khi cụ đến chơi. Chỉ tiếc cụ đến đột ngột quá, lại không báo trước, nên xin cụ vui lòng chờ. Hết giờ làm việc, ngài Peterson sẽ tiếp cơm cụ. Còn bây giờ con xin mời cụ vào phòng khách đặc biệt của đại sứ...

Một người Mỹ nói rất thạo tiếng Việt dẫn lão Chộp vào một căn phòng khách sang trọng. Trong phòng có xa-lông. Có máy điều hoà. Một dãy tủ kính bày la liệt những rượu đủ các loại hạng. Chưa bao giờ lão Chộp nhìn thấy nhiều chai rượu đẹp và sang trọng đến thế. Ở quê, lão chuyên uống mỗi một loại rượu, là rượu nếp nút lá chuối khô. Lão bảo một anh nhân viên người Mỹ:

- Chú có chai rượu ngon nào cho ta mua một chai?

- Thưa cụ, cụ thích loại rượu nào?

Anh nhân viên Mỹ hỏi lại lão Chộp bằng một giọng lơ lớ. Và điều ấy lại làm cho lão Chộp rất đổi ngạc nhiên.

- Ô, thế ra quê gốc chú ở Hà Tĩnh à?

- Không, tôi không phải người Hà Tĩnh. Tôi là người Hoa Kỳ. - Anh nhân viên Mỹ phân bua. - Tôi cũng đã hai lần qua quê cụ rồi. Quê cụ có bài hát Quê ta từ đất dấy lên(\*). Tôi thấy ở đấy dấy lên rất nhiều lò gạch tự tạo. Cụ thích loại rượu nào?

(\* ý nói bài hát của Đỗ Nhuận)

- Loại nào ngon nhất, đắt nhất, khoảng một triệu ấy. - Lão Chộp nói với đầy vẻ hãnh diện. - Chả nói giấu gì chú, sáng nay đi vội quá, ta chỉ kịp giật túi có hơn triệu bạc thôi. Chú cứ tìm cho ta chai rượu trên một triệu...

Lão Chộp nói vậy cho oai. Chứ thực tình, toàn bộ tài sản trong nhà lão, có đem bán hết thì cũng không thể kiếm nổi một triệu bạc. Lão Chộp bảo tôi:

- Thực ra, trong túi tôi lúc ấy chỉ có nhón một trăm ngàn đồng. Đó là tiền cô cháu gái đưa cho để ông về đi xe ô-m. Nhưng mình cứ phải nói cứng lên như thế, để cho bọn Mỹ nó sợ. Nó cần phải biết rằng, nông dân Việt Nam không có xoàng đâu nhé. Cũng ăn chơi trác táng lắm đấy. Mỹ chẳng là cái đình gì gì!

- Thế khi cụ thanh toán thì sao?

- Làm sao mà phải thanh toán? - ông Bu Sơn ông ấy trả cho hết. Tôi biết trước thế. Mà thế là phải. Mình là khách cơ mà. Chính ông ấy đã mời mình đến, chứ có phải kiên tha mình đến đâu. Có ai mời khách đến nhà ăn cỗ lại bắt khách trả tiền rượu bao giờ.

Nói rồi lão Chộp lại cười:

- Tôi cứ tưởng rượu Mỹ ngon thế nào. Hoá ra chả ra cái quái gì. Chai rượu mấy trăm đô mà đắng ngắt như cứt bọ lệt. Loại rượu ấy so với rượu ta sao được. Tôi đổ hết đi, chỉ giữ mỗi cái vỏ chai. Quả là thứ rượu ấy chỉ có mỗi cái vỏ là có giá trị.

- Tối hôm ấy, cụ gặp ông Peterson thế nào?

- Mãi tới tối mịt ông Bu Sơn mới đến. Còn suốt buổi chiều ấy, tôi ngủ một giấc đấy, bác ạ. Khi tỉnh dậy lại không mở được cửa. Chìa khoá chỉ trùng trục một cái cục sắt. Rõ thật khoá cũng chẳng ra khoá. Thế mà nó lại bảo là khoá từ. Khoá từ chỉ áp nhẹ là cửa tự mở. Nhưng tôi không biết, tôi ấn mạnh quá nên từ bị triệt. Thế là cánh cửa cứ ngậm tịt như tường nhà tù. Tôi nghĩ bụng, bỏ mẹ, không khéo nó diễn biến hoà bình mình rồi. Trước đây mình nhốt nó vào kho lúa. Bây giờ nó nhốt lại mình vào cái lô-cốt lạnh ngắt như l... ma. Tôi đập cửa rầm rầm, bác ạ. Chỉ tí tẹo nữa, thì tôi đập vỡ cái toà đại sứ Mỹ.

- Thế hôm ấy, cụ với ngài đại sứ Mỹ nói với nhau chuyện gì?

- Ông ấy lại hỏi thăm bà con An Đoài. Rồi tỏ ý rất tiếc là do bận công việc quá nên chưa trở lại thăm bà con được. Ông ấy tặng tôi nhiều ảnh lắm. Cả một quyển ảnh dày bịch in toàn hình ô-tô. Tôi ngờ không khéo bố này còn làm thêm nghề buôn ô-tô nữa bác ạ. Nhiều ô-tô lắm. Đủ các kiểu loại. Nhưng có lẽ biết tôi không có tiền mua ô-tô nên ông ấy lờ đi, chẳng nói gì đến ô-tô cả, vẫn chỉ muốn cùng tôi nhìn về tương lai. Tôi nghĩ bụng, cái bố này rõ thật buồn



cười. Già khú cả một lũ với nhau rồi thì còn tương lai cái khỉ gió gì nữa. Tương lai của tôi với ông ấy là cái lỗ dài mét sáu, sâu mét ba ở đồng làng ấy. Xuống đấy rồi thì còn nhìn thấy cái khỉ gió gì nữa. Tương lai là chuyện của các bác. Mà xem ra bác cũng hết thời rồi. Có chăng là trông chờ ở lớp con cháu bác thôi. Cầu mong cho chúng nó cứ đi làm đại sứ, cứ đi buôn ô-tô, hay cứ dong trâu ra đồng cày. Mệt thì nằm lăn ra bãi cỏ mà ngủ, chứ đừng có săn nhau, quật nhau ở trên đồng, cũng đừng nhốt nhau vào kho lúa như tôi với ông Bu Sơn ngày xưa. Chơi cái trò ấy chán lắm. Mà cũng không hay ho gì đâu, bác ạ!

## ÔNG CHỦ XE BỤI

Ông chủ xe bụi ấy là Lưu Xuân Tình, giám đốc Công ty Điện máy Gia Lâm. Công việc của anh là kinh doanh xe máy, mà chủ yếu là xe máy Trung Quốc. Nói như ngôn ngữ của anh thì đây là loại xe... bụi, cũng như cơm bụi, bia bụi. Đó là hàng hoá dành cho người nghèo.

Tôi còn nhớ cách đây chừng sáu, bảy năm gì đó, khi tôi từ nước Nga mới chân ướt chân ráo về đến Hà Nội, nhà văn Lê Lựu đã vỗ vai tôi: Này, mày rồi không, đi chơi với tao! Đi đâu? Thăm một nhân vật tiểu thuyết! - Thăm nhân vật tiểu thuyết? - Tôi ngạc nhiên. - Này, bố có say rượu không đấy? Cái thằng cù lần! Tao đâu có nát rượu. Thằng Trường trong tiểu thuyết Mở rừng, mày nhớ chứ. Nó chính là thằng Tình, Lưu Xuân Tình. Tao cứ tưởng nó vùi xác ở chiến trường rồi kia. Tết nào, tao cũng thăm thắp thêm một nén hương cho nó. Hoá ra nó vẫn sống. Bây giờ cu cậu làm giám đốc Công ty Điện máy ở ngay Gia Lâm thôi.

À thì ra thế. Lưu Xuân Trường là nhân vật trung tâm của tiểu thuyết Mở rừng. Cứ như trong tiểu thuyết thì Trường là đại đội trưởng lái xe dũng cảm. Trong một trận chiến đấu đẫm máu, anh mất hết giấy tờ. Nào ngờ giấy tờ ấy lại rơi vào tay địch. Thế là suốt gần một tháng trời, địch cứ ra rả đọc tên anh trong buổi phát thanh Nhịp cầu thương yêu. Ở làng anh, có ông thợ cắt tóc chuyên nghe trộm đài địch. Thế là tin tức được bung ra. Ai cũng đinh ninh rằng anh đã chết. Thì chính thằng địch đã nói thế. Nói cả tuổi tên, quê quán, con ông nào, bà nào, ở đội nào. Chết lúc nào. Chôn cất ở đâu. Địch nói cụ thể đến thế thì ai mà chẳng tin. Bà mẹ Trường ôm liệt giường, ôm đến rụng hết cả tóc. Bà cứ sụp xuống mà lạy cô con dâu tương lai, cầu xin cô hãy thương bà mà đi lấy chồng. Bà không thể chịu nổi nếu ngày nào cô cũng qua chăm sóc bà. Con gái sinh nở có thì. Nỡ lòng nào bà bắt nó chết già khi nó vẫn còn rất trẻ và đẹp. Cũng vì thương bà cụ khổ tâm bứt rứt như thế mà cô đành ra đi. Cô

lấy một anh chồng thương binh cũng do bà cụ dàn xếp. Khi hai người vừa có một đứa con với nhau thì Trường đột ngột trở về. Anh chồng sợ quá, bỏ trốn khỏi làng vì cứ nghĩ mình có tội, là đã vi phạm chính sách Hậu phương quân đội. Trường đã chủ động tìm gặp anh. Người chồng đau đớn xin được trao lại vợ cho anh. Hối ôi. Làm sao lại có chuyện thế được. Trường là một người lính. Thằng lính nào cầm súng ra đi cũng là để bảo vệ sự yên ấm cho mọi gia đình. Làm sao lại giành giật hạnh phúc của kẻ khác, nhất đó lại là người anh yêu mến, thương cảm. Lê Lưu viết chương này khá cảm động. Có thể xem như một màn kịch đặc sắc ở thời điểm ấy. Tôi hỏi Lưu Xuân Tình:

- Tất nhiên khi thành nhân vật tiểu thuyết, nghĩa là đã qua sự nhào nặn, hư cấu của nhà văn rồi thì nguyên mẫu không còn nguyên dạng nữa.

Vậy sự thật của câu chuyện còn lại bao nhiêu?

- Còn đến 99%. Tôi chẳng biết ông Lưu lần mò ở đâu ra chuyện của tôi. Thực tình, tôi chỉ gặp ông Lưu chừng mười phút ở Trường Sơn. Lúc bấy giờ đang mùa khô. Chúng tôi bắt đầu vào chiến dịch vận chuyển. Bận tít mù. Khi ấy, ông Lưu trẻ lắm. Tuổi có thể nhỉnh hơn tôi một chút, nhưng quân hàm lại thấp hơn tôi. Ông Lưu là phóng viên báo Trường Sơn. Còn tôi là đại đội trưởng đại đội vận tải thuộc đoàn 559. Chúng tôi gặp nhau loáng thoáng, nói vài câu bổ bã theo kiểu lính tráng. Tôi không tin ông Lưu viết được văn. Nhà văn phải thế nào kia chứ. Chí ít thì mặt mũi cũng phải sáng sủa. Đằng này ông ấy lại nhếch nhác, trông cũng chẳng hơn gì một thằng lính nhỏ dốt như mình...

- Ủ đúng là tớ chỉ gặp Lưu Xuân Tình có một ít phút trong hội nghị Chiến sĩ thi đua ở mặt trận. - Nhà văn Lê Lưu xác nhận. - Nhưng gặp là tớ mê ngay. Tình đúng là thằng lính chiến. Lúc ấy cu cậu mới là thiếu úy lái xe. Vậy mà lên diễn đàn hội nghị, cu cậu ta dám choang luôn ông trung tá cấp trên của mình là hữu khuynh, là nhát gan, chưa thấy bom đạn đã sợ vãi đái. Tình là một đại đội trưởng dũng cảm. Người ta đã định phong Anh hùng, nhưng thấy tính cu cậu cứ ngang càn bướng như thế nên lại thôi. Chuyện riêng của Tình, cả tuyến vận tải đều thuộc vanh vách. Tớ biết được chút

nào cũng là nghe cánh lính lái xe kể lại. Lúc bấy giờ, Tình như một nhân vật huyền thoại ở Trường Sơn.

Tôi hỏi giám đốc Lưu Xuân Tình:

- Vậy khi đọc truyện Lê Lợi, anh thấy sao?

- Tôi khóc, ông ạ. Lần nào đọc, tôi cũng khóc. Chuyện thực của tôi thì tôi lại thấy bình thường. Trong chiến tranh, có đến hàng ngàn thằng lính có cảnh ngộ như tôi. Vậy mà khi vào văn thì nó lại thấm thía quá! Nó còn thật hơn cả sự thật. Bởi thế mà cảm động. Người yêu tôi bấy giờ tên là Cù Thị Lộc, quê ở Vĩnh Phúc. Cô là công nhân Nhà máy in Tiên Bộ. Đẹp gái lắm. Trắng trẻo. Cao. Các cô hoa hậu bây giờ không thể so được. Chuyện cô với tôi, đúng như ông Lợi viết. Chỉ khác một chút. Khi tôi đột ngột từ cõi chết trở về thì cô đang viết Thiếp mời. Ông Lợi dựng chuyện cô bế con ra đón tôi. Đây là ông Lợi bịa. Nhưng bịa thế hay hơn, dữ dội hơn. Còn những gì tiếp theo thì hoàn toàn là chuyện thật đúng như ông Lợi viết.

- Có thể công bố chuyện này cho bạn đọc biết được không?

- Xin ông cứ thoải mái. Vì chuyện thật như thế thì có gì đâu mà phải giấu giếm. Ông cứ viết thẳng tên người yêu tôi là Cù Thị Lộc, chứ đừng Cù Thị L. Viết tắt thế kinh lắm. Bà Lộc có đọc được thì tôi tin bà ấy cũng chẳng nở trách. Ai lại đi trách quá khứ vàng son thơ mộng của mình. Còn ông chồng bà ấy có biết thì cũng chỉ tự hào hơn về người vợ tuyệt vời của mình...

- Thế còn bà xã anh...

- Ô bà xã nhà tôi thì lại có một cái đức rất hay mà tôi vô cùng kính trọng. Đó là đức không bao giờ đọc sách báo. Thế nên các ông có viết đến mười cuốn tiểu thuyết về mọi trò yêu đương vụng trộm của tôi thì cũng coi như không viết gì cả...

Nói rồi, giám đốc Tình ười rất khoái chí. - Trông tôi bây giờ xeo xọ thế này, chứ hồi trẻ tôi rất đẹp giai. Nhiều cô mê lắm đấy...

Tôi lặng lẽ ngắm anh giám đốc đẹp giai Lưu Xuân Tình. Thật tuyệt. Một người hùng từng bôn ba trận mạc, lại trải qua nhiều nỗi đau đớn trong chiến tranh. Vậy mà lại cứ có gì tếu tếu. Trông anh

như bức tranh vui vẽ vôi của họa sĩ Nguyễn Nghiêm. Cặp mắt nhìn hơi lệch. Cái mũi lệch, cái miệng lệch, gương mặt cũng lệch nốt. Cả con người anh trông cứ xiêu xiêu như sắp đổ ụp xuống. Vậy mà không sức mạnh hắc ám nào có thể quật đổ được anh. Bao nhiêu bom đạn của giặc Mỹ xưa cũng không sao giết nổi anh, một con người lúc nào cũng chấp chới, chênh vênh như đi trên miệng vực.

Chiến tranh kết thúc, Lưu Xuân Tình chuyển sang làm kinh tế. Ấy là năm 1976. Anh xuất ngũ, xin về Công ty Điện máy, Bộ Nội thương. Thoạt tiên, anh làm quản lý xe. Sau, làm trưởng phòng Kho vận, giám đốc Xí nghiệp Vận tải, rồi giám đốc Xí nghiệp Sản xuất và kinh doanh hàng Điện máy. Công việc chính của anh là kinh doanh xe máy các loại. Nhưng chủ yếu là xe Trung Quốc. Bao gồm cả lắp ráp, tiêu thụ và bảo hành. Xí nghiệp tồn tại theo cơ chế bao cấp mà Bộ cho phép. Nghĩa là vẫn làm ăn như thời kỳ trước đổi mới. Xí nghiệp không hạch toán riêng, không có tài khoản riêng. Lương công nhân vẫn tồn tại theo ba mức như lương cán bộ nhà nước, có bồi dưỡng thêm chút ít nếu làm ngoài giờ. Để xí nghiệp tồn tại được, giám đốc - Lưu Xuân Tình cũng xoay đủ trò. Anh sản xuất thêm cả bia hơi. Cánh bọm nhậu ở thị trấn Gia Lâm vẫn quen gọi là bia Tình, cũng như phở Thìn, thịt chó Tú Béo. Bia Tình dường như không quảng cáo mà vẫn đắt hàng. Các quầy bia hơi quanh quanh đó vẫn tụ đến lấy. Có ngày anh xuất đến trên ba ngàn lít. Mùa lạnh ít người uống thì dẹp tiệm, quay ra bán hàng điện lạnh. Cứ thế, xí nghiệp xoay như chong chóng. Miễn là làm sao làm ra được đồng tiền.

- Ở cái thời công nghệ hiện đại mà các bố sản xuất lại cứ phải trông vào thời tiết, phụ thuộc vào thời tiết thì cũng lạ thật. Múa theo thời tiết khó không? Tôi hỏi giám đốc Lưu Xuân Tình.

Anh cười:

- Tất nhiên làm ăn thời nào mà chẳng khó. Nhưng giờ còn chưa sập thì chúng tôi vẫn tồn tại được. Có thời cao điểm như năm 1993, chúng tôi còn nộp ngân sách lên đến 16 tỷ đồng kia mà. Các ông lưu ý cho rằng, dân mình còn rất nghèo. Xe đạp, xe máy rẻ tiền vẫn là mặt hàng bán chạy nhất, vì nó hợp với túi tiền của người nghèo. Xe Trung Quốc rất rẻ. Trông lại bóng nhoáng, nhìn bên

ngoài, cũng oách chẳng kém xe Nhật, xe Thái. Thợ lành nghề cũng còn khó phân biệt. Bởi thế, chỉ cần ngót chục triệu là đã giải quyết xong được khâu oai. Cách mua xe của dân mình mỗi nơi mỗi khác. Dân Bắc bao giờ cũng thích chơi xe xịn. Cái xe như đồ trang sức. Người là nô lệ của xe. Không phải người cưỡi xe mà chính cái xe nó cưỡi người. Còn đối với dân miền Nam thì cái xe chỉ đơn thuần là phương tiện đi lại. Cứ rẻ là mua. Hồng đâu chữa đấy. Không chữa được nữa thì mua cái khác. Dân Bắc mình cũng lắm anh muốn chơi xe xịn, nhưng trong túi lại cóc đủ tiền. Thế là lại đành phải lụy đồ rẻ. Tình trạng này sẽ còn diễn ra khá lâu, nên chúng tôi vẫn tồn tại được dài dài. Tất nhiên, tôi rất muốn thoát ra khỏi bầu khí quyền bao cấp. Làm sao để xí nghiệp tồn tại độc lập, hạch toán độc lập. Nhưng vẫn chưa thực hiện được, vì còn búng nhùng vướng víu nhiều thứ quá.

Tôi rất tin người anh hùng chiến trận này. Chỉ tiếc đại bàng không có trời để bay, cứ đi luẩn quẩn trong sân thì cũng lệt bệt chẳng khác gì gà vịt. Bao nhiêu năm rồi mà xí nghiệp của Lưu Xuân Tình vẫn ngổn ngang như bãi đỗ xe. Phòng làm việc của ông giám đốc vẫn dã chiến như cái lán đại đội trưởng lái xe mặt trận. Chiếc bàn gỗ đã cũ. Chiếc quạt trần Trung Quốc cũng rất cũ. Căn phòng vẫn tênh toàng như hồi mười năm trước đây tôi ghé qua. Chỉ khác là bây giờ, bốn phía tường nhìn đâu cũng thấy rỗng. Những con rỗng xanh, rỗng đỏ trông như những con giun đất có tua, có mào vẽ trong những tấm gạch men trắng lớp.

- Bác có vẽ rất mê rỗng, đúng không?

- Đâu có. Đây là những tấm gạch men lát nền nhà ở trên Tổng công ty còn thừa. Vứt đi thì phí. Tôi bảo anh em tận dụng ốp lên tường làm tranh dân gian. Trông thế nhưng cũng vui mắt ra trò.

Tôi ngắm mấy bức tranh dân gian của giám đốc Tình. Lại nhớ đến những căn hầm của lính trận. Căn hầm nhỏ mà có rất nhiều hoạ báo. Không phải tranh rỗng phượng mà toàn là ảnh các cô gái. Cô xanh xanh, cô đỏ đỏ. Cô áo dài, cô áo tằm. Rồi câu chuyện làm ăn thế nào lại quay về thời chiến tranh.

- Ngày xưa, có bao giờ anh nghĩ là mình sẽ thoát chết, sẽ trở về nguyên vẹn sau cuộc chiến như thế này không?

- Không, không bao giờ đâu, ông Khoa ạ!

Lưu Xuân Tình lắc đầu quả quyết. Đối với anh, những người lính quả cảm thì khó mà thoát được cái chết. Nếu không chết trận này thì sẽ chết trận khác. Chiến tranh dài liên miên như thế, bom đạn mù mịt suốt ngày đêm như thế. Làm sao mà thoát được. Thời bấy giờ, chỉ nghĩ đến một giấc ngủ ngon cũng thành chuyện viễn vông rồi. Lưu Xuân Tình chỉ huy một đại đội xe luân sâu. Anh chở quân vào thành cổ Quảng Trị, rồi chở thương binh và liệt sĩ ra ngoài. Ngày nào, anh cũng chôn cất đồng đội. Có khi chôn từ tối đến sáng mà vẫn không hết người chết. Hôm nay mình chôn bạn, chẳng biết ngày mai ai sẽ chôn mình. Ở trong những túi bom như thế, sống ngày nào thì biết ngày ấy. Lưu Xuân Tình băng qua mưa bom như một con thoi, mà rồi vẫn chẳng sao cả. Có khi bom ném trúng đội hình xe anh vào đúng nơi anh chỉ huy mà anh vẫn không chết. Anh chỉ bị sức ép, còn thì không có mảnh bom nào sượt qua da. Nói như Lưu Xuân Tình thì anh là người có cái vía xung khác với bom. Cứ đánh hơi thấy anh là bom nó tránh.

- Chiến tranh có những chuyện rất lạ kỳ. Lạ kỳ đến không thể tin được. Nhưng đó lại là sự thật. Vậy kỷ niệm sâu sắc nhất của đời anh là gì? - Tôi hỏi.

Giám đốc Lưu Xuân Tình cười điềm đạm:

- Đó là lần chúng tôi chở hàng Z vào chiến trường. Ấy là một mặt hàng rất đặc biệt. Những năm đó chuẩn bị cho Tổng tấn công. Chiến trường cần một lượng lớn đạn dược và lương thực thực phẩm. Đưa từ ngoài Bắc vào rất công kênh mà nhiều khi lại hư hao. Có khi cần thông đường, lại phải hất cả một xe gạo xuống vực. Xót ruột lắm.

Chúng tôi chuyển một tấn hàng Z vào, rồi đổi hàng thành đô-la, thành súng đạn ngay tại chỗ. Như thế tiện lợi hơn nhiều. Tấn hàng đặc biệt này sẽ ra cho một trăm xe. Mỗi xe mười ký, đóng trong hòm kẽm, ngoài phủ thiếc. Trên là hàng tạp nhạp nguy trang. Mỗi xe có một thiếu tá hộ tống. Mệnh lệnh cấp trên là cố gắng đi trong một tháng. Nhưng chỉ 18 ngày sau, chúng tôi đã giao hàng. Đoàn xe chỉ bị cháy một chiếc, nhưng hàng vẫn nguyên vẹn.



Cuộc đời Lưu Xuân Tình là một cuộc đời triền miên đèo dốc bom đạn. Sài Gòn giải phóng rồi mà nửa tháng sau, Lưu Xuân Tình vẫn không biết cuộc chiến tranh đã kết thúc. Khi đó, đoàn xe anh vẫn đang trên đường tiếp tục chở đạn vào chiến trường. Trong xe khi ấy toàn đạn pháo cỡ lớn. Ngày 15 tháng 5, qua Pleiku, anh còn bị tàn quân của Ngô Quang Trưởng chặn đánh. Thế là đêm ấy lại tiếp tục chôn cất đồng đội.

- Vậy anh biết tin chiến thắng lúc nào.

- Lúc về đến nơi giao đạn, nghe anh em nói tôi mới biết nước nhà đã thống nhất.

- Tâm trạng anh lúc đó thế nào?

- Còn thế nào nữa. Hoàn toàn tê liệt. Mệt quá. Khi hồi lại sức thì ý nghĩ trước tiên của tôi là xin ra quân, về quê, dựng lại cho bố mẹ căn nhà, rồi cấy cày, buôn bán, nuôi vợ con. Rồi ra thì làm giàu. Hết giặc rồi. Không lẽ mình lại cứ nghèo khổ mãi. Chướng quá! Bây giờ khi đã bắt tay vào làm ăn thật sự rồi, mới hay việc làm ăn cũng chẳng phải dễ dàng, nhất là khi mình vẫn chỉ được loanh quanh trong cái bị bao cấp.

## MẸ VÀ CON

Ngồi trước chúng tôi là hai mẹ con. Chị Trần Thị Lư và cháu Nguyễn Giáng Tiên, học sinh lớp 8A, Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Thanh Hoá. Vào tháng Ba này\* (\*năm 1998), cháu Giáng Tiên mới tròn 13 tuổi. Người gầy nhỏ, xanh tái. Trông cháu chỉ như một đứa trẻ lên mười. Vậy mà Giáng Tiên đã là tác giả của bốn tập truyện ngắn dày dặn: Truyện của Giáng Tiên (1996), Từ nhà đến trường (1997), Mẹ bán xôi (1997), Thím. Dàn (1998). Đọc Giáng Tiên, nhiều người tỏ ra kinh ngạc vì giọng văn linh hoạt, già dặn, sắc sảo và đặc biệt là khả năng sử dụng ngôn ngữ của cháu. Không ít người còn tỏ ra nghi ngờ. Điều này cũng dễ hiểu, bởi những tài năng bẩm sinh thường rất khó lý giải.

- Tôi là một người thất học, chú ạ. - Chị Trần Thị Lư bắt đầu câu chuyện. - Tôi sinh năm 1946 ở Quảng Lưu, Quảng Xương. Vùng quê tôi nghèo lắm. Có thể nói Quảng Xương là một trong những huyện nghèo nhất của tỉnh Thanh Hoá. Đến nay, nhờ chính sách đổi mới, nhiều người dân Thanh Hoá đã trở thành triệu phú. Nhưng dân Quảng Xương vẫn còn ăn đói. Không ít người đói dài. Tôi có bảy anh chị em, hầu hết là mù chữ. Năm 1965, tôi vào thanh niên xung phong. Ở đơn vị tôi có người từng là giáo viên, sinh viên. Nhiều lớp học bỏ tức được thành lập. Nhờ thế mà tôi biết đọc, biết viết Tháng 6 năm 1966, khi được kết nạp Đảng, tôi còn chưa biết chữ, phải nhờ người làm đơn, khai lý lịch. Đơn vị tôi có 150 người, hầu hết là dân Quảng Xương. Chúng tôi đóng quân ở Quảng Bình. Nhiệm vụ của chúng tôi là mở đường và bảo đảm cho con đường thông suốt qua bến phà Long Đại. Đến năm 1966, tôi là trung đội trưởng của đơn vị thanh niên xung phong 104. Trung đội tôi giữ ngầm Bùng. Đó là một lèn đá nằm vất dưới một con suối khá rộng. Định ném bom suốt ngày đêm. Cả một vùng trắng lóc. Dân đưa nhà xuống hầm. Chúng tôi cũng ở hầm. Dứt bom là xông ra mặt đường

ngay. Tôi bảo chị em, nó đánh thì mặc nó. Nó cạy nhiều bom đạn thì cứ cho nó thả sức vung vít. Bom nó ném chưa chắc đã trúng. Mà có trúng thì cũng chưa chắc đã chết. Giết được người cũng không dễ đâu. Khi thấy bom thì cứ úp mặt xuống đất, kê cho mảnh bom muốn chém đâu thì chém, nhưng đừng để nó chém vào mặt. Phải giữ lấy mặt để sau này còn đi lấy chồng. Đàn bà, con gái có mỗi cái mặt mà lại để bom đạn nó vầy hồng thì bị thảm lắm, sợ lắm. Vậy mà lạ chú ạ, cả đơn vị tôi có đến hơn trăm người, ở giữa sa trường, ngày nào cũng mù mịt bom đạn như thế mà chẳng có ai làm sao cả! Tuyệt nhiên không bị sút sẹo gì!

Tôi ngạc nhiên:

- Chị không nói đùa đấy chứ?

- Chiến tranh không bao giờ là trò đùa cả. Ngay bản thân tôi, tôi cũng thấy vô lý, không thể tin được. Chúng tôi ở chiến trường đâu có ít, 5 năm trời liền cơ mà. Sau đó, đơn vị tôi còn vào sâu trong Trường Sơn. Công việc chính cũng vẫn là mở đường. Mùa mưa, quần áo hong sặc sụa khói, lúc nào cũng ẩm sì. Suốt những năm bom đạn ấy chị em chỉ bị hắc lòa và lang ben.

- Thế thì lạ thật, chị ạ, ở chiến trường ác liệt đơn vị đông như thế mà lại chẳng có ai làm sao cả. Chuyện này mà kể, có thể có người sẽ không tin.

- Tôi cũng thấy khó tin, nói chi thiên hạ. Thực tình trong số anh em chúng tôi ra đi đợt ấy, cũng có hai người hy sinh. Nhưng cả hai người ấy đều đã rời khỏi đơn vị. Người thứ nhất là anh Thắng, quê ở Quảng Xương, được tổng đội rút lên làm lính thông tin. Anh ấy đi rải dây, oái cảm sao, về đến đúng cổng đơn vị cũ, là đơn vị chúng tôi thì vướng bom từ trường. Chúng tôi tìm gom nhặt anh ấy thì chỉ còn một chỏm tóc và nửa cánh tay. Người thứ hai là cậu Uống Ngọc Màng, cậu này đẹp trai lắm, hát rất hay. Tổng đội rút lên cho đi văn công, thế rồi cũng bị bom chết trên đường biểu diễn. Còn anh em ở lại đơn vị thì chẳng có ai làm sao cả. Hình như bom đạn nó kiêng chúng tôi hay sao ấy.

- Chị lại đùa rồi!

- Tôi đâu có đùa. - Chị Lư cười tủm tỉm. - Tôi kể chuyện này, có

khi chú cũng lại không tin nốt. Ấy là vào dịp Tết năm 1967. Năm đó bom đạn ác liệt lắm. Nhưng ngày Tết thì tạm ngưng bắn. Cả hai bên đều tuyên bố như thế. Thông thường chúng tôi làm suốt đêm, ngày chui vào hầm ngủ chỉ trừ có chuyện đột xuất như tắc đường, có người bị thương, có hầm bị sập, hay xe cháy chẳng hạn, thì chị em mới xông ra. Có được ngày thanh bình, chị em phải tranh thủ chớp thời cơ chứ. Chúng tôi xuất quân vào đúng sáng mừng 1 Tết. Cả đơn vị đổ hết ra đường, chỉ còn lại mấy chị em ở nhà làm cỗ Tết. Bữa cỗ đó khá linh đình, bởi thủ trưởng Hoàng Trá, binh trạm trưởng binh trạm 14 tặng đơn vị chúng tôi cả một con lợn gần 70 ký. Ai ngờ Mỹ lật lọng. Chúng ào đến ném bom vào giữa trưa mừng một Tết. Bom trúng tim đường, nhưng chẳng ai làm sao cả. Ở nhà, một quả bom tấn choang vào giữa bếp, vào đúng chảo thịt lợn mới ác chứ? Chị em dạt xuống dưới khe đá, thoát nạn. Nhưng chảo thịt lợn thì biến mất, biến đến không còn một mẩu khâu đuôi. Chị em cứ tiếc rỏ: Khổ, nhà có cỗ, chỉ canh chừng chó, mèo! Ai ngờ Giôn-xơn lại lén vào, xơi vụng luôn cả chảo thịt lợn! Tiếc đến đứt ruột!!'

Nói rồi, chị Lư cười. Nụ cười sáng bừng cả gương mặt xương xương, khắc khổ. Tôi vẫn còn chưa hết ngạc nhiên:

- Đúng là chị có những chuyện quả khó tin thật!

- Ấy chính vì thế mà tôi mới nhớ, và nhớ rất dai. Cả chuyện này nữa chứ. Đó là vào giữa năm 1968, vừa xong đợt Tổng tiến công Mậu Thân, binh trạm 14 mở Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua. Cả đơn vị tôi chỉ có hai người được đi dự. Anh Đoàn Mẫn, chính trị viên là khách mời, còn tôi là đại biểu chính thức. Chúng tôi vượt rừng, lội suối, cuộc bộ suốt một ngày, đến sẩm tối thì tới địa điểm họp. Đó là một hang đá rất rộng, chứa được đến ngàn người ở một hốc núi thuộc cây số 14 đường Trường Sơn. Trước khi đi, tôi bảo chị em: Các cậu cố gắng chịu khó đảm đương phần việc của mình giúp mình nhé. Mình đi ăn cỗ, khi về, thế nào cũng có phần. Mình sẽ đề phần các cậu. Ở Đại hội thật vui, chả phải làm gì, chỉ phát biểu rồi hát, rồi vỗ tay, rồi ăn liên hoan với rau môn thực, rau tàu bay, và măng rừng. Tối đi ngủ, lại có chiến sĩ gánh nước từ suối lên cho mình rửa chân. Thật chẳng khác gì ông hoàng, bà chúa. Khi ban tổ chức gọi tôi lên nhận phần thưởng, tôi ngượng quá. Anh Mẫn phải

nhận thay. Một gói khá to. Tôi không dám mở, cứ ôm khư khư về. Chuyến này thì cả đơn vị sẽ được một bữa vui vẻ rồi. Nhưng khi mở ra thì chỉ có mấy mét vải xô, một bằng khen vẽ bằng tay, và bốn cái quai dép cao-su. Ôi giờ! Chúng tôi mừng đến ứa nước mắt. Tôi chia cho chị em. Ai được, chúng ta cũng mừng, còn ai không có cũng đừng tị nạnh, thắc mắc, kéo rồi lại phải ân hận. Chúng mình có thể sống nay, chết mai. Thế nhưng rồi chẳng ai chết cả. Chú bảo thế có buồn cười không?

Chẳng có gì buồn cười cả. Nhưng với người phụ nữ quả cảm này thì tất cả những chuyện nguy hiểm khi đã vượt qua rồi đều có thể trở thành những chuyện buồn cười. Tôi tò mò:

- Chị phục viên năm nào?

- Khi tạm ngừng bắn. Vào năm 1970, tôi chuyển về Tỉnh đoàn Thanh Hoá. Tổ chức tạo điều kiện cho tôi đi học. Nhưng tôi không học được, chú ạ. Đau đầu lắm. Bom đạn nó kiềng mình, cái chữ nó cũng kiềng mình. Ở tỉnh đoàn ít năm, tôi chuyển sang kho lương thực Thanh Hoá. Năm 1990, tôi về hưu. Nhà tôi cũng về hưu rồi. Ông ấy trước cũng là thanh niên xung phong. Chúng tôi gặp nhau ở chiến trường rồi yêu nhau. Bây giờ, ông ấy yếu lắm, bao nhiêu năm bị bệnh đường ruột, ông ấy chỉ ăn rau, không ăn được chất đạm. Nhiều lúc, nhất là khi trở gờ, ông ấy nằm liệt giường. Nhưng chúng tôi sống rất hạnh phúc. Lương của tôi với nhà tôi, cộng tất cả được bốn trăm ngàn đồng. Nhà tôi năm miệng ăn. Hai vợ chồng, hai đứa con gái và ông bố để tôi năm nay 83 tuổi. Khi nhận lương hưu, tôi để riêng ra hai trăm ngàn là tiền cho hai cháu học thêm, 50 ngàn tiền điện, 150 ngàn để đóng gạo. Còn tất cả mọi chi phí của cả nhà, đều nằm trong nồi xôi của tôi. Ngày nào, tôi cũng đi bán xôi nuôi các cháu ăn học và nuôi cả gia đình. Tôi bảo, bố mẹ thất học rồi. Các con phải chịu khó học và học thật giỏi. Được cái các cháu nhà tôi học tốt lắm. Con gái đầu lòng của tôi, cháu Hoài Thu hiện đang học lớp 12 Trường chuyên Lam Sơn. Vừa rồi, cháu đoạt giải nhì toàn tỉnh kỳ thi học sinh giỏi tiếng Pháp. Hiện cháu đang ở đội tuyển chuẩn bị tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. Cháu Giáng Tiên cũng là một học sinh giỏi văn của tỉnh.

- Chị có đọc truyện của Giáng Tiên không?

Chị Lư lắc đầu:

- Tôi bận tối mắt tối mũi, làm sao còn có thời gian nào nữa mà đọc sách, hả chú. Thấy cháu cứ hí hoáy viết, viết rồi xoá, phí giấy quá. Tôi cần rảnh rỗi luôn cho cháu hai cái bảng với hộp phấn, để cháu có thể viết suốt ngày, viết quanh năm.

- Cháu viết văn trên bảng à?

Tôi ngạc nhiên quay lại hỏi Giáng Tiên. Cháu bé cười ngónghén, rồi chỉ lên hai cái bảng đen đóng liền nhau, chạy dọc suốt một gian nhà:

- Vâng. Bản thảo của cháu đấy. Chỗ nào không ưng, cháu xoá đi, viết lại. Khi nào chữ kín đặc hai cái bảng rồi thì cháu cho hết truyện luôn...

Tôi bật cười. Có lẽ trên đời này, chẳng có nhà văn nào viết văn như Giáng Tiên. Viết bằng phấn trên bảng. Chứa bản thảo cũng trên bảng. Thế mà lại chần chu. Câu chữ vẫn cứ đâu ra đấy.

Tôi tò mò:

- Cháu viết mỗi truyện lâu không?

- Cũng tùy thôi, chú ạ. Có truyện ngắn cháu viết đến nửa tháng, ví như truyện Mẹ bán xôi, cháu viết về mẹ cháu, cả những chuyện của mẹ cháu hồi còn là thanh niên xung phong. Có truyện cháu viết nhanh, như Chiếc xe đạp cộc cạch, cháu viết về chiếc xe của chị Thu cháu. Hay như truyện Thím Dần, truyện Bác Xác, cháu viết cũng nhanh lắm. Bác Xác là bác họ cháu. Bác ấy nghiện rượu, khổ lắm. Cháu viết xong truyện, chưa kịp đọc cho bác ấy nghe thì bác ấy đã chết rồi. Các nhân vật của cháu đều là những người có thật. Cháu không bịa đâu, chú ạ. Hàng ngày, các nhân vật của cháu có thể đứng trước bảng, xem truyện của chính họ. Chỗ nào không đúng, họ góp ý cho cháu sửa. Có người bực quá, họ xoá bét đi. Thế là mất đứt cái truyện.

Lại còn thế nữa. Có lẽ chẳng có tác giả nào gán gởi nhân vật của mình như nhà văn nhí Giáng Tiên. Nhân vật có thể nổi loạn, chống lại nhà văn và phá luôn tác phẩm. Tôi tò mò:

- Cháu đọc nhiều không? Cháu thích nhà văn nào nhất?

- Trước đây, cháu đọc ít vì không có sách. Mà sách đắt lắm. Mẹ cháu không thể mua nổi. Vừa rồi, khi tập truyện ngắn: Từ nhà đến trường của cháu được Nhà xuất bản Kim Đồng in, cháu ra Hà Nội nhận sách, nhận nhuận bút, các cô chú ở Nhà xuất bản cho cháu cả một ba-lô sách, cháu mang về nhà, đọc suốt đêm. Truyện nào cháu cũng thấy hay.

Chị Lư cười:

- Năm vừa rồi, thầy Lê Đình Hình, giám đốc Sở Giáo dục Thanh Hoá trao cho cháu phần thưởng của Quỹ tài năng trẻ. Trường ngoại ngữ Hoàn Cầu của thành phố Hồ Chí Minh cũng trao tặng cháu mỗi năm một suất học bổng trị giá 100 đô la. Tôi để cháu mua sách hết. Năm tới, tôi đã chuẩn bị sẵn phương án rồi. Nếu cháu Hoài Thu đỗ đại học, tôi gửi ông ngoại về quê cho dì nuôi. Bố cháu ở lại Thanh Hoá nuôi cháu Giáng Tiên. Còn tôi theo cháu Thu ra Hà Nội. Sáng tôi đi bán xôi, chiều tôi bán rau, lấy tiền nuôi cháu Thu học đại học. Các con tôi phải tốt nghiệp đại học. Có thể sau này ra trường, chúng cũng lại thất nghiệp, lại đi bán xôi như tôi thôi. Nhưng dù là người bán xôi thì cũng phải là người bán xôi có trình độ đại học. Trước đây, bom đạn thằng Mỹ còn chẳng giết nổi mình. Bây giờ cả nước hoà bình rồi, chả lẽ cái nghèo, cái khó lại đầu độc mình, lại giết mình chết dần chết mòn sao? Chuyện ấy mới khó tin nhất. Vì nó vô lý lắm. Vô lý đùng đùng...



## HOẠ SĨ LÊ THANH MINH

## I

Đó là câu nói vui của tiền sĩ văn học Trịnh Bá Đĩnh. Đĩnh bảo tôi:

- Nay, gồm thật, Lê Thanh Minh như mụ phù thủy. Nó có thể biến chai lọ vỡ thành vàng...

Tôi tròn mắt kinh ngạc. Trịnh Bá Đĩnh là nhà phê bình nghiêm cứu thứ thiệt, lại ăn nói nghiêm túc, chứ đâu có đùa cợt và bông lơn như mình. Đĩnh bảo:

- Ông không tin thì cứ đến nhà thằng Minh mà xem. Nó cứ ngủ suốt ngày. Lúc nào đói lại vác chai lọ vỡ hay mấy con chuồn chuồn kim đi bán. Mà bán đắt. Hàng quốc cấm cũng chẳng đắt được hơn thêm.

Đúng là Lê Thanh Minh bán chuồn chuồn kim với chai lọ vỡ thật. Nhưng đó là chuồn chuồn và chai lọ vỡ trong tranh. Anh biến chúng thành nghệ thuật. Và khi đã thành nghệ thuật thứ thiệt thì vô giá rồi, chẳng bạc vàng nào so được. Trịnh Bá Đĩnh thử làm một bài toán vui. Anh hạch toán theo kiểu một bà hàng xén nhà quê. Mới hay Minh lãi khủng khiếp: Giấy dó Minh mua một nghìn một tờ. Mà khoảng hai nghìn. Vị chi tất cả vốn Minh bỏ ra mới có ba ngàn đồng. Anh bán 300 đô, có cái đến 500 đô.

Lê Thanh Minh trợn mắt lên:

- Ờ, mấy cái lão này điên thật rồi. Tớ bán tranh, bán trí tuệ, nghệ thuật, chứ có bán màu với giấy dó giá cao đâu mà các cậu bảo đắt?

## II

Tôi biết hoạ sĩ Lê Thanh Minh từ năm 1984. Khi ấy, chúng tôi cùng về Thanh Xuân học ngoại ngữ, chuẩn bị sang Liên Xô. Minh học Trường Hội hoạ I. Xurikov. Tôi ở Học viện Văn học M. Gorki. Cách nhau vài bến tàu điện ngầm. Ngày nghỉ nào, chúng tôi cũng gặp nhau. Mấy ông bạn Nga bảo: Tụi Việt Nam rất thích tụ họp. Mà cũng lạ. Nếu chỉ có một thằng thì chúng ngủ. Hai thằng là xì xụp nấu nướng. Còn nếu ba thằng trở lên thì chúng rôm rả bàn chuyện chính trị. Chúng tôi có biết gì chuyện chính trị đâu. Chỉ thuần tuý bàn nghệ thuật thôi.

Những năm ấy, ở trong nước rất vất vả. Dân đói. Lương cán bộ chỉ đủ sống một tuần. Mọi nhà đua nhau nuôi lợn. Có gia đình trên tầng năm, cũng ngăn một nửa nhà dành cho lợn, còn gọi một cách kính cẩn là thủ trưởng lợn. Vợ chồng, con cái ôm đầu chẳng sao, nhưng thủ trưởng lợn mà ốm là náo loạn cả nhà.

Lê Thanh Minh tranh thủ cưới vợ. Rồi đẻ liền hai đứa con. Anh bảo: Phải tranh thủ mà đẻ, ông ạ. Đẻ con trước, rồi đẻ tranh sau. Bởi con cần đường sữa. Đường sữa đã có Liên Xô chịu rồi. Còn tranh thì chỉ ăn tim óc mình thôi. Tim óc mình thì lúc nào cũng sẵn. Tôi chỉ sợ trẻ con suy dinh dưỡng.

Hai đứa con Minh trông cứ đều thau tháu như trứng gà, trứng vịt. Chúng nghịch như quỷ sứ. Nhưng cứ như quan niệm của Lê Thanh Minh thì trẻ con cần phát triển tự nhiên. Bố mẹ không nên can thiệp quá sâu vào đời sống cũng như tính cách của chúng. Căn phòng Minh dành cho con ngổn ngang bừa bộn như một bãi bom. Có lần, một hoạ sĩ đến chơi, nằm nghỉ trưa ngay trên sàn nhà. Thằng bé bỗng ngăn người ngắm gương mặt xòm xòa râu ria của ông bạn bố. Nó bảo: Mặt chú buồn cười lắm. Cứ um tùm như bụi rậm. Cháu đái nhé! Anh hoạ sĩ ngăn người trước ý nghĩ rất đổi lạ lòng của thằng bé. Anh tưởng nó đùa. Thế là anh cũng đùa: ừ, thì cháu đái đi! Ai dè, thằng bé vạch vôi, rót thẳng một luồng nước khai mò, nóng hổi xuống cái bụi rậm um tùm của hoạ sĩ, khiến anh chàng kêu ré lên như bị chọc tiết. Anh lăn mấy vòng, rồi chạy té ra khỏi

phòng như tên bắn. Mà chạy cũng không kịp. Bởi vì khách đó đâu có chuẩn bị cho cuộc tẩu thoát này. Con hư quá! Lẽ ra thì bố đánh đòn. Nhưng con đã xin phép bác, nên bố tha. Bạn sau không được như thế. - Lê Thanh Minh quát con, rồi quay lại bảo bạn: - Mà cũng tại cậu nữa. Tại sao cậu không mắng nó ngay từ đầu, lại bảo nó đái. Thôi, tắm đi bố, rồi vào ta ăn cơm.

Lê Thanh Minh làm bếp khá giỏi. Anh bảo: Tớ nấu chắc chắn ngon. Chỉ mỗi khoản sạch sẽ vệ sinh là tớ không dám bảo đảm. Rồi Minh kéo chúng tôi đi các Viện bảo tàng Mỹ thuật. Anh có thể lang thang suốt ngày ở đấy. Rồi anh khuân sách về nhà. Minh đọc nhiều, đủ các chủng loại, mà đọc kỹ như một nhà nghiên cứu. Đặc biệt là sách khoa học và nghệ thuật phương Đông. Rồi anh vẽ. Vẽ rất nhiều. Tranh chân dung. Tranh tĩnh vật. Tranh phong cảnh. Tranh trừu tượng. Bức tranh nào cũng có hồn. Nghĩa là rất sống động. Mà đủ các chủng loại, kích cỡ. Có tranh chỉ bằng bàn tay trẻ con. Có tranh hoành tráng, to hơn cả bức tường. Chủ yếu là sơn dầu. Minh vẽ hàng trăm tranh như thế. Anh đã hai lần mở triển lãm cá nhân ở Matxcơva. Phòng tranh Minh rất đông khách. Bè bạn nước ngoài rất thích tranh của anh. Minh vẽ đúng như anh quan niệm. Đối với người nghệ sĩ, khi sống thì đừng lập dị. Cứ sống như tất cả mọi người. Có thể lẫn vào cả một biển người. Nhưng khi sáng tạo nghệ thuật thì lại phải thật quái đản. Nghĩa là phải thực sự độc đáo, không lẫn với bất cứ ai cả. Chỉ có làm được thế thì mình mới có vị trí trong nghệ thuật, và người xem mới mua tranh của mình.

Buổi Lê Thanh Minh bảo vệ tác phẩm tốt nghiệp tôi có đến dự. Phải nói đó là một cuộc triển lãm nghệ thuật thú vị. Mỗi người một phong cách. Nhưng tranh Lê Thanh Minh vẫn có một vị trí riêng và nổi trội hơn cả. Bởi thế, Hội đồng Nghệ thuật đánh giá rất cao. Chủ tịch Hội đồng, giáo sư hoạ sĩ nổi tiếng Liên xô T. Salakhov cho rằng, Lê Thanh Minh rất giỏi trong bố cục và đặc biệt là việc sử dụng màu sắc. Anh là một hoạ sĩ rất độc đáo của phương Đông. Ông hy vọng Lê Thanh Minh sẽ thành hoạ sĩ lớn và anh sẽ làm rạng rỡ Trường Hội hoạ Xurikov.

Sau này, nghiệm ra, tôi thấy ông thầy Nga ấy rất tinh tường. Ông đã nhìn ra cái biệt tài, cái thể mạnh của Lê Thanh Minh. Anh

thực sự là một hoạ sĩ có tài. Bức tranh nào của anh cũng rất độc đáo. Độc đáo mà không xa lạ. Anh kỹ lưỡng trong từng chi tiết nhỏ. Và nói như Trịnh Bá Đình, Minh toàn vẽ những thứ người ta vứt đi. Cái chai vỡ, cây đèn dầu, vài quân bài đã cũ, cái mõ chùa và cuốn sách nhàu nát, đồng bạc rách, cái đĩa Bát Tràng sứ sẹ, rồi lại chuồn chuồn kim... Anh vẽ kỹ, như kiểu tranh cổ điển thời Phục hưng, nhưng lại tinh vi, hiện đại và mới mẻ, các nét đều sống động. Đồng tiền, quân bài, cái đĩa vỡ... trông thật đến mức cảm giác như anh không vẽ mà nhắc luôn hiện vật dán thẳng vào tranh. Và nói như hoạ sĩ nổi tiếng Liên Xô T. Salakhov: Cái tài của Lê Thanh Minh là anh đặt những cái rất khác nhau ở bên nhau cái nào cũng sáng rõ nhưng lại tạo ra khoảng mù mờ, mung lung, bát ngát, đến nỗi có cảm giác bức tranh đã tràn ra khỏi khung, và hình như chính Lê Thanh Minh cũng cảm thấy hoảng sợ trước sự nổi loạn của chúng, nên anh đã trói chúng lại bằng mấy cái khung khuôn ngay trong tranh mảnh như những sợi tơ nhện. Nhưng có điều lạ là dường như những đường nét, hình khối nhỏ bé thưa thoáng phôi ra trước mắt ta kia chỉ là ảo ảnh, là những nét chấm phá, còn bức tranh thực sự của Minh, cái anh dụng công vẽ lại là những cái anh không vẽ, chúng nằm sâu ở phía sau bức tranh kia.... Tôi nghĩ đấy chính là biệt tài của Minh. Nó làm cho tranh của anh có nhiều sức gợi. Vì thế dân sành điệu rất mê anh, săn tìm tranh của anh. Các gallery suốt ngày điện đến, giục Minh như giục con nợ. Có tranh anh chưa vẽ xong, người ta đã đòi khuôn ra khỏi nhà. Rồi người ta còn sao chép tranh của anh. Lê Thanh Minh phải có những ký hiệu riêng để giúp người mua phân biệt giữa tranh thật với tranh giả. Đó là điều thường chỉ xảy ra đối với các danh hoạ, hoặc những bậc tài danh đã chết, chứ rất ít khi xảy ra đối với người còn sống. Có lẽ vì thế mà tiền sĩ Trịnh Bá Đình gọi Lê Thanh Minh là một mục phù thuỷ, có biệt tài phù phép, biến những chai lọ vỡ thành vàng. Tôi đã được thấy một bức tranh chai lọ của Minh bày trong Triển lãm ở phố Tràng Tiền, với giá 34.000 đô la, tương đương với một biệt thự ba tầng sang trọng. Thoạt đầu tôi cứ tưởng Minh đề thế cho oách, nhằm giải quyết khâu oai chứ có mấy ai mua. Tranh nghệ thuật mà rẻ quá thì cũng không có ai thèm nhòm. Vậy thì việc gì hoạ sĩ không nâng vọt giá lên để làm một thứ trang trí. Tôi thử hỏi bức tranh của

Minh. Cô trông coi triển lãm lắc đầu: Bức tranh này không bán được, anh ạ. Một ông Tây đã đặt tiền mua rồi! Trịnh Bá Đình cười bảo tôi:

- Đấy, thì tớ đã bảo rồi mà. Lê Thanh Minh thực sự là một mụ phù thủy. Chỉ phù thủy mới có khả năng kinh doanh và làm giàu bằng chai lọ vỡ...

## NHÀ VĂN HỮU ƯỚC - NGƯỜI CỦA HÔM NAY

Thấy tôi đánh đu với Hữu Ước, nhiều người cứ tò mò hỏi: Này, ông thấy Ước thế nào? Lão thực sự là người thế nào? Thì còn thế nào nữa. Cứ trông lão đủ biết. Năng động. Thông minh. Nhanh nhay. Tinh quái. Và đôi lúc cũng hách ra trò? Hữu Ước là người của ngày hôm nay. Hay nói cách khác, anh là người của kinh tế thị trường. Nhớ lại thời bao cấp mà hãi. Ngay ở Liên Xô, nơi được coi là thiên đường mà cũng khổ quá. Ra khỏi thành phố, đi xuống vùng quê, tôi thấy nhiều gia đình nông dân cũng thiếu thốn, đói khổ. Xem ra, họ cũng chẳng hơn gì mình. Có nhà, mùa đông xuống tới âm 30 độ, mà hai mẹ con chỉ có một cái áo bành-tô. Mẹ ra đường thì con phải ngồi ru rú trong nhà. Ngay tại thủ đô Matxcova, để mua một cân thịt, có khi phải mất đến gần nửa ngày, vì phải qua ba lần xếp hàng. Xếp hàng cân thịt. Xếp hàng trả tiền ở chỗ thu tiền. Rồi xếp hàng lấy miếng thịt ra. Ở ta, người nông dân làm ra hạt gạo thì quanh năm đói. Người chịu khó hơn, năng động hơn, có được chút tiền thì lại bị người xung quanh nhìn bằng con mắt nghi kỵ, cứ như đó là kẻ bóc lột kẻ phá hoại đất nước. Ở làng tôi, có một lão thợ cày cũng nhờ sự chịu khó và năng động của cả mấy bố con, mà lão có của ăn của để, có nhà ngôi cây mít. Lão bị qui là địa chủ. Nhà ngôi, nồi đồng, cối xay bột, chum vại, xoong nồi, những thứ gọi là tài sản bất chính của lão đã bị tịch thu, chia cho hai anh bạn cố nông. Còn bố con lão thì xuống ở chuồng bò. Bây giờ, nhờ công cuộc đổi mới, làng tôi ấm dần lên. Nhìn đâu cũng nhà ngôi cây mít. Làng toàn địa chủ cả. Nhưng mà nếu tìm hiểu kỹ, anh địa chủ cũ cũng vẫn giàu hơn và anh bạn cố cũ cũng vẫn nghèo hơn. Người năng động thì ở thời nào cũng vẫn năng động. Trên cái chuồng bò xưa, bố con lão địa chủ thợ cày lại dựng lên một cái biệt thự cao chót vót. Nội thất, đèn kính sáng choang. Còn mấy anh bạn cố nông được chia nhà kia thì dỡ ngôi bán, ăn dần. Căn nhà khang trang của bố con lão địa chủ xưa, bây giờ trông như cái chuồng bò xây dở. Thời ấu trĩ đã qua. Tôi tin chẳng bao giờ chúng ta làm cuộc đảo lộn trật tự đó lần thứ

hai. Xin các vị có tài làm giàu cứ yên tâm làm giàu. Bởi tái bản cuộc cách mạng đó, có nghĩa là tự huỷ diệt.

Hữu Ước là một người may mắn. Nếu ở thời trước, không khéo anh xuống chuồng bò ở rồi. Dù trong đời, anh cũng từng có phen lận đận, có phen với anh, ngay cả cái chuồng bò xây dở kia cũng thành một thiên đường mà anh không dám mơ ước tới. Nhưng rốt cuộc, anh vẫn là người may mắn. Bởi anh đã gặp công cuộc đổi mới của Đảng khi vẫn còn trẻ, còn sức lực. Nhà nước đã mở rộng cánh cửa để mọi người dân có được bầu không khí trong lành. Mọi tiềm lực đã được giải phóng. Ai có khả năng gì thì có thể phát huy đến hết năng lực của mình.

Hữu Ước là người có năng lực, lại thêm tính chịu khó của một người vốn gốc nông dân. Bởi thế, với hai bàn tay trắng, anh cũng đã dựng lên được biệt thự ba tầng trên hàng trăm mét vuông đất ở giữa thủ đô Hà Nội. Khi đó, anh đâu đã có tờ An ninh thế giới, một tờ báo ăn khách vào hàng bậc nhất của báo chí nước ta hiện nay. Vậy Hữu Ước kiếm đâu ra tiền? Anh bóc lột ai mà có được nhà ngôi cây mít sớm thế? Xin thưa, anh đi nhặt ve chai đấy? Nghĩa là Hữu Ước làm những việc hoàn toàn thủ công. Anh dán bìa các-tông, làm bao bì in nhãn đồ hộp cho các nhà hàng, các xí nghiệp kinh doanh sản xuất. Chỉ nuôi mình với nuôi vợ con thôi thì đâu có khó. Lọ mọ thế mà rồi cũng ra được một cơ ngơi. Hữu Ước biết làm ra đồng tiền, nhưng cũng rất biết tiêu tiền. Làm ra tiền đã khó, nhưng biết tiêu tiền còn khó hơn nhiều. Người biết tiêu tiền chẳng bao giờ ném tiền ra gió. Đồng tiền đến đâu cũng đều có mục đích cả. Nghĩa là đồng tiền phải được đặt đúng chỗ. Nếu chi đúng, có bỏ ra hàng trăm tỷ đồng cũng không phân vân. Còn tiêu vô bổ thì dù chỉ chi một xu thôi cũng tiếc đến đứt ruột. Nhiều anh làm kinh tế mà phải vào tù hay ra dựa cọc, chẳng qua cũng chỉ là những kẻ không biết tiêu tiền.

Hữu Ước có con mắt nhìn vào đâu cũng thấy tiền. Anh viết văn, làm phim, viết kịch, rồi cả hài kịch. Làm cho người ta khóc đã khó. Làm cho người ta cười còn khó hơn nhiều. Bởi muốn cười được phải thông minh và có trí tuệ rất cao. Một đứa trẻ vừa đẻ ra đã biết khóc rồi. Mà khóc rất bài bản, rất nhuần nhuyễn. Nhưng cười thì phải



lớn lên, phải từng trải và phải có học mới có thể cười được. Hữu Ước tung ra Sếp rôm, một vở kịch cười dài gần hai tiếng đồng hồ. Đó là một việc làm khá là bạo phổi. Cũng may, anh chọn được dàn diễn viên có tài cù thiên hạ, lại thêm một đạo diễn giỏi, có nhiều miếng mếu. Câu chuyện rất buồn cười mà vấn đề đặt ra lại nghiêm túc, không hề rẻ tiền. Người xem cười ngặt nghẽo từ đầu đến cuối. Người khó tính mấy cũng không thể nhịn được cười. Giá vé thấp nhất 50 ngàn, cao nhất 70 ngàn. Cung Hữu Nghị 1200 chỗ ngồi mà tối nào cũng đông nghịt, kể cả những hôm có bóng đá châu Âu. Ngoài cửa rạp, trước giờ biểu diễn, người ta còn bán chui 300 ngàn một cặp vé. Hữu Ước làm chơi mà hái ra tiền. Nhưng cái việc anh dựng tờ báo mới là chuyện lạ nhất.

Còn nhớ cách đây chừng mấy năm, Hữu Ước tất tả chạy đến Tạp chí Văn nghệ quân đội tìm tôi. Này, ông phải sang giúp tôi? Có một việc rất quan trọng, phải có ông ra tay thì mới xong được!'. Quái? Có việc gì thế nhỉ? Một người như Hữu Ước mà lại phải nhờ đến tôi ư? Một anh chàng phát phơ, một gã vô công rồi nghề lại có thể thành nhân vật quan trọng đối với Hữu Ước thì cũng lạ thật. Mà biết giúp gì các ông bạn công an? Tóm gián điệp thì không có nghiệp vụ. Săn bắt cướp thì không có võ, lại nhát gan. Truy lùng kẻ buôn lậu, bọn chứa gái mại dâm thì tính lại cả nể, cứ thấy nước mắt đàn bà là sợ, là rủn hết ruột gan tim phổi rồi, bao nhiêu nhuệ khí đàn ông bay đâu tiệt, Thế thì biết giúp gì? Có việc đấy? Việc này thì ông làm ngon. Tôi đã tính rồi mà. Việc gì vậy?. Ông chỉ ngồi chơi thôi, chẳng phải làm gì cả. Ô hay! Hoá ra bên công an lại có một nghề rất quan trọng, là nghề... không làm gì cả? Thế thì hay quá? Hợp với sở trường của mình quá. Phải xắn tay làm ngay thôi.

Thế là chúng tôi xuống đường giúp Hữu Ước. Cái công việc quan trọng mà anh nhờ là tham gia vào Hội đồng biên tập. Tôi xếp ông vào đấy cho đẹp cỡ ông làm anh bù nhìn canh dưa. Tôi bảo lắt thì lắt, bảo gật thì gật. Thế thôi mà, chứ cái ngữ ông làm báo thế quái nào được

Hội đồng canh dưa của Hữu Ước có đến ngót một tiểu đội. Chỉ có tôi ú ớ, còn toàn là những người thông minh, những nhà văn có tên tuổi: Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Quang Thiều, Xuân Ba,

Nguyễn Thị Thu Huệ, Hoàng Nhuận Cầm. Thỉnh thoảng chúng tôi mới gặp nhau. Công việc cụ thể chúng tôi làm làm nâng cốc làm vài vai bia bụi, rồi cười nói hi ha. Chỉ vậy thôi? Hữu Ước dựng cờ tập hợp quân sĩ như thế đấy. Quân sĩ đều bận việc của mình cả. Khắc Trường và Quang Thiều ở báo Văn nghệ. Thu Huệ ở Đài Truyền hình, Hoàng Nhuận Cầm ở Xưởng phim, Xuân Ba ở báo Tiền Phong, tôi ở Văn nghệ quân đội. Việc cơ quan ngập đến tận mặt nên có khi phải đến mấy tuần chúng tôi mới gặp được nhau. Mà gặp nhau rồi thì cũng chẳng có việc gì ngoài mấy câu chuyện phiếm chẳng dính gì tới tờ báo của Hữu Ước. Thì đã bảo hội đồng gặt lác mà. Trụ sở toà báo là cái phòng xép chứa đồ, Hữu Ước mượn ở cơ quan thường trú báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Cái phòng bé toan hoản chừng 5-6 mét vuông. Tôi đã có lần nói vui trên truyền hình, gọi nó là cái nhà tắm không hoàn thiện, vì còn thiếu cái vòi nước nữa thì mới ra cái nhà tắm. Hữu Ước cho kê ở đó một cái bàn, một bộ ghế xa-lông. Một ngày sau, anh khuân về hai cây quạt Trung Quốc MD to đùng. Xếp được chỗ cho hai cái quạt thì người phải ra khỏi phòng. Hữu Ước cho dựng ở cửa một tấm biển khá lộng lẫy: Tạp chí Văn hoá-văn nghệ công an. Tôi bảo Này, sao ông không lấy bég luôn cái tên Văn nghệ Công an cho gọn. Quân đội có Văn nghệ quân đội thì ta có Văn nghệ công an. Nhưng như thế, e khó tồn tại được, ông ạ. Người đọc, có phải ai cũng thích văn nghệ cả đâu. Người ta mua cả một tờ báo có khi chỉ vì một cái tin vắn. Chỉ có văn nghệ không, e rất khó bán?

Nhưng rồi, tạp chí cũng đâu có bán ngay được dù nó không chỉ có văn nghệ. Hữu Ước tung hết ra sạp báo, rồi đến đêm, anh lại bí mật thuê người ra mua hết lại, để các ông bà bán báo tưởng báo bán chạy, còn có nhuệ khí mà bán tiếp nữa chứ. Sự thực, tờ tạp chí ấy vẫn đắp chiếu hàng đông. Rồi đại hội Hội Nhà văn khai mạc. Người ta thấy Hữu Ước xuất hiện với một rổ báo chí như một chàng sinh viên đi tiếp thị. Gặp nhà văn nào, anh cũng cười rất tươi rồi dúm cho một tờ. Trong số đầu tiên này, có cái chân dung văn học tôi viết về Lê Lợi. Nhiều nhà văn tỏ vẻ ngỡ vực, không khéo mấy thằng cha quê Hải Hưng này quảng cáo cho Lê Lợi, để Lê Lợi nhảy vào Ban chấp hành. Không đâu - Lê Lợi phân bua rồi rít. - Báo ế đấy. Chúng nó vác tôi đi bán thì là cái chắc rồi!

Người đọc chưa kịp nhận mặt Văn hoá -Văn nghệ công an thì đứa con của nó, tờ báo An ninh thế giới ra đời. Lần này, chẳng cần quảng cáo, người ta nhao nhao tìm đọc. Tờ báo đã lên đến bốn năm chục vạn bản, một con số kỷ lục mà những người làm báo quái kiệt nhất cũng chẳng dám mơ tưởng. Rồi tổ chức những cuộc thi văn chương, cứu trợ những người nghèo, mở những trại viết để có những tác phẩm hay về người chiến sĩ công an. Rồi tậu trụ sở mới rất khang trang, rộng rãi và sang trọng ở 100 phố Yết Kiêu. Bây giờ Hữu Ước đã có một đội quân nhà nghề gọn mà tinh nhuệ. Cũng như Hữu Ước họ có thể vừa tự lái xe, vừa viết bài, biên tập, vừa làm cả những việc tạp dịch. Ấy là Nguyễn Như Phong, một cây bút phóng sự nhạy bén, văn viết cứ như chơi, mà lại hấp dẫn. Nguyễn Như Phong có khả năng bắt vít người đọc vào các bài viết của mình, đặc biệt là những bài viết đề cập đến những vụ án nổi tiếng, thu hút sự chú ý của dư luận cả nước. Bên cạnh cây bút chủ lực Nguyễn Như Phong là Phan Quế, Đặng Vương Hưng, Đặng Vương Hạnh, rồi nhà thơ Trương Nam Hương, toàn những tay thiên lôi, tầm sét cả. Vậy mà trông bên ngoài, họ cứ nhàn tản cứ đủng đỉnh như không. Tôi hỏi: Thế nào, vẫn gặt lắc đều cả đấy chứ?.Gặt lắc gì? Chúng tôi làm mưa mặt ra đấy, bố ạ. Có hôm, 12 giờ đêm mới lọ mọ về nhà, vợ lại tưởng chui vào xó xỉnh nào, bèn bí mật kiểm tra xem có mùi lạ không thì thấy sặc sụa toàn mùi xăng ô-tô. Ở tờ báo này bây giờ, có lẽ chỉ Hữu Ước là người nhàn tản. Trông lão lúc nào cũng phờ phơ như chủ tiệm Karaoke. Phờ phơ gì. Chính lão mới là người vất vả nhất. Lão làm tất mọi việc, tổ chức từng số báo. Lão chỉ buông tay ra là báo sụt xuống hàng vạn số. Ở đây, chúng tôi tất bật lắm, chứ có mấy ai được đú đởn như ông. Nói rồi, Như Phong đóng sập cửa xe, phóng đi như ma đuổi. Người ngoài trông anh, chắc tưởng ông xế tắc-xi tư đang vào giờ tranh khách. Nhưng tôi thì biết chắc lại có một vụ án nào đó cần bài phóng sự của anh. Làm báo mà cứ như săn bắt cướp. Hãi thật.

## NHÀ BÁO HỮU THỌ

## I

Cách đây chừng dăm, sáu năm, cũng do công việc của báo chí mà tôi có dịp tiếp xúc với Hữu Thọ. Ấy là khi Tạp chí Văn nghệ quân đội mở chuyên mục mới: Mười hai cuộc đối thoại trong năm. Mỗi tháng có một cuộc đối thoại. Người mà toà soạn chọn mở đầu cho chuyên mục, để phóng viên tạp chí đến đối thoại là nhà báo Hữu Thọ. Xin bạn đọc lưu ý cho, đây là cuộc đối thoại, chứ không phải phỏng vấn. Chính vì có người nhầm giữa hai thể loại rất dễ hiểu và rất khác nhau ấy nên trách tôi đã lẩn lướt, chơi trội đối với người được hỏi chuyện nhất là người đó lại là nhà báo lớn, một ủy viên Trung ương Đảng, người giữ trọng trách của Đảng: Trưởng Ban Tư tưởng Văn hoá trung ương. Khổ đấy đâu phải cuộc phỏng vấn. Phỏng vấn thì phóng viên chỉ biết hỏi và ghi người trả lời nói sao thì ghi vậy. Còn đối thoại thì cả hai cùng trao đổi bình đẳng về một vấn đề gì đó mà cả hai cùng quan tâm. Trong trao đổi, có những điều gặp nhau, có những điều hoàn toàn đối ngược. Cả hai cùng thảo luận để dẫn đến sự thống nhất. Cũng có khi tranh luận rồi mà vẫn không gặp nhau. Thế là đành bỏ ngỏ để bạn đọc cùng tham gia nghĩ tiếp. Cuộc gặp gỡ chớp nhoáng ấy đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng tốt đẹp. Hữu Thọ đã hoàn toàn chinh phục tôi bởi sự thông minh, tinh nhạy và hiểu biết thấu đáo Dương như chạm đến lĩnh vực nào, ông cũng rất am tường. Thường trước những câu hỏi hóc búa, ông lại đưa ra được những lý giải sắc sảo, đúng đắn và giản dị. Sau này theo dõi nhiều cuộc tiếp xúc của ông với giới báo chí, tôi vẫn có ấn tượng như vậy. Hữu Thọ là người luôn giữ vững nguyên tắc, nhưng lại không khô cứng và giáo điều, thêm nữa là thái độ xuề xòa gần gũi, nên đối với anh em phóng viên, dường như ông không có khoảng cách nào cả. Chúc tước chỉ là tấm áo khoác.

Chẳng ai suốt đời cứ khoác mãi một tấm áo. Dù Hữu Thọ ở trong bộ trang phục nào thì người ta cũng vẫn thấy lồ lộ hiện ra trước mắt mình một người cầm bút, một nhà báo đàn anh, người bạn đồng nghiệp, cùng hội cùng thuyền. Có khen ông chân thành thì cũng không có mặc cảm mình là kẻ xu nịnh, mà nếu có yêu mến châm chọc ông, bốn cợt ông thì cũng không có cái cảm giác là mình sàm sỡ gần chùa gọi Bụt bằng anh. Chính đấy là cái ông hơn người. Có lẽ vì thế, một phóng viên của báo Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh đã hỏi một câu mà người yếu bóng vía có thể giật mình:

- Có người nghĩ nhà báo Hữu Thọ bây giờ như một cảnh sát báo chí, lúc thì bật đèn xanh, lúc lại bật đèn đỏ, ông nghĩ như thế nào về điều này?

- Ô, thế à, thật như thế à? - Hữu Thọ tùm tùm cười - Sao anh chị em lại nghĩ về mình như thế nhỉ? Mà nếu thế thì cũng có sao đâu nhỉ? ở ngã ba, ngã tư đông người thì phải có đèn xanh, đèn đỏ và cả đèn vàng nữa chứ. Cũng là vì lợi ích của người đi đường, của kỷ cương xã hội. Có đèn thì đường phố trật tự, người đi đường đi nhanh hơn. Có phải thế không? Thế thì tội tình gì? Nhưng thực ra tôi cho rằng, đã là người làm báo, cái gốc là có được thông tin để bình giá theo lương tâm, theo sự trung thực của chính mình. Chúng ta đều đứng trên cùng một trận địa, cùng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Nếu cung cấp thông tin đầy đủ, cùng thảo luận xem việc gì nên làm, việc gì không nên làm thì rõ ràng là hay hơn. Tôi đã làm báo, tôi biết. Câu chữ viết ra từ cái đầu và trái tim. Phải tin, phải yêu thì viết mới hay. Không áp đặt được đâu. Nhưng làm gì cũng phải có luật lệ chứ.

Hữu Thọ chẳng né tránh điều gì. Dù đã từng giữ nhiều trọng trách: Tổng biên tập báo Nhân Dân, rồi Trưởng Ban Tư tưởng Văn hoá trung ương nhưng ông vẫn không bỏ viết. Hữu Thọ trước sau vẫn là người của nghề, vẫn đau đầu vì nghề, vẫn mất ăn, mất ngủ vì không viết được những bài báo hay. Còn thế nào là một bài báo hay ư? Cứ theo Hữu Thọ thì trả lời câu hỏi ấy không dễ dàng gì. Ông bảo:

- Chính tôi cũng chẳng biết viết như thế nào cho hay, cho thành công, vì mỗi bài báo là một sự thử thách. Nhưng tôi biết bài báo sẽ

thất bại nếu đưa ra câu trả lời chỉ để vừa lòng tất cả mọi người, hoặc chỉ vừa lòng một vài người...

## II

Trong cuộc đời làm báo của mình, Hữu Thọ cũng vất vả lắm, gian nan lắm, đâu phải lúc nào cũng êm chèo, mát mái. Ông hoạt động cách mạng từ rất sớm. Mới ngoài hai mươi, ông đã tham gia Thường vụ thị uỷ thị xã Hai Dương. Năm 1957, ông nhận được một lúc hai quyết định: Một là quyết định của Tỉnh uỷ Hải Dương cử ông về Ninh Giang làm bí thư huyện uỷ. Hai là quyết định của Khu uỷ Tả Ngạn bổ sung ông về công tác ở báo Nhân Dân. Tình thế bắt buộc ông phải lựa chọn. Nhà báo Lê Điền, phóng viên báo Nhân Dân lúc bấy giờ đang về viết ở Hải Dương bảo ông: Nếu cậu muốn làm quan thì theo quyết định của tỉnh, còn thích cuộc đời phóng khoáng như bọn mình thì về báo. Làm báo cũng là phục vụ nhân dân thôi

Hữu Thọ không chọn con đường làm quan, mà chỉ chọn làm một anh nhà báo. Ông làm lính của báo Nhân Dân từ thuở ấy. Ở trong môi trường báo, ông cũng tập sống như cánh nhà báo, cũng nhí nhách cà-phê, cũng đâm chiêu nhả khói thuốc lá mà rồi đâu đã thành được nhà báo. Chuyến đi đầu tiên của ông là đi Hoà Bình, viết về đời sống của nhân dân miền núi. Kết quả là một bài viết na ná như bản báo cáo tổng kết thành tích trong năm của cấp lãnh đạo cơ sở, dài 1200 âm tiết. Tổng biên tập Hoàng Tùng không một chút khoan nhượng đã thiên hết, chỉ để lại phong phanh chừng ngót một phần mười. Hoàng Tùng bảo: Lẽ ra cậu chưa nên đi công tác vội. Phải biết nghề báo là cái gì, cách viết báo thế nào đã rồi hãy viết chứ. Bài báo đầu tiên đã thất bại. Một loạt bài sau cũng chẳng hơn gì. Nhà báo Thép Mới lại giới thêm cho ông một gáo nước lạnh nữa: Cậu viết chán bỏ mẹ. Không xức được?. Hữu Thọ buồn lắm. Ông nghĩ, hay là mình đã chọn nhầm nghề mất rồi. Ông lân la tìm Thép Mới, coi Thép Mới như một người thầy đầu tiên. Thép Mới thủng thẳng: Tao thấy mày độc dựa ý kiến ông này, ý kiến ông nọ, rồi cấp



này, cấp nọ, chẳng thấy đâu là ý kiến riêng của mày. Chán là chán chỗ đó. Cứ viết thế thì ai đọc? Thấy Hữu Thọ buồn, Thép Mới bảo: Cậu chưa chi đã nản. Làm việc gì cho giỏi mà chẳng khó. Còn cứ làng nhàng thì khó quái gì. Phải đi vào góc ngách đời sống. Phải tạo cho mình một lối nghĩ riêng, phải có suy nghĩ thật mới thì người ta mới đọc. Nên bắt đầu từ những hiểu biết sâu sắc của mình. Rồi Thép Mới đổi giọng thân mật: Thôi, về nghỉ đi. Tao thấy mặt mũi mày cũng được đấy, chẳng đến nỗi nào...

Đấy chính là những bài học đầu tiên của Hữu Thọ về nghề báo. Sự hiểu biết sâu sắc thấu đáo của ông lúc bấy giờ chủ yếu là cuộc kháng chiến chống Pháp, là đời sống nông dân trong các làng quê vùng Thái Bình của ông. Thế là ông trở lại quê hương Thái Bình, viết về sự biến đổi của đời sống nông dân trong thời kỳ mới. Bài viết Những con đường kháng chiến quê tôi của ông khá dài, Thép Mới cho đăng ngay, không hề chữa một chữ. Tổng biên tập Hoàng Tùng cũng khen: Bài cậu viết được đấy

Lời khích lệ dù còn rất dè sẻn ấy của bậc đàn anh cũng đủ sức giữ ông ở lại làng báo. Rồi Hữu Thọ đi chiến trường, làm phóng viên mặt trận ở Vĩnh Linh, Quảng Trị, rồi Khe Sanh cùng với những bài viết nóng hổi hơi thở của mặt trận. Bây giờ, Hữu Thọ đã là một nhà báo nổi tiếng, và hơn thế, ông là một nhà báo lớn, tác giả của hàng ngàn bài báo, đã nhiều lần nhận giải thưởng cao nhất của Giải Báo chí toàn quốc. Sau này, dù phải đảm đương nhiều trọng trách, ông vẫn không rời cây bút. Ngày nào ông cũng viết, và thường chỉ viết tranh thủ vào giờ nghỉ trưa, từ 12 giờ đến 1 rưỡi. Ấy là giờ riêng của ông. Còn suốt ngày là các công việc sự vụ. Tối ông đọc sách. Ông đọc rất nhiều, đủ các thể loại. Đọc sách đối với ông cũng là một kiểu đi thực tế, một cách trau dồi kiến thức. Hữu Thọ cho tập hợp các bài viết của mình thành bốn tập sách dày dặn Người hay cãi, 99 chuyện đời, Sông đỏ sông đen và Cửa chùa. Sau đó tuyên lại gộp chung vào một cuốn dày đến hơn 800 trang. Đó là một việc làm táo bạo, nếu không nói là mạo hiểm. Bởi báo chí là chuyện cập nhật, chuyện hàng ngày mang tính thời sự. Khi sự việc đã qua rồi thì mọi chuyện cũng đã qua. Nhiều bài rất hấp dẫn ở thời khắc ra đời của nó, sau đọc lại thấy bẽ bàng, cũ rích. May sao, Hữu Thọ thoát được hiểm hoạ ấy. Cuốn sách rất dày, bán rất đắt, mà vừa ra đã được tái bản



ngay, quả cũng là một điều hiếm thấy. Hữu Thọ bàn đến nhiều vấn đề trong xã hội hiện đại, từ kinh tế đến văn hoá, giáo dục rồi những chuyện thể thái nhân tình, cả những chuyện vặt vãnh hàng ngày. Hầu hết là những bài báo ngắn. Đặc sắc nhất trong tập lại là những bài cực ngắn. Có bài chỉ một vốc chữ, tãi ra không đầy một gang tay, nhưng lại đề cập đến nhiều vấn đề lớn, có chất thời sự mà vẫn có tính muôn thuở. Tỷ như Hữu Thọ bàn đến chuyện đoàn kết nội bộ. Bài báo có tên là Chó cắn suốt đêm. Hữu Thọ kể một lần về địa phương tiếp xúc cử tri. Sau khi xong việc, ông đi dạo quanh xóm, hỏi thăm đời sống bà con. Một cụ bà bảo ông: Gớm, đêm qua, tôi chẳng ngủ được, ông ạ. Có chuyện gì thế cụ?. Chó cứ cắn suốt đêm. Ông đã về đây, thì ông còn lạ gì! Bà cụ chỉ bóng gió vậy, rồi hỏi gì cũng không nói nữa.

Muốn biết lòng dân thì phải tìm hiểu. Hữu Thọ la cà hỏi chuyện, mới hay làng có cuộc bầu bán một chức vụ gì đó trong cơ sở Đảng. Thế là cả làng cứ xì xì xầm xầm những chuyện nhân sự. Rồi ba bè bảy nhóm thậm thà thậm thụt đi vận động suốt đêm. Chó cứ nường theo những bước chân rón rén mà sữa ông ổng đến sáng, làm cho dân không thể ngủ yên được. Bà già mượn tiếng chó sữa để bóng gió nói nỗi lo lắng của dân về sự mất đoàn kết nội bộ, trong việc tranh giành một cái ghế lãnh đạo ở cấp cơ sở Cái ghế thì bé, nhưng việc bè cánh, phe phái trong cơ sở Đảng thì lại chẳng bé chút nào. Nó chính là hiểm hoạ làm cho dân chán nản, mất niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Còn bàn chuyện ký kết kinh tế, Hữu Thọ có một bài viết cũng rất ngắn. Bài Gói ruốc và chiếc ô-tô. Ông kể về chuyến công tác của ông xuống cơ sở. Một vị lãnh đạo địa phương mời ông lên chiếc xe ngoại mới. Được giải thích là, khi mua một chiếc tàu biển, Hãng bán hàng biếu không cho hai chiếc xe du lịch. Một cho đồng chí chủ tịch. Một cho đồng chí bí thư. Mới hay, cái Hãng buôn bán nước ngoài này cũng lỏi đời, biết ở ta không chỉ có chủ tịch mà bí thư cũng to, cũng quan trọng không kém nên đã biếu cả hai, chứ không biếu một. Các nhà buôn thương rất biết tiêu tiền. Họ đâu có ném tiền ra gió. Rồi ông chợt nhớ đến cái thời còn là đứa trẻ thò lò mũi xanh. Bây giờ ở phố Hàng Giấy có một ông chủ hiệu rất tinh quái, đã hiểu thấu bụng dạ trẻ con, biết chúng thích ăn vặt và món chúng

mê nhất là ruốc, nên thường bán mỗi cuốn vở, ông ta lại tặng riêng cho mỗi đứa một gói ruốc. Gói ruốc chả đáng là bao. Thế nhưng vì sở thích ấy, lũ trẻ thời đó sẵn sàng mua những cuốn vở xấu xí, không đủ chất lượng, bao nhiêu vở, chúng cũng mua hết, bởi vì tiền của bố mẹ, chứ tiền quái gì của mình. Còn gói ruốc thì lại của riêng mình rồi. Gói ruốc và cái xe ô-tô là hai thứ rất khác nhau, và hai thời cũng rất khác nhau, là chuyện một trời một vực. Bây giờ lớn rồi, ai lại nhận gói ruốc. Có nhận thì cũng nhận cái gì ra tầm ra món, cho bố với chữ ký. Người lớn chứ đâu phải trẻ con. Nhưng có khi to đầu mà vẫn còn dại dột, nếu vẫn cứ nghĩ: Tiền của bố mẹ, chứ tiền quái gì của mình. Rồi sự thể sau này muốn ra sao thì ra. Đến lúc có sự cố thì khi đó đã là việc của người khác, lo gì?

Có khi Hữu Thọ lùi sâu một khoảng thời gian, lùi đến mấy thế kỷ để bàn về cách dùng người, về mẹo trị dân của các bậc vua chúa. Bài Quần hiền và trảo nha cũng chỉ không đầy ba trăm âm tiết. Thời nào cũng vậy, một người dù hiền tài đến mấy, hoặc bạo ngược đến mấy cũng không thể một mình cai trị đất nước, hay trấn trị một phương. Cho nên mới phải dùng người biết bao lời khuyên về việc dùng người và cũng biết bao cách dùng người. Các nhà nghiên cứu những truyện cổ kim cho rằng các vị vua chúa thường chỉ có hai phép: Quần hiền và trảo nha. Quần hiền là phép tụ tập người hiền tài, muốn nghe chước lạ mưu hay, dùng người đúng việc và kính trọng mọi người, kể cả những người nói ngang, để hình thành một lực lượng hùng hậu, chân tài dưới cờ nghĩa. Còn trảo nha là nanh vuốt, từ điển còn chua nghĩa đời thường là vây cánh, bè đảng. Người dùng thuật trảo nha chỉ nghe một số người, tin một số người, tạo thành tay chân, cài cắm ở mọi nơi và trong mọi việc, lấy đạo trung thành với mình làm mục tiêu, bất kể phải trái. Vua hiền thường dùng phép quần hiền, nhưng lại có lúc dùng thuật trảo nha. Thuở hàn vi lập nghiệp, các vua ta hay dùng phép cầu hiền để quần hiền, khi thoả mãn địa vị cao sang thì làm điều cần rõ, không nghe lời ngay thẳng, lòng tin bị ngả nghiêng thì nghi kỵ lan tràn, cho nên hay dùng thuật trảo nha. Quần hiền thì mây lành hội tụ. Sức lực đầu yếu, nhưng sau mạnh. Trảo nha thì lũ hung đồ và nịnh bợ xuất hiện, bạo lực lan tràn, cũng có lúc mạnh, nhưng lại là cái mạnh nhất thời, lâm vào thế phòng thủ, cho nên là thế yếu và lòng dân ly

tán.

Đoàn kết của ta theo đạo lý Bác Hồ và theo phép Bác Hồ mà thành đại đoàn kết. Quần hiền là phép nên theo, không phải chỉ trong chuyện to tát như cai trị đất nước mà cả trong chuyện làm ăn của từng cơ sở nhỏ nhất.

Các bài báo của Hữu Thọ thường như vậy ông bàn đến nhiều vấn đề lớn trong một bài rất nhỏ. Dù chuyện xưa hay chuyện nay. Tóm tắt bài viết của ông có khi lại còn dài dòng hơn nguyên bản ông viết. Hữu Thọ có khả năng thời sự hoá những chuyện đã trở thành vĩnh cửu và vĩnh cửu hoá những chuyện tưởng như là thời sự, thậm chí cả những cái vụn vặt hàng ngày, chúng ta có thể thấy rồi bỏ qua, nhưng Hữu Thọ vẫn có thể dựng chúng thành những bài báo đọc không nhạt, người đọc cũng không nghĩ đây là chuyện vụn vặt. Đó là cái tài và cũng là cái tâm của một nhà báo. Những người như thế, trong giới báo chí của ta cũng đâu có nhiều...

## TRẦN ANH THÁI, BẠN TÔI

Thơ ca đồng nghĩa với cái đẹp, thuộc về phái đẹp. Bởi vậy, người ta gọi nó là nàng thơ. Tôi cứ hình dung nàng là một người đàn bà kiều diễm và lẳng lơ. Đã thế, nàng còn có đôi mắt lác ướt át. Chính con mắt lác này đã làm khổ người đời. Bởi anh nào theo đuổi nàng, cũng ảo tưởng ngỡ nàng liếc mắt đưa tình với mình, ngỡ nàng ngấm mình đắm đuối lắm. Thực tình, nàng chỉ là một mù đồng đánh ích kỷ, nhưng rất có ý thức về cái nhan sắc đẹp đến bí hiểm của mình. Nàng núng nính đi giữa giới mây râu, con mắt lác lúng liếng tọt ve vuột hai bờ vai thon thả, óng nuột của chính mình. Nàng tự yêu mình đấy. Vậy mà gã si nào cũng ảo tưởng là đang được nàng yêu. Ấy thế mới khổ. Khỏi anh hoá thân tàn ma dại vì đeo đuổi nàng. Tôi có một anh bạn là nhà kinh doanh giám đốc công ty giày dép, một ông chủ giàu có, của nả đề huề, thế rồi dùng một cái, hoá ra anh ngẩn ngơ, đến nỗi phải bán vật liệu, bán xí nghiệp rồi bán nốt cả đất cát, nhà cửa, làm cái anh phá sản, chỉ còn thiếu nước đứng đường. Khổ? Ăn phải bả nàng đấy? Lại có anh nửa đêm đến gõ cửa buồng tôi: Giời ơi, tao buồn quá, mày ạ? Hôm nay có hai thằng nát rượu phóng Honda, nó vận đèn to hết cỡ, rồi dang tay ra chặn tao. Láo! Tao phóng thẳng vào giữa mặt chúng, thì giời ơi, hai thằng giời đánh ấy lại có phép tàng hình. Nó biến thành xe tải. Lù lù một cái bò ma. Chính cái thằng bò ma này đã nghiền Xuân Quỳnh với Lưu Quang Vũ đấy. Láo? Tao lao thẳng vào mũi nó. Chứ lại sợ nó à? Tao không sợ thì tất nó phải sợ tao. Thằng lái nhảy xuống, lạy như bồ cùi: Bồ ơi, con biết bồ muốn thăng thiên rồi. Nhưng bồ thương con với. Con còn cả một đồng vợ con, con mà rũ tù thì chúng nó chỉ còn một cách là đi ăn mày. Thôi, con biếu bồ một trăm ngàn để bồ uống rượu. Rồi bồ tha cho con! Hề? Thế là tao tha đấy. Tha? Biết thân biết phận thế thì tha. Láo?

Rồi anh khóc ồ ồ. Gương mặt xòm xoàm râu ria nhem nhuốc nước mắt. Rồi anh ngồi bệt xuống sàn nhà, rút trong cái túi vải đựng thơ một chai rượu đế, rót ồng ộc ra cái cốc vại: Sao, mày không

uống được rượu à? Tịt hoàn toàn à? Giời ơi, thế thì mày khổ quá? Tao thương mày quá? Mày là thằng bất hạnh nhất thế gian này! Giời cho mày một tí may mắn, nhưng giời lấy đi của mày nhiều thứ quá. Mày có biết mày là thằng khôn khổ, khôn nạn không, hở Khoa? Tao thương mày quá

Thế là anh lại khóc. Khóc vì thương tôi. Còn tôi thì trở mắt nhìn anh. Không ngờ anh đến nông nổi này. Một kỹ sư hoá, phó tiến sĩ hoá học, từng du học nhiều năm ở nước ngoài, về làm ở nhà máy bánh kẹo. Một nhà máy lớn có tiếng. Nhiều lần cấp cặp đi nước ngoài. Anh không còn thiếu thứ gì. Nhưng những cái anh có, anh lại không thiết. Anh chỉ thích cái anh không có. Đó là thơ ca. Đối với anh, chỉ thơ ca là vĩnh cửu. Bởi thế, anh quyết làm thi sĩ. Nhưng chưa kịp thành thi sĩ, anh đã hoá con ma men mất rồi. Ăn phải bả của cô nàng mất lác ấy rồi!

## II

Gần đây cái cô nàng quái quỷ này lại bỏ bùa mê thuốc lú một ông bạn nữa của tôi. Đó là nhà báo Trần Anh Thái, một anh chàng lanh lợi, thông minh, đầu óc lúc nào cũng tỉnh queo như sáo tẩm. Thực tình, Thái phải lòng cô ả này từ lâu lắm rồi, đầu như hồi anh mới vào bộ đội, và rồi còn từ trước đó nữa, thuở anh còn là một chú học trò nhà quê, sống ở miền đồng bãi Thái Bình. Thế rồi dẫn đo mãi, rụt rè mãi, đầu năm 80, anh mới chính thức tỏ thề bộc lộ tình yêu của mình với nàng. Bức thư tán nàng đầu tiên, là bài thơ anh kể chuyện mấy ông bộ đội sau chiến tranh, đi khai hoang làm kinh tế ở Tây Nguyên. Bài thơ in trên báo Quân đội nhân dân này đã mang đến cho anh niềm vinh quang mà anh, một người lính từng bị thương trong trận mạc, đang lặn lội dưới các đơn vị cơ sở không ngờ tới. Nghĩa là đọc thơ anh, bạn đọc thấy có thể trao cho anh cái giải nhất về... báo chí. Những người có con mắt xanh ở báo Quân đội nhân dân đã nhắc anh lên toà báo. Rồi từ đấy, bạn đọc quen dần với tên tuổi anh, một cây bút sung sức ứng chiến trên nhiều thể loại, đề tài. Anh viết phóng sự, ký sự, bút ký, truyện ngắn. Rồi dùng cái,

anh ném ra cuốn tiểu thuyết dày cộp Số phận nghiệt ngã. Đến cuốn sách nặng trĩch như một viên gạch xỉ này người ta tưởng anh đã đoạn tuyệt với cô nàng thi ca. Có lẽ chính nàng cũng tưởng anh bỏ nàng mà tháo chạy. Ai ngờ đó là đòn nghi binh. Rồi đột ngột anh vu hồi đánh úp nàng. Anh tấn công cô nàng tới tấp. Ròng rã một năm trời, khắp trong Nam, ngoài Bắc, cả ở những vùng địa phương hẻo lánh, đến đâu tôi cũng nghe thấy tiếng trống trận thì thòm của Trần Anh Thái. Rồi cứ một hai ngày, anh lại nhét qua cửa sổ phòng tôi một tờ báo có in trát lệnh của anh. Trát lệnh truy bắt nàng thơ. Tập thơ Độc thoại trắng là một tập hợp những chiến mã và giáo mác của anh trong các trận huyết chiến ấy. Liệu anh có chinh phục được trái tim đồng đánh của cô nàng trái tính trái nết đó không?

Có đấy!

Ấy là khi anh ngồi trước mộ cha, anh thắc thom chờ tiếng rao đêm của bà già bán bánh khúc, anh thỏn thức trước căn lều dột nát của ông già đánh cá ngoài đồng không mộng quạnh. Tôi hiểu vì sao có lúc Trần Anh Thái buồn nẫu, gương mặt xương xương vốn hoạt bát, linh động, bỗng thoát sâm sẫm héo hắt như vòm cây vừa tắt nắng. Trong một lần như thế, Trần Anh Thái đọc cho tôi nghe một bài thơ về đêm lễ giáng sinh. Ấy là đêm Noel. Người ta nô nức đến nhà thờ. Người ta muốn làm người thánh thiện, muốn vươn tới cõi thiện nhằm tiếp cận với Chúa. Nhưng những con người luôn tôn thờ Chúa kia lại quên mất một điều: Chúa chẳng phải ở nơi xa xôi nào cả. Chúa đang hiện hình thành một người đàn bà nhà quê hành khất, đói rét và còm cõi, đang lập cập chìa bàn tay ra, lòng bàn tay mà có nhà thơ đã viết là sâu như cõi thế gian ấy, để cầu xin chút lòng thánh thiện của người đời, ở ngay trước nơi ngự trị của Chúa Lòng Lành. Nhưng rồi chẳng có một ai để ý đến bà già. Và hôm sau, vị Chúa giáng thế ấy đã bị cái đói, cái rét đóng đanh câu rút ngay trên ghế đá vườn hoa.

Trần Anh Thái ngồi lặng. Mái đầu rũ xuống. Hai tay chấp chới như muốn vén một bức màn vô hình nào đó. Phải, có lẽ đó là bức màn ngôn ngữ chẳng? Chính bức màn âm u ấy đã che khuất tầm nhìn của người đọc, khiến họ không nhìn thấy rõ thoi những cái anh đã thấy. Con người vốn thung thăng, lúc nào cũng tươi buổi,

cười nói tuế toá như một gã địa chủ được mùa này, ai ngờ lại đeo trong ngực mình một trái tim phụ nữ đa sầu, đa cảm. Một mình tôi với chiều tà đa mang. Đây là một nét chân dung mà Trần Anh Thái tự phác hoạ mình. Phải! Anh là một người đa mang. Anh biết rung động trước nỗi khổ của những con người bất hạnh. Bằng sự rung động này, anh đã tiếp cận được với thơ ca. Mới hay, cái cô nàng kiêu diễm, nhưng khùng khỉnh trái nết có tên là thi ca này, cũng có một trái tim trắc ẩn. Bởi thế, thơ ca dường như chỉ đồng hành với những nỗi đau khổ của thế gian thôi. Trần Anh Thái đã nắm được cái gót chân Asin ấy. Tuy nhiên, để chinh phục hoàn toàn trái tim cô nàng, ngoài việc hiểu nàng một cách sâu sắc và thấu đáo như vậy, lại còn cần phải có một cái lưỡi thuyết khách. Bởi nàng là phái đẹp. Phái đẹp yêu bằng tai, chứ đâu có yêu bằng mắt. Về khả năng thuyết giáo này, Trần Anh Thái chưa phải là một người giàu kinh nghiệm. Bởi có lúc, anh còn tỏ ra lúng túng, ngượng nghịu. Nhưng người đời vẫn quên đi cái đáng về vụng về ấy để đón nhận tấm lòng chân thành của anh. Bởi thơ ca, suy cho cùng, vẫn là tiếng nói của tấm lòng. Nói như một nhà thơ nước ngoài:

*Nếu ai biết để trái tim mình nói*

*Thì người đó mới là thi sĩ*

Còn một nhà thơ thông thái khác thì xui: Bạn hãy gõ vào trái tim người đọc. Thơ ca nằm ở đó

Trần Anh Thái không phải chỉ biết gõ vào trái tim ta, anh còn nồng nhiệt trao cho ta cả trái tim nhiều trắc ẩn của anh. Đó là trái tim của một thi sĩ



## GIÁO SƯ NGUYỄN LÂN

Tôi biết giáo sư Nguyễn Lân đã lâu. Biết từ trước khi được vinh hạnh gặp ông. Ấy là vào những năm 67, 68 gì đó. Khi ấy tôi bắt đầu nhòe làm thơ và đã có thơ in trên các báo. Lúc bấy giờ, người làm thơ còn ít lắm, trẻ con làm thơ lại càng ít. Bởi thế mà nghiêm nhiên, tôi trở thành của hiếm. Nhà tôi lúc nào cũng nườm nượp khách. Nhiều cô bác đến thăm tôi, còn mời tôi đi các hội nghị đọc thơ, nói chuyện thơ. Tôi nhớ có lần, tôi đã xúc động kể về thầy giáo của mình. Thầy dạy chúng tôi hồi đầu lớp Một được mấy tháng thì thầy lên đường nhập ngũ. Năm sau, thầy hy sinh ở Khe Sanh trong một trận chiến đấu giáp lá cà với lính dù Mỹ. Thầy chiến đấu rất dũng cảm, bắn đến viên đạn cuối cùng và hy sinh như một người anh hùng. Rồi tôi đọc bài thơ viết về thầy. Đọc và giàn giụa nước mắt. Vậy mà người nghe lại rúc rích cười. Thoạt đầu chỉ có mấy người ở hàng ghế trên. Rồi thì cả hội trường đều cười. Đến thế là có chuyện rồi. Tôi hoảng quá. Chắc chắn mình đã có gì sơ suất. Tôi lạng lẽ và bí mật kiểm tra lại quần áo, đặc biệt là mấy hàng cúc. Không, không có gì luộm thuộm. Tất cả đều chẵn chu, nghiêm túc. Tuyệt không có lỗi gì hết. Vậy thì tại sao thiên hạ lại cứ rúc vào lưng nhau mà cười nhỉ? Chuyện mình kể có gì đáng buồn cười đâu. Bài thơ khóc thầy lại càng không thể cười được. Vậy thì tại sao nhỉ?

Sau khi rời khỏi diễn đàn, tôi mới biết mọi người không nhìn được cười vì tôi nói ngọng. Lẫn lộn giữa l và n. Nhược điểm ấy thì tôi đã biết. Nó là cái tật mà tôi không sao sửa được. Trừ Trần Nhuận Minh, anh cả tôi, rời làng từ năm tôi mới có một tuổi, để làm ông giáo ở xứ người, còn thì cả nhà tôi nói ngọng, cả làng tôi nói ngọng, thầy cô giáo tôi cũng nói ngọng nốt. Thế thì làm sao mà tôi sửa được cái tật đã trở thành thổ ngữ của cả một vùng đất. Sau này, có một thầy giáo ở Trường đại học Sư phạm về quê tôi thực tập. Thấy tôi nói ngọng thầy tặng tôi cuốn Từ điển chính tả. Cuốn sách dày đến mấy trăm trang, in rất đẹp bằng một thứ giấy trắng và mỏng. Vào những năm chiến tranh khốc liệt, ba đứa chung một

cuốn sách giáo khoa in bằng giấy rơm đen nhem, có được một cuốn sách sang trọng như thế, đâu có dễ. Tác giả cuốn sách ấy là giáo sư Nguyễn Lâm. Cứ theo lời thầy thì giáo sư Nguyễn Lâm là một học giả lớn. Cả đời ông cống hiến cho sự nghiệp giáo dục. Ông không tiếc sức mình trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Thấy ai đó nói ngọng, hoặc viết sai tiếng Việt là ông đau đớn lắm, bứt rứt lắm. Lũ trẻ nhà quê chúng tôi cứ quây quanh thầy mà nghe chuyện ông. Chuyện nào cũng có những tình tiết lạ lùng, nghe còn hấp dẫn hơn cả những câu chuyện cổ tích. Ví như có lần, người ta mời giáo sư Nguyễn Lâm đến dự một bữa tiệc linh đình. Mọi người đã ngồi vào bàn. Rượu cũng đã rót ra cốc. Nhưng rồi giáo sư Nguyễn Lâm thấy chén rượu đắng ngắt khi nhìn thấy trên tường có một dòng khẩu hiệu viết sai đến mấy lỗi chính tả. Thế là ông dùng dùng bỏ tiệc ra về. Ông không còn bụng dạ nào mà ăn nổi bữa tiệc ấy. Rồi lại một lần khác nữa, lần này còn ác chiến hơn. Máy bay Mỹ nhào tới. Bom nổ dữ dội. Giáo sư Nguyễn Lâm chạy ra căn hầm công cộng của khu phố, thấy trên nóc hầm lô lô một dòng chữ cũng lại viết sai chính tả: Hầm chú ẩn. Ông đâu có phải là chú. Thế là ông nhất quyết không chịu chui xuống hầm, mặc cho bom nổ xung quanh...

Mãi đến sau này, tôi mới có dịp được gặp giáo sư Nguyễn Lâm. Đó là một chiều hè năm 1970. Lần ấy, giáo sư đi cùng với các thầy giáo Trường đại học Sư phạm. Đoàn đi Hải Phòng, rồi tiện đường tạt qua nhà tôi. Tôi rất ngạc nhiên khi trong đoàn có giáo sư Nguyễn Lâm. Ông khác hoàn toàn so với những gì tôi đã tưởng tượng. Một ông già thanh mảnh, nhanh nhẹn trông hoạt bát như thanh niên. Vậy mà ông là nhà văn, cùng thời với cụ Hoàng Ngọc Phách, tác giả tiểu thuyết Tố Tâm nổi tiếng từ năm 1925, năm mà bà mẹ tôi mới có 5 tuổi. Nguyễn Lâm là tác giả của bốn cuốn tiểu thuyết nổi tiếng trước cách mạng, trong đó, cuốn Cậu bé nhà quê từng được dịch sang tiếng Pháp được đưa vào sách giáo khoa văn học phổ thông thời bấy giờ. Rất tiếc, tôi chưa được đọc bộ sách này của ông, nhưng cứ như lời nhận xét của nhà văn nổi tiếng Nguyễn Khải thì văn chương Nguyễn Lâm rất mềm mại và uyển chuyển, đọc thấy thật, tránh được khuôn sáo và biền ngẫu, tên nhân vật cũng giản dị, không réo rắt trong những cái tên kép như tiểu thuyết của Hoàng Ngọc Phách. Nghĩa là ông viết đã rất hiện đại, như văn

chương của thời 40, 45. Sau này, do bận công tác giảng dạy và mãi mê theo đuổi nhiều công trình khoa học, ông không còn thời gian dành cho văn chương. Suốt đời ông cặm cụi trong công việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Tôi hỏi ông về những câu chuyện thầy giáo kể thuở nào. Ông cười đầm đìa:

- Đây là giai thoại thôi, cháu ạ. Giai thoại thì có thể đúng, có thể người ta bịa ra cho vui. Bác rất yêu tiếng Việt. Vì nhiều người, trong đó có cả nhà văn nữa, cũng nói sai, viết sai tiếng Việt mà bác cặm cụi làm Từ điển tiếng Việt. Nhưng yêu tiếng Việt mà bom nổ cũng không chịu xuống hầm chỉ vì cửa hầm có dòng chữ viết sai chính tả thì là anh dở hơi, hoặc mất trí.

Nói rồi ông cười. Tiếng cười rất sảng khoái. Tôi biết ông nói rất thật lòng. Ông khuyên tôi phải chữa ngọng. Nhà văn mà nói ngọng thì không thể chấp nhận được. Rồi ông kể cho tôi nghe về một học giả nước ngoài. Ông ta cũng có tật nói ngọng. Để khắc phục cái căn bệnh ấy, cứ sáng sáng, ông lại ra bãi biển, đặt viên sỏi vào lưỡi rồi tập nói. Ông nói át cả tiếng sóng biển. Cứ cần mẫn như thế, ông chữa được tật nói ngọng. Sau này, ông còn trở thành nhà hùng biện, có khả năng thôi miên cả một biển người.

Tôi gặp giáo sư Nguyễn Lân có một lần như thế. Sau này, tôi còn nhận được thư ông. Ấy là khi tôi đoạt giải nhất cuộc thi văn lớp 7 toàn miền Bắc (Thời bấy giờ nước ta còn bị chia cắt). Bài văn đại loại: Bạn em học giỏi toán, nhưng lại không thích văn. Em hãy thư cho bạn nói cái hay, cái đẹp của văn học. Tôi đã viết một bài văn nghị luận theo dạng một bức thư cho bạn, bàn về cái hay cái đẹp của văn chương. Bài viết dài đến 8 trang giấy. Không ngờ lại được giải nhất với điểm ưu tuyệt đối 20/20. Nhiều người gửi thư đến chúc mừng tôi. Nhưng giáo sư Nguyễn Lân thì tỏ rõ sự thất vọng. Ông chê văn tôi viết lủng củng. Lý lẽ không chặt chẽ, thiếu sự giản dị và trong sáng của tiếng Việt. Tôi rất biết ơn lời nhận xét đó của ông. Những điều ông nói là nghiêm túc và đúng đắn. Sau này, tôi nhiều lần đến Nhà xuất bản Giáo dục, tìm anh Nguyễn Nghiệp, đề nghị rút bài văn đó ra khỏi tập văn tuyển dù nó đã từng được giải cao nhất, là bài văn hay nhất của một thời, nhưng không thể lấy cái vẻ đẹp đã trở thành ấu trĩ, lạc hậu của một thời ấy ra làm mẫu cho học

sinh bây giờ được.

Sau này, tôi ít có dịp gặp giáo sư Nguyễn Lâm, nhưng lại có nhiều thời gian tiếp xúc với các con ông. Đó là giáo sư Nguyễn Lâm Dũng, giáo sư Nguyễn Lâm Cường và nhạc sĩ Nguyễn Lâm Tuất. Họ đều là những trí thức có nhiều đóng góp cho nền văn hoá nước nhà. Đặc biệt là nhạc sĩ Nguyễn Lâm Tuất. Anh hiện đang sống ở Nga, là trưởng khoa sáng tác Nhạc viện Novosibirsk. Anh là một nhạc sĩ rất nổi tiếng ở Liên Xô trước đây, cũng như Nga bây giờ. Tác phẩm của anh đã được nhiều dàn nhạc lớn trên thế giới dàn dựng. Ngoài sáng tác, anh còn có nhiều công trình nghiên cứu về văn hoá Việt Nam. Mới đây nhất là cuốn Sân khấu truyền thống Việt Nam. Cuốn sách dày hơn 200 trang viết bằng tiếng Nga, in với số lượng lớn ở Nga. Nhiều học giả và bạn đọc nước ngoài, qua Nguyễn Lâm Tuất mà hiểu được bản sắc văn hoá Việt Nam, các loại hình và những nét đặc sắc của sân khấu truyền thống nước Việt. Không ít các giáo sư Nga đã lấy cuốn sách của anh làm tài liệu giảng dạy về sân khấu phương Đông, khi bàn đến tiến trình phát triển của sân khấu thế giới. Đó là một công trình đặc sắc của Nguyễn Lâm Tuất. Tôi rất mong cuốn sách ấy sớm được dịch ở Việt Nam. Năm nay giáo sư Nguyễn Lâm đã ở tuổi 95. Chỉ vài năm nữa thôi là ông sống trọn một thế kỷ. Ở tuổi 95, ông vẫn cặm cụi làm việc với một trí tuệ minh mẫn hiếm có. Công trình gần đây nhất của ông là bộ đại từ điển Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam, in khá lớn, dày hơn 2000 trang, với nhiều chú giải cặn kẽ, nhiều ví dụ sinh động được lấy từ các bài báo, các truyện ngắn, tiểu thuyết và thơ ca của các nhà văn, nhà thơ từ thời cụ Nguyễn Du cho đến tận bây giờ. Tôi thấy số lượng sách giáo sư đọc thật khủng khiếp. Có bao bộ Từ điển do cả một tập thể đảm trách mà còn nhiều sai sót, bất cập, khiến báo chí phải lên tiếng. Bộ Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam đồ sộ này, chỉ một mình giáo sư Nguyễn Lâm đảm đương. Tất nhiên trong cuốn đại Từ điển này, có thể vẫn còn có điều ta cần bàn thêm với ông. Nhưng ngay cả những người khe khắt nhất cũng phải công nhận thái độ rất nghiêm túc và khoa học của ông. Một mình ông làm bằng công việc của cả một viện ngôn ngữ. Công trình đồ sộ ấy, ông lại hoàn thành ở cái tuổi 95. Ấy là một kỷ lục không phải ai cũng có thể lập được.

## THEO VŨ CAO VỀ NGUỒN

## I

Tôi nhớ có lần, bên ấm trà đã nhạt, trong một căn phòng nhỏ ở nhà số 4 Lý Nam Đế, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã kể cho đám hậu sinh chúng tôi về cái cảm giác của ông khi lần đầu tiên trông thấy Nguyễn Công Hoan. Đứng trước cụ Hoan, Nguyễn Minh Châu cứ thấy rợn ngợp như đứng trước một con Khủng Long. Mà cũng phải thôi. Cụ Hoan có truyện ngắn in báo từ năm 1920. Mãi mười năm sau, cậu bé Châu mới ra đời. Bởi thế, đối với Nguyễn Minh Châu, cụ Hoan như người ở thế kỷ trước, ở mấy kiếp trước. Thế thì ông cụ đúng là con Khủng Long rồi còn gì!

Tôi cũng có cái cảm giác rợn ngợp như vậy khi nhìn thấy Vũ Cao. Đối với tôi, Vũ Cao cũng chẳng khác gì một con Khủng Long. Trông ông cụ cũng cổ kính lắm, hồng hoang lắm. Ông viết Núi Đồi khi tôi vẫn đang còn là một hạt bụi bay phiêu diêu, lơ lửng đâu đó trong cõi hoang dại. Nhưng khi hỏi ông về bài thơ đã làm nên tên tuổi ông thì ông chỉ cười hờ hớ. Cái cười cứ nhẹ tênh. Nhiều người bảo Vũ Cao hơn người ở tiếng cười ấy. Bằng tiếng cười đó, ông có thể vượt qua bao nhiêu sóng gió, phức tạp rồi ông còn trụ trì ở ngôi chùa thiêng có cái tên rất hiện đại: Tạp chí Văn nghệ quân đội. Anh em trong cơ quan với nhau đều thành người ruột thịt. Gặp nhau vui ríu rít. Đó là thời hoàng kim của Văn nghệ quân đội. Tạp chí tung ra đời hàng loạt tác phẩm đặc sắc. Bạn đọc cả nước đón nhận nồng nhiệt. Tạp chí thành một địa chỉ văn hoá đáng tin cậy của cả nước. Ở toà soạn của tạp chí, ngày nào cũng nườm nượp khách khứa. Nhà thơ Xuân Quỳnh bảo: Đây là cái nôi của những cây bút trẻ, là trụ sở thứ hai của Hội Nhà văn Việt Nam. Rồi có lần, chị còn đến tìm gặp Vũ Cao: Anh cho em tòng quân với nhé. Em chỉ làm lính của anh thôi. Anh xếp em việc gì cũng được. Vũ Cao vui lắm: Tốt quá!

Nhưng ở đây không thiếu nhà thơ, chỉ thiếu lãnh đạo thôi. Hay cô về thay tôi làm lãnh đạo nhé! Ôi dào ôi! Em tưởng là nhà thơ mới khó chứ làm lãnh đạo thì khó quá gì... Vũ Cao lại bụm miệng cười. Ông công nhận Xuân Quỳnh nói đúng. Làm lãnh đạo như ông chẳng khó gì, ông lãnh đạo mà lại như không lãnh đạo gì cả. Đó mới đúng là cách lãnh đạo văn nghệ. Điều này thì không phải ai cũng biết. Mình nghiệm thấy ở cái nhà số 4 này, anh nào thế nào thì nó đã như thế rồi. - Vũ Cao rủ rủ. - Người sắc sảo thì đã sắc sảo ngay. Người lùn mủn thì đến già cũng vẫn cứ lùn mủn. Giời sinh ra thế thì nó cứ thế thôi. Làm sao mà rèn luyện với giác ngộ được cơ chứ!

Còn nhớ hồi tạp chí in truyện ngắn *Hai người trở về trung đoàn* của Thái Bá Lợi. Đây là dạng truyện ngắn viết dài. Cái truyện cũng chẳng có gì ghê gớm. Chỉ mỗi một chi tiết: nhân vật chính là anh lính lại đi lừa một cô gái, thế mà rồi chẳng sao, lại lên cấp lên chức, rồi làm đến trung đoàn trưởng. Thế là âm ỉ lên. Một độc giả chống ba toong đến toà soạn gặp nhà thơ Xuân Sách, người biên tập cái truyện ngắn này:

- Cái truyện bậy quá! Phản động quá. Thế mà sao các anh lại cho in? Đề nghị phải bắt ngay tác giả!

- Vâng! Cụ nói chí phải. Cái truyện bậy bạ quá. - Nhà thơ Xuân Sách cười tủm tỉm. - Chỉ tiếc tác giả lại đang đánh giặc ở chiến trường. Người cho in cái truyện này là đại tá Vũ Cao. Ông ấy đang ở tầng hai đấy. Cụ lên bắt ngay đi, không ông ấy trốn mất.

Ông độc giả thập thễnh lên tầng hai, thấy Vũ Cao cười hô hô. Tiếng cười cứ nhẹ tâng. Hoá ra trời đất vẫn hoà bình, chẳng có gì ảnh hưởng đến an ninh thế giới.

Sau này, Vũ Cao chuyển ra ngoài quân đội. Ông để tiếng cười ở cơ quan, làm hồng phúc, hương hoả cho anh em ở lại.

## II

Mùa xuân năm nay hình như đến sớm hơn thường lệ. Mới giữa



tháng Mười đã thấy mưa bụi bay phiêu diêu như khói. Không khí đã nhuốm hơi xuân. Có gì băng khuâng, náo nức trong trời đất, trong lòng người. Tạp chí Văn nghệ quân đội làm một cuộc về nguồn. Trưởng đoàn là nhà thơ Vũ Cao, cựu tổng biên tập Tạp chí. Đi hộ tống nhà thơ còn có cả một đoàn tùy tùng, gồm đầy đủ các thành phần cơ cấu: Nhà văn lão thành cách mạng Nam Hà, nhà văn đương kim phó tổng biên tập Nguyễn Bảo, nhà phê bình Hồng Diệu, còn tôi làm anh lăng xăng. Thế là đủ cả ba thế hệ nhà văn cầm súng.

Ở làng Quặng, xã Định Biên, Thái Nguyên, nơi đóng quân của báo Cứu Quốc xưa, bây giờ Vũ Cao chỉ còn nhớ được hai kỷ niệm. Đó là một cây đa già và một cô gái trẻ. Cây đa chẳng biết có từ bao giờ, sùm soà buông rể uốn thành một cái cổng làng rất độc đáo. Còn cô gái trẻ tên là Ma Thị Chanh. Cứ như lời Vũ Cao thì cô Chanh đẹp lắm. Trong đời mình, dường như chưa bao giờ ông gặp một cô bé nào có vẻ đẹp như thế. Hình bóng cô cứ lung linh suốt trong ông.

Chiếc xe lướt như trôi trên con đường mềm như một dải lụa, lượn qua mấy dải đồi xập xoè những tán cọ xanh mỡ. Tôi quay lại, hỏi trêu Vũ Cao:

- Sao các bác tìm được chỗ ẩn nấp khéo thế. Đúng là An toàn khu. Ở đây còn an toàn tuyệt đối hơn nữa. Bởi chỉ có mỗi một con đường độc đạo này thôi. Hai ổ súng trấn ở hai ngọn đồi kia là xong rồi. Chẳng thằng địch nào có thể mò vào được. Đánh giặc như các bác thật sướng!

- Đâu có! - Vũ Cao cười hơ hớ. - Ngày xưa làm gì có con đường đẹp như thế này. Chỉ mỗi lối mòn phủ đầy lau sậy. Ngựa đi còn thấy khó, huống hồ người. Ấy vậy mà cũng rất nguy hiểm. Thôi Hữu đã hy sinh ngay khi đang đi trên con đường này đây. Tội. Cậu ấy khoẻ lắm. Người cứ chắc nịch như thợ cày. Ăn khoẻ. Ngủ khoẻ. Viêt khoẻ. Cậu ấy bị một quả mìn-chi-ê bắn trúng đầu. Thế là chết. Chết tang thương. Mà chết cứ như đùa...

Nói rồi, Vũ Cao ngồi im lặng, vẻ tư lự. Trông ông như một pho tượng đá. Mãi đến lúc nhìn thấy cổ nhân. Ông như mới choàng tỉnh, mới từ cõi đá về lại xứ người. Ấy là khi cây đa hiện ra trước mũi xe, che rợp cả một khoảng sân kho mà như lời Vũ Cao, trước đây, nó là



một bãi chợ, lèo tèo vài cái quán xiêu vẹo lợp lá mía. Cây đa đúng là rất già. Gốc và cành nổi mũi cuộn cuộn. Từ trên cao, buông xuống những chùm rễ to sụ, uốn vắt thành một cái cổng sùm sòa ôm lấy con đường rải sỏi chạy ngang qua cánh đồng sang mãi làng bên. Xưa kia, Thâm Tâm và ông ngày nào cũng hai lượt đi qua cái cổng làng này đến cơ quan và bếp ăn tập thể. Bây giờ trông nó vẫn thế. Cả cây đa nữa, vẫn y hệt như ngày xưa. Vũ Cao lặng ngắm cây đa. Còn tôi thì tò mò ngắm ông. Cảm giác như trước mặt tôi là hai cây đa đang đăm đăm đuổi ngấm nhau. Chẳng biết cây đa nào cổ kính hơn cây đa nào. Giọng Vũ Cao bùi ngùi:

- Đến đây, mình thấy nhớ Thâm Tâm quá. Mình hơn một năm sống với Thâm Tâm. Cái này, cứ như là có số trời sắp đặt ấy. Mình được tổ chức phân công sống cùng nhà với Thâm Tâm. Nhà cô Chanh, ở ngay đầu xóm kia thôi. Đây, nóc nhà sau mấy khóm lau ấy...

Đó là căn nhà sàn khá rộng, nằm khuất trong cây lá. Đường vào nhà đầy lá mục. Cỏ lau lan đến tận chân sàn. Thiên nhiên ở đây dường như vẫn giữ được nguyên vẻ hoang sơ như mấy chục năm trước. Bà Chanh mời chúng tôi lên nhà, rồi lúi húi pha nước. Nước lá rừng ngai ngải đắng. Nhưng Vũ Cao uống rất ngon lành. Hình như ông đã nghiện cái thứ trà rừng này từ xa xưa.

- Năm ngoái, bác lên vội quá, em chưa kịp ngả con lợn mời bác thì bác đã đi rồi.

Bà Chanh tỏ vẻ nuôi tiếc. Vũ Cao cười:

- Bây giờ già rồi chẳng ăn gì được đâu. Cô đừng bày vẽ làm gì?

- Ừ, đúng là bác Cao già rồi! Mà em cũng già rồi! ốm đau luôn đấy. Ngày xưa leo núi phăm phăm. Bây giờ chẳng leo núi cũng mỏi. Em cũng đã 67 tuổi rồi đấy, bác Cao ạ.

Quả là so với cái tuổi 67, bà Chanh còn trẻ lắm. Trông bà chỉ như người ở lứa tuổi 50. Má căng. Da hồng ửng như trái táo Mèo. Dáng nhỏ nhắn và nhanh nhẹn. Đôi mắt sáng. Hàm răng hạt na đen rưng rức. Mái tóc xanh dày búi cao, chưa có một sợi bạc. Bà cười, rất hồn nhiên:

- Ngày xưa có nhiều anh bộ đội yêu tôi lắm. Nhưng tôi không

dám lấy đâu. Bố mẹ tôi cũng không cho lấy, sợ phải theo chồng về xuôi, mất con. Nếu hồi ấy, tôi lấy chồng Hà Nội thì không khéo tôi lên tướng rồi. Tôi có nhan sắc nhé, lại có trình độ nhé. Thế thì lên tướng là cái chắc rồi...

- Nói đúng ra là chị có thể làm bà tướng. Là vợ một ông tướng nào đó...

Nhà văn Nam Hà nói chen vào. Bà Chanh lắc đầu, quả quyết:

- Không, tôi phải làm tướng kia. Làm vợ tướng thì cần gì phải học. Tôi có trình độ mà.

- Cô học lớp mấy hồi ấy?

Tôi đâm tò mò. Bà Chanh cười:

- Tôi học lớp Bốn mờ. Lớp Bốn là trình độ cao rồi đấy. Có thể làm tướng được đấy. Có phải thế không, bác Cao?

Vũ Cao bụm miệng cười:

- Đúng là cô Chanh ngày ấy đẹp lắm. Ở cả vùng này chỉ có hai cô đẹp thôi. Cô Chanh và em A Mai...

- Bà Mai bây giờ còn rồi. Răng rụng hết rồi. Còn em thì cũng thành Chanh héo, Chanh úa, Chanh thối, sắp vứt xuống lỗ rồi. Hồi bác Cao ở đây, em còn bé tí...

- Chính vì thế mà cô chẳng nhớ chúng tôi đâu!

- Chỉ có các bác nhớ em, chứ làm sao em nhớ được các bác. Mấy năm gần đây, thỉnh thoảng bác còn về. Còn một bác nữa thì không thấy về...

- À, đấy là anh Thâm Tâm. Anh ấy ở đây một năm. Rồi sau, chúng tôi về Cao Bằng. Anh Tâm mất ở trên ấy. Cô còn nhớ anh Tâm không?

Tất nhiên, bà Chanh không còn hình dung nổi gương mặt người chiến sĩ cách mạng ấy nữa. Bà chỉ mang máng nhớ có một người đàn ông đội chiếc mũ nồi, khoác tấm áo bông đã bạc, dáng nhỏ nhắn, hiền lành, rất ít nói, gương mặt lúc nào cũng trầm ngâm. Anh hay ngồi im lặng bên bếp lửa này. Bây giờ cái bếp vẫn thế. Cột nhà, xà nhà và mái lá vẫn đen óng bô hóng. Cũng tại đây, trong

một đêm mùa đông năm 1949, khí núi và sương rừng lùa từ chân sàn lên, buốt ngăn ngắt, Vũ Cao đã đọc cho Thâm Tâm nghe hai câu thơ Thâm Tâm mà ông rất tâm đắc:

*Ngoài cửa mưa bay, xuân bốc rượu*

*Tác lòng mong mỗi cháy tê tê...*

Đây là hai câu trong bài Vọng nhân hành, viết sau Tống biệt hành. Cả hai bài này, Thâm Tâm muốn ném vào dĩ vãng. Ông quyết giã từ nó để đến với cách mạng, không muốn vướng víu những nỗi buồn xưa cũ. Không ngờ, những cái ông toan vứt bỏ, người bạn đường của ông - nhà thơ cách mạng Vũ Cao - lại trân trọng gìn giữ và nâng niu. Điều ấy làm ông vừa bối rối vừa sung sướng. Sau đó, ông cùng Vũ Cao đi chiến dịch Biên giới, rồi lên Cao Bằng. Hai ông vẫn ở cùng nhà. Đầu năm 1950, Vũ Cao cùng một đoàn cán bộ sang công tác bên Trung Quốc. Thâm Tâm tiễn ông ra đầu bản: Thôi, Cao đi nhé. Mình thấy trong người khó chịu quá!. Vũ Cao tưởng ông chỉ ồm xì xằng như mọi bận thôi. Ai ngờ sau trận sốt đó, ông ra đi mãi mãi...

- Khổ bác ấy quá nhỉ. - Bà Chanh bùi ngùi. - Thế mà em không biết bác ấy là Thâm Tâm. Bài thơ của bác ấy, con Bính nhà em, con Ma Thị Bính ấy, bác Cao ạ, nó vẫn dạy cho học trò. Thế mà cả nhà chẳng ai biết bác ấy đã từng ở đây hơn một năm giờ...Tội quá?...

## CÙNG NHÀ VĂN TÔ HOÀI NGẮM PHỐ PHƯỜNG HÀ NỘI

Tô Hoài là một nhà văn lớn với số lượng tác phẩm đồ sộ. Ông viết đủ các thể loại: từ tiểu thuyết, truyện vừa, bút ký, ký sự, truyện ngắn, hồi ký, tự truyện, tiểu luận phê bình, truyện viết cho thiếu nhi, cho đến cả các bài báo ngắn, các bài điểm sách chỉ bằng một... bàn tay trẻ con. Tô Hoài thực sự là nhà văn chuyên nghiệp. Nghĩa là ông hoàn toàn sống được bằng nghề văn. Ngồi đâu, ông cũng viết được văn, kể cả trong những lúc hội họp. Có người còn kể rằng, trong một hội nghị quốc tế sang trọng, Tô Hoài ngồi ghế chủ tịch đoàn. Người ta ngạc nhiên khi thấy ông cứ lật sổ viết nhoay nhoáy. Tưởng Tô Hoài ghi biên bản hội nghị. Hoá không phải. Ông đang viết tiểu thuyết. Không ít tác phẩm nổi tiếng của Tô Hoài đã ra đời trong những hoàn cảnh đặc biệt như thế. Ta hiểu vì sao Tô Hoài có được một lượng sách thật đồ sộ: 175 tác phẩm, nhiều hơn gấp đôi số tuổi của ông. Đó là một con số kỷ lục mà không phải nhà văn nào trên thế giới cũng có thể đạt được. Năm nay, nhà văn của chúng ta đã vượt qua cái tuổi cổ lai hy, nhưng sự sáng tạo vẫn rất trẻ trung và sung sức. Tô Hoài là nhà văn không có tuổi già. Ở ông không có dấu hiệu của tuổi già. Một trí tuệ tinh táo và thông minh đến mức... tỉnh quái. Nhưng hôm nay, chúng ta chưa bàn đến những cuốn sách ấy của ông. Chuẩn bị kỷ niệm một ngàn năm Thăng Long Hà Nội, tôi lại có dịp lần la hỏi chuyện ông, rồi cùng ông đi dạo quanh... phố phường Hà Nội.

Trần Đăng Khoa: Thưa nhà văn Tô Hoài, có thể xem ông như một nhà Hà Nội học, mặc dù ông không nghiên cứu. Nhưng với một sự am hiểu khá thấu đáo, cặn kẽ, qua con mắt của một nhân chứng, trong suốt gần một... thế kỷ nay, ông thấy Hà nội xưa thế nào?

Nhà văn Tô Hoài: Tôi không phải là nhà Hà Nội học. Tôi hiểu Hà Nội thì cũng là hiểu một cách rất tự nhiên thôi. Tôi sinh ở Hà Nội. Hà Nội trước thế nào thì bây giờ tôi thấy nó cũng vẫn như thế...

Trần Đăng Khoa: Nghĩa là không có gì đổi khác?

Nhà văn Tô Hoài: Đúng vậy. Trừ những khu mới mở, như đường Hoàng Quốc Việt chẳng hạn, còn các khu phố cũ vẫn thế. Nhà cửa có thể khác tý chút, có tân trang hơn hoặc nâng thêm tầng, nhưng đường phố vẫn vậy, nên phố phường về cơ bản vẫn không có gì thay đổi. Ngày xưa thế nào thì bây giờ vẫn thế. Tôi có thể nhắm mắt đi đến khu phố nào cũng được. Vía hè vẫn là vía hè cũ ở các phố Ngô Quyền, Hàng Khay, Tràng Tiền, Hàng Bài, hay Nguyễn Xí, Đinh Lễ, đầu vía hè còn bọc đá xanh. Đây là vía hè xưa, vía hè đầu tiên của Hà Nội. Đá bọc vía hè là đá lấy từ núi Thầy, núi Trầm. Lý do dùng đá ốp vía hè thì cũng đơn giản thôi. vì dạo ấy ta chưa có lăm xi-măng. Đi trên đường phố Hà Nội, tôi thấy quen thuộc vô cùng. Cả hệ thống cống ngầm bên dưới cũng thế, cũng là hệ thống cũ. Vì thế, bây giờ mưa, đường Hà Nội ngập úng là tất nhiên, vì quá tải. Ta còn thấy những nắp cống tròn còn nguyên cả dòng chữ Marseille. Đó là nắp cống đúc từ bên Pháp, rồi mang sang bán ở ta. Hồi bấy giờ, ở phố Quán Thánh, ngay cạnh đền Quán Thánh bây giờ, Pháp có mở công ty Sacric. Đây là công ty gạch ngói Đông Dương. Khu sản xuất khá rộng, đến mấy ngàn mét vuông. Đất sét đóng gạch lấy ở Quán La, bên kia Tây Hồ, rồi dùng chuyên chở sang. Thuyền bè bấy giờ tấp nập lắm.

Trần Đăng Khoa: Ông thấy Hồ Tây thuở ấy thế nào?

Nhà văn Tô Hoài: Bây giờ Hồ Tây bị thu hẹp lại vì trò lấn đất. Trước đây rộng lắm. Ngút ngát cả một vùng trời nước. Xung quanh hồ, um tùm cây lá rậm rạp. Ven bờ, người ta còn thả sen. Nhiều sen lắm. Sau bỏ sen để nuôi cá mè, vì cá mè hay rúc vào bãi sen, tróc vảy chết. Trước đây, ở Hồ Tây không có cá mè đâu. Người ta chỉ thả một loại cá trắm. Cá mè tanh. Dân Hà Nội không ăn, nên chỉ có ở ao quê.

Trần Đăng Khoa: Thế còn các khu phố Hà nội?

Nhà văn Tô Hoài: Địa giới Hà Nội xưa rất hẹp. Đi hết trường Chu Văn An bây giờ đã là đất Hà Đông rồi. Làng Yên Phụ cũng thuộc đất Hà Đông. Người Pháp xưa đặt tên Đường, tên Phố rất rành rẽ. Phố là địa giới nằm trong khu vực nội thị, còn Đường là nối với các tỉnh khác. Cuối Đường đã là tỉnh khác rồi. Ví như Đường

Huế nối với Hà Đông, Đường Hàng Bột, hay Đường Bạch Mai cũng thế. Cuối đường là địa phận của tỉnh khác. Về mặt hành chính, Hà Nội được chia ra làm bốn khu. Khu phố cổ, bao gồm địa danh của 36 phố phường xưa, như Hàng Buồm, Hàng Bạc, Hàng Thiếc v.v... Rồi khu phố cũ là khu phố xây dựng từ thời Tây, có những biệt thự kiểu Tây, như phố Hàng Khay, Tràng Thi, Bùi Thị Xuân, Huyền Trân Công Chúa, Phan Đình Phùng, hai bên đường, có vỉa hè xây và trồng cây hai bên, cảnh lá giao nhau, nói như ông Phạm Quỳnh, và dùng chữ của ông Phạm Quỳnh thì đây là đường thông cù. Đó là khu ở của những ông Tham, ông Phán hoặc dân nhà giàu...Khu phố mới, là khu phố được nói ra, xây dựng sau này. Còn khu thứ tư là khu dưới bãi, nơi ở của dân cu ly cu leo...

Trần Đăng Khoa: Chắc đó là vùng Nghi Tàm, Yên Phụ bây giờ?

Nhà văn Tô Hoài: Không, từ Yên Phụ trở lên Nghi Tàm xưa là đất trồng dâu, trồng ngô. Còn khu dưới bãi là vùng An Dương, Chương Dương bây giờ...

Trần Đăng Khoa: Ông vừa nói đến phố cổ. Tôi thì lại ngỡ ngỡ rằng, hình như Hà Nội mình, trừ các chùa chiền và Văn Miếu, một công trình kiến trúc có tuổi thọ ngọt một ngàn năm, sau được trùng tu, tôn tạo qua rất nhiều đời, còn thì chúng ta không có phố cổ mà chỉ có phố cũ. Bao gồm cả phố cũ xưa ta xây và phố cũ sau này Tây xây. Đó là Ba mươi sáu phố phường xưa và những khu phố có biệt thự Tây như ông vừa nói. Bởi vì những khu phố đó có rất nhiều nhà chỉ xây cách đây chúng hơn một trăm năm thì sao lại gọi là phố cổ được? ở Nga, có những thành phố cổ như Xuzđan xây dựng cách đây hơn 11 thế kỷ trong đó có những căn nhà gỗ, tường xếp bằng nguyên cả những cây gỗ, mái cũng lợp gỗ. Trong nhà vẫn còn nguyên cả những đồ đạc có cách chúng ta 1200 năm. Ở ta, nếu có phố cổ thì đây chính là Hội An. Một khu phố rất lạ. Kiến trúc khá độc đáo. Hội An có một vùng văn hoá riêng một bầu không khí cũng rất riêng biệt. Hàng tháng, cứ vào đêm 14 là người ta tắt hết điện, thắp đèn lồng. Những căn nhà gỗ trông rất cổ kính. Vào trong nhà không khí khác hẳn, nhiệt độ cũng mát hẳn. Người ta lấy gió tự nhiên làm điều hoà nhiệt độ cho cả căn nhà. Ở đó không có AIDS, không có kẻ cắp, trộm lộn và những kẻ lừa đảo. Tóm lại, những cái

xấu, cái hỗn tạp của chúng đô thị hiện đại không du nhập được vào khu phố cổ này. Người dân sống giữa một bầu không khí trong vắt như ở hồi thế kỷ 17. Ngay cả việc buôn bán của họ cũng rất lạ lùng. Tôi mua một cái quần bò. Bà chủ quán hỏi rất cặn kẽ: Chú định mặc một lần hay muốn dùng lâu dài? Khi biết tôi thuộc dân ăn chắc mặc bền, bà chủ quán khuyên tôi nên sang cửa hàng khác. Không xa đâu. Chỉ cách quán bà có ba nhà thôi. Bà bảo đồ của bà không tốt. Chỉ qua vài lần giặt là vải xù ra. Tôi không thấy ở đâu có người bán hàng lạ lùng như thế. Nếu đã mua hàng rồi mà không ưng, hôm sau có thể mang trả lại. Người bán sẽ hoàn lại nguyên tiền, không bớt đi một xu, cũng không hề tỏ vẻ trách móc. Đây là buôn bán theo lối cổ ở một thời xã hội còn trong veo. Hà Nội chẳng bao giờ có chuyện như thế.

Nhà văn Tô Hoài: Nói Hà Nội không có phố cổ thì cũng không hẳn. Tôi nhớ nhà nghiên cứu sử học Dương Trung Quốc hình như cũng nói thế. Hà Nội không có khu phố cổ nhưng có nhà cổ. Ví như nhà số 38 Hàng Đào và 87 Mã Mây. Hai ngôi nhà cổ này đã được Pháp đầu tư tài trợ để bảo tồn. Có thể rất dễ dàng nhận ra nhà cổ. Nhà cổ có hai cửa. Cửa trước dành cho chủ nhà đi. Cửa sau dành cho gia nhân, đầy tớ, hoặc chuyển phân rác và đồ phế thải. Hà nội xưa có những vùng riêng biệt. Thành thị không phải là một từ không đâu. Đó là hai khu cụ thể. Thành là nơi vua quan ở, còn thị là nơi ở của dân chúng, chủ yếu là dân buôn bán phục vụ cho thành. Vua quan trong thành thỉnh thoảng ra đường, nên thường qui định dân chúng chỉ được ở nhà trệt, không làm nhà gác, hoặc nếu có nhà gác thì không được trở cửa sổ hoặc làm ban-công chìa ra đường, vì vua quan đi ở bên dưới. Không ai được đứng trên đầu vua. Bởi thế, nhà cổ không có ban công hoặc cửa sổ trở ra đường. Tôi cũng đồng ý với anh Dương Trung Quốc là chúng ta nên xác định rõ đâu là nhà cổ để gìn giữ, trùng tu, còn đâu là những ngôi nhà cũ để cho dân được tôn tạo, nâng cấp hoặc xây dựng lại. Bởi nhiều nhà tối tăm, xập xệ quá. Thực chất đó là những khu nhà ổ chuột. Đã thế, vệ sinh lại không bảo đảm, vừa ô nhiễm môi trường, vừa làm mất cảnh quan đô thị...

Trần Đăng Khoa: ở Hà Nội, trong số 36 phố phường như ông nói, có những tên phố rất lạ: Hàng Đường, Hàng Quạt, Hàng Nón,



Hàng Mắm, Hàng Thiếc, Hàng Thùng, Hàng Buồm, Hàng Trống... Nghe cứ như tên các quán hàng. Có cảm giác Hà Nội là một cái chợ. Chắc ngày xưa mỗi khu phố là một nơi sản xuất và buôn bán các mặt hàng riêng biệt. Ví như Hàng Rươi bán rươi, Hàng Mắm bán... mắm chẳng hạn?

Nhà văn Tô Hoài: Không hẳn thế đâu, có rất nhiều mặt hàng, người ta sản xuất ở quê, ở Hà Đông và các vùng phụ cận, rồi đem ra bán ở Hà Nội. Như đồ gò đúc đồng, rồi guốc dép, mũ nón. Trước đây, Hà Nội còn có phố Hàng Tiện và phố Hàng Dép nữa. Đó là hai phố nhỏ. Phố Hàng Tiện ở bên Hàng Gai trông ra phía Bờ hồ, phố Hàng Dép ở đầu Hàng Buồm. Hai phố này, năm 1945 bị phá huỷ trong những cuộc đánh nhau với Pháp, rồi cũng từ đấy bị mất phố luôn.

Trần Đăng Khoa: Thế còn những phong tục tập quán ở Hà Nội?

Nhà văn Tô Hoài: Hà Nội không có phong tục tập quán gì cả. Bởi trước đây, Hà Nội là đất nhượng địa cho Tây. Một anh đi ăn cắp chẳng hạn, nếu bị xử ở Hà Nội có thể sẽ rất nhẹ, nhưng nếu xử ở Hà Đông, trong toà án An Nam thì nặng hơn nhiều. Hà Nội theo luật lệ riêng của Tây. Muốn làm gì cũng phải xin phép Tây. Ngay cả việc dạy học tư, cứ có từ năm học sinh trở lên là đã phải xin phép. Muốn có hội hè đình đám là phải tập hợp rồi. Tây rất ngại sự tụ tập của dân chúng. Nó sợ ta gom quân đánh nó. Vì thế đình đám chỉ có thể tổ chức được ở các làng quê. Mà không phải làng quê nào cũng có hội đâu. Hội hè rước xách còn phụ thuộc vào sự tích của các ông Thánh ở làng. Không phải làng nào cũng có ông Thánh, nên không thể cứ rước xách tùm lum được. Làng Nghĩa Đô quê tôi cùng lắm cũng chỉ làm được một đêm chèo.

Trần Đăng Khoa: Nếu cần nói thật ngắn gọn về tính cách người Hà Nội thì ông sẽ nói thế nào? Thanh lịch hào hoa chăng? Ca dao xưa:

*Chẳng thơm cũng thể hoa nhài*

*Chẳng thanh lịch cũng là người Tràng An*

Nhà văn Tô Hoài: Hà Nội do dân tứ phương lập lên. Người Hà Nội gốc có lẽ chỉ là mấy anh đánh cá ở sông Tô Lịch. Chẳng có ai sống ở Hà Nội được đến mười đời. Vì thế muốn hiểu tính cách người

Hà Nội, ta phải tìm hiểu tính cách chung của người Việt Nam rồi nghiên cứu cá tính người thành thị thì mới ra tính cách người Hà Nội. Tất nhiên người Hà Nội có nét hào hoa phong nhã, nhưng đây không phải tận gốc mà là tinh hoa của nhiều vùng đất tạo nên. Dân Hà Nội là dân tứ chiếng. Vì thế, ở Hà Nội tuyệt nhiên không có chuyện cục bộ địa phương. Tôi cho đó cũng là một nét rất hay của Hà Nội.

Trần Đăng Khoa: Ông đã nói Hà Nội trước đây thế nào thì bây giờ vẫn thế...

Nhà văn Tô Hoài: Đúng vậy. Ta chỉ bổ sung thêm mà ít thay đổi. Về cơ bản, ta vẫn giữ nguyên như cách bố trí, sắp đặt của ông Trần Văn Lai.

Trần Đăng Khoa: Xin ông nói rõ hơn được không?

Nhà văn Tô Hoài: Trần Văn Lai là một bác sĩ. Ông là người tốt, người yêu nước. Chính vì thế, thực dân Pháp đã bỏ tù ông. Tháng Ba năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, ông được ra tù và được mời làm Thị trưởng thành phố. Trần Văn Lai chỉ làm Thị trưởng có 5 tháng, từ tháng Ba đến tháng Tám năm 1945, nhưng ông đã làm được hai việc rất cơ bản. Một là đập hết các tượng đài của Pháp, chỉ để lại hai tượng bán thân là tượng Yersin và tượng Pasteur. Hai là thay lại các tên phố. Trước đây phố Hà Nội hầu hết mang tên Tây, hoặc tên những người Việt có công với Tây. Một số danh nhân của ta cũng được đặt tên, nhưng lại ở những phố tồi tàn, bẩn thỉu, hoặc hẻo lánh. Ông Trần Văn Lai thay lại hết. Tất nhiên ông thạo võ hơn văn. Dân văn chương thì ông chỉ biết Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm cho đến Tú Xương là hết. Dân võ ông biết nhiều hơn. Tất cả những người ông biết, ông đều đặt hết tên phố. Đặc biệt, ông rất yêu các vị võ tướng. Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Trần Nhật Duật, Trần Bình Trọng, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Bùi Thị Xuân, Hoàng Hoa Thám. Nguyễn Thái Học. Toàn là các võ tướng lừng danh cả. Rồi lại cả Ba Đình nữa. Tôi có đọc trong một tờ báo thấy có anh giải thích rằng trước đây ở khi Quảng trường này có ba... cái đình nên Quảng trường mang tên Ba Đình. Làm gì có đình nào ở đấy cơ chứ. Ba Đình là nơi có cuộc khởi nghĩa của ông Đình Công Tráng ở Thanh Hoá. Quảng trường mang

tên cuộc khởi nghĩa ấy. Sau này, ta định đổi thành Quảng trường Độc Lập để ghi nhớ ngày 2-9-1945. Nhưng Cụ Hồ không đồng ý. Cụ bảo, mình đã tuyên bố với thế giới là Tuyên ngôn Độc lập đọc ở Quảng trường Ba Đình rồi, giờ không nên thay đổi nữa. Pháp tái chiếm Hà Nội, chúng thay là Quảng trường Hồng Bàng. Sau khi ta thắng Pháp, Quảng trường trở lại tên Ba Đình, đúng như cái tên ông Trần Văn Lai đã đặt.

Trần Đăng Khoa: Thế còn việc phá bỏ tượng đài?

Nhà văn Tô Hoài: Hà Nội cũ rất lắm tượng. Riêng tượng hoành tráng, tượng toàn thân đã có khoảng hơn chục cái. Còn tượng bán thân thì rất nhiều. Nhưng cũng đều là tượng Tây, hoặc tượng những người có công với Tây, được dựng nhân ngày kỷ niệm gì đó của Pháp. Như ở vườn hoa Indira Gandi bây giờ, trước đây có tượng toàn thân ông Toàn quyền Paul Bert. Rồi tượng Nữ thần Tự do. Cái tượng người đàn bà giơ cao ngọn đuốc dựng ở Hoa Kỳ, thành một danh thắng của Mỹ, do Pháp tặng ấy, trước đây đã có ở Hà Nội rồi. Dân mình gọi nôm na là tượng Bà đầm xoè. Cái tượng này thoát đầu đặt trên nóc Tháp Rùa ở giữa hồ Hoàn Kiếm. Sau báo chí Pháp chửi ghê quá. Họ cho rằng cái tượng lớn như thế mà lại đặt chênh vênh trên bốn cái cọc sắt thì không được bề thế và chắc chắn. Thêm nữa để đàn bà trùm váy lên đền miếu là không tôn trọng phong tục tập quán của người bản xứ. Bức tượng được đưa về đặt ở vườn hoa Cửa Nam, gần chỗ bức Công an ở chợ Cửa Nam bây giờ. Còn một bức tượng hoành tráng rất đồ sộ nữa đặt ở vườn hoa Canh Nông, chính là khu vực bây giờ mình đặt tượng Lenin.

Trần Đăng Khoa: Tôi nghĩ rằng, cụ Trần Văn Lai rất hiểu người Việt và người phương Đông nói chung. Dân mình không mạn mà lắm với tượng đài. Yêu ai, sùng kính ai thì họ lập chùa chiền đền miếu để thờ, rồi còn hương khói cúng tế. Không ai cấm hương dưới chân các bức tượng đá ngoài trời cả. Dân mình là dân có tín ngưỡng. Đình chùa, đền miếu mới chính là tượng đài của người Việt. Còn những bức tượng đá ngoài trời là công trình văn hóa phương Tây, nó hợp với văn hoá tập quán và khí hậu phương Tây. Ở ta bão gió, mưa nắng đều rất dữ dội, chưa kể chim muông nó đồ lên, có việc gì mà nó không làm. Vì thế chỉ sau vài năm là tượng sứt

seọ, mốc thếch và rất nhem nhuốc. Các nhà quản lý văn hóa rất nên nghiên cứu kỹ tâm lý, quan niệm của dân ta và khí hậu cũng như các điều kiện khác của ta trước khi dựng tượng đài. Bỏ ra hàng trăm tỷ đồng dựng những bức tượng mà dân không đến thì có nên không?

- Thế còn vườn hoa Canh Nông? Thưa nhà văn Tô Hoài, tại sao lại gọi là vườn hoa Canh Nông?

Nhà văn Tô Hoài: Cái tên ấy cũng do dân gọi mà thành. Đơn giản thôi, vì ở đây có cái tượng rất lớn. Cái tượng này được dựng nhân dịp Pháp kỷ niệm cuộc chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914 -1918). Trên đỉnh là một thằng lính Tây và một thằng lính Ta (lính ngụy) cùng chĩa súng bắn vào cột cờ Hà Nội. Dưới là bốn mặt Sĩ, Nông, Công, Thương. Sĩ là ông thầy đồ cấp cái tráp. Công là một anh kéo cái xe cút kít (loại xe một bánh). Thương là một mù đàn bà te tái gánh đôi quang thúng. Còn Nông là anh thợ cày đang bước sau con trâu. Cái bụng trâu to đùng và anh nông dân đang cày chiếng ra phía đường, nên ai qua cũng thấy. Còn ba mặt Sĩ, Công, Thương chìm trong cây lá và ở phía sau nên nhiều người không biết. Người ta chỉ thấy ở đây có anh nông dân đang cày nên gọi là vườn hoa Canh Nông. Đằng sau bức tượng là cái đình tám mái, trong có tám bia đá ghi tên những người Việt có công với mẫu quốc. Cái bia ấy, ông Trần Văn Lai cũng đã cho đập đi. Giờ chỉ còn có mỗi cái đình và một cây đa, trên thân cây đa lại có cây dừa là dấu tích cũ còn lại. Ở Hà Nội có khoảng chục cây chồng lên nhau như thế.

Trần Đăng Khoa: Ông bảo, Hà Nội về cơ bản vẫn như cũ. Ta chỉ có bổ sung thêm...

Nhà văn Tô Hoài: Đúng vậy. Ngoại trừ vùng ngoại ô và những khu mở thêm. Còn bên trong vẫn vậy. Thậm chí có cả những tên phố, Pháp để chờ đặt tên từ thời Pháp, giờ vẫn nguyên như vậy. Đó là những phố mang tên một loại các con số, như phố 334, 335, 325, 332, 336... Đây là phố Pháp gá tạm, chờ có tên mới thì đặt, giờ ta vẫn để nguyên như thế. Ngay cả những phố cụ Trần Văn Lai đã đặt tên rồi ta cũng có thể điều chỉnh cho hợp lý. Phố Nguyễn Thái Học, Hoàng Hoa Thám dài quá, có thể cắt ra được. Đã có phố Hoàng Hoa Thám rồi thì không nên có phố Yên Thế nữa, hay đã có phố Nguyễn

Thái Học rồi thì còn thêm phố Yên Bái nữa làm gì.

Điều nhà văn Tô Hoài nói, không phải không có lý. Đặc biệt là việc xác định lại cho chính xác phố cổ để trùng tu, còn nhà cũ, phố cũ tồi tàn và xuống cấp quá thì để dân tôn tạo, sửa chữa, hay như việc chỉnh lại những dãy phố quá dài. Trong khi đó, phố Nam Cao lại chỉ có mỗi một số nhà, sao gọi là phố được. Mấy khu phố Pháp vẫn để chờ từ thời Pháp kia, mấy năm gần đây cũng đã được đặt thành tên mới: Phố 334 thành phố Cẩm Hội, phố 335 là Đông Mác, phố 325 là Thể Giao, phố 332 là Chùa Vua, phố 333 mang tên Lê Gia Định, phố 337 mang tên Đỗ Ngọc Du, phố 339 vẫn mang tên Yên Bái, phố 358 là Núi Trúc, phố 356 là Thanh Bảo. Bây giờ ở Hà Nội chỉ có một phố mang tên con số. Đó là phố Mồng 8 tháng 3. Đã đến lúc chúng ta cũng cần chỉnh lại cho hợp lý. Chuẩn bị kỷ niệm Một ngàn năm Thăng Long, ta cần gìn giữ, tu tạo làm sao để có được một thành phố, một Thủ đô văn hoá vừa đẹp, vừa hiện đại lại không làm mất đi những vẻ đẹp xưa cũ.